

Đào Văn Hội

Niên Thiếu Anh Hùng
(Truyện Ngắn)

1973

Năm Quý Sửu

Một vài cảm nghĩ về quyển
Niên Thiếu Anh Hùng
của cụ Đào Văn Hội

Những năm gần đây các sách viết cho trẻ em xuất hiện khá nhiều, và ngoài một số tác phẩm giá trị do những ngòi bút đứng đắn thực hiện, người ta có thể nhận thấy còn những hiện tượng tiêu cực như sau :

Về mặt nội dung, sách chiều thị hiếu để mong tiêu thụ cho nhiều, do đó nặng phần khai triển, nhẹ phần xây dựng bao nhiêu nhược điểm căn bản của tâm lý trẻ. Chủ nghĩa anh hùng cá nhân, tính cách phiêu lưu vong mạng, bản chất mơ mộng, xa rời thực tế đã được tô đậm như là cốt tính bất biến của tuổi thơ ngây. Đồng thời, trên cái ý hướng nặng về thương mại, người ta mô phỏng dễ dàng sách truyện nước ngoài để cung ứng kịp cho một thị trường rộng lớn, vì vậy tâm tình nhân vật, bản sắc vấn đề xa dân đời sống dân tộc, vô tình tạo một tâm lý vọng ngoại nguy hại về sau.

Ngoài ra, về mặt hình thức, lời văn và kỹ thuật viết cũng thiếu chỉnh tề, nghiêm túc, đúng với tính cách quan trọng của sự xây dựng tuổi thơ bằng các phương tiện văn hóa, nghệ thuật.

Với quyển **Niên Thiếu Anh Hùng**, cụ Đào Văn Hội hy vọng góp phần bổ túc những điểm thiếu sót của thực trạng này. Ba mươi truyện ngắn ở trong tuyển tập phần lớn là những vấn đề đã được rút từ thực tế bản thân, thực tế xã hội, thực tế lịch sử của đất nước, làm thành chất liệu sống động cho những câu chuyện gần gũi mà lớn lao, đơn giản mà phong phú, nhẹ nhàng mà sâu xa.

Trong khi cúi xuống những mái đầu xanh đang chờ nâng đỡ, giữa một môi trường mà cái bản chất vụ lợi chen đua dễ khiến lớp trẻ cảm thấy bơ vơ, lạc loài, cụ Đào Văn Hội hầu như đã quên được màu sương tuyết của tháng năm dài chồng chất, để cho tim mình tìm lại được sự hòa điệu trẻ trung, gọi lại niềm vui đã mất, nhắc lại kỷ niệm đã quên, khôi phục lại những giá trị ẩn trong kho tàng quá khứ.

Người đọc, dù lứa tuổi nào, cũng sẽ tìm thấy những điều bổ ích qua tập truyện này, viết bởi một người đã đem tinh thần trách nhiệm thật cao để sử dụng kinh nghiệm sống dồi dào. Và sự chí tình của tác giả, đối với lớp trẻ mà cụ mong mỗi là một thể hệ anh hùng, để khiến chúng ta cảm động, tưởng như được đọc những lời cầu nguyện chân thành cho một tương lai tươi đẹp.

Sài Gòn 31/8/73

Vũ Hạnh

*Nhơn sinh tự cổ thùy vô tử
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh*

Văn Thiên Tường - Giáo sư Phạm Đình Huy

dịch :

*Xưa nay, người sống ai không chết,
Để tấm lòng son rạng sử xanh*

Tựa

Cách đây mấy mươi năm, thi sĩ Tản Đà nhìn cuộc đời bằng đôi mắt bi quan, thả ra hai câu thi đầy chán nản :

*Văn minh Âu Á trời thu sạch,
Này lúc luân thường đảo ngược ru !*

Và văn sĩ Pháp Rabelais cũng đã than : « Science sans conscience n'est que ruine de l'âme », chúng tôi xin tạm dịch : « Vô đạo đức, học thức chỉ làm cho bại hoại tinh thần mà thôi ».

« Từ quang tạp chí » số 242, tháng 4, năm 1973, Cư Sĩ Chánh Trí nhận thấy rằng : « ... mỗi cá nhân (xin mạn phép thêm : mỗi quốc gia) cố tranh giành phần lợi về cho mình bằng mọi phương tiện mà sức mạnh của riêng mình cho phép chỉ thấy hạnh phúc của riêng mình và chẳng thấy hạnh phúc của một ai khác ».

Bất công ấy « ... bắt nguồn từ một trong những tật xấu sau đây : tự ái, tư lợi, tham lam, nóng giận, say đắm, mê muội... »

Vì thế mà, trên mặt báo hàng ngày, nhan nhản những tin tức giết người cướp của, lường gạt, dâm loạn, chưa kể việc bốn biển năm châu – và chính tại nước non nhà – ngập trời khói lửa, xương núi máu sông.

Và Cư Sĩ Chánh Trí kết luận : « nhân loại tiến về phần kỹ thuật, còn thoái là về phần đạo đức, tinh thần ».

Chúng sanh bệnh, tức là Bồ Tát bệnh.

Bởi thế cho nên, những bậc đại từ bi, đại bác ái, những nhà triết học, lãnh đạo tôn giáo tận lực tận tâm tìm phương chẩn trị.

Đã đành điều ấy rất đáng mừng, song chúng tôi, mặc dầu đức kém tài hèn, tác dạ nhiệt thành với Đời với Đạo không dám thần nhiên, cũng tự thấy có nhiệm vụ thiêng liêng góp công xây dựng Văn hóa Nước Nhà, dầu là một viên gạch nhỏ nhoi, tài bồi đạo đức, bằng cách chép ghi, sáng tác những truyện ngắn dựa trên nền tảng luân lý cổ truyền, yêu mến quê hương, hiếu kính cha mẹ, trọng nghĩa nhân, làm lành lánh dữ ...

Viết những truyện tầm thường, không văn hoa hấp dẫn, không tạo những hoàn cảnh quá ly kỳ, chúng tôi ước mong, sau khi xếp tập truyện ngắn **Niên Thiếu Anh Hùng**, độc giả vui lòng ban cho nó một lời khuyến khích : « À ra trên cảnh thế gian đau khổ này, cạnh bên những vũng lầy Ô trược, còn có những hoa huệ, hoa sen ! »

Thế là chúng tôi mãn nguyện.

Việt Nam Cộng Hòa
Mùa xuân hy vọng
1973
Đào Văn Hội

Xin lưu ý :

Những nhân vật dùng trong tập truyện ngắn này là những tên thường gặp ngoài đời.

Trong trường hợp ngẫu nhiên trùng với tên ai, đó là ngoài ý muốn soạn giả, xin quý vị vui lòng thông cảm.

I

Những Trẻ Cao Thượng

*Những bức vĩ nhân xa xưa,
Tạo những vĩ nghiệp ngày nay,
Cũng do thanh thiếu niên
Mà ra*

(Trích lịch Tam Tông Miếu – 1973)

1) Niên thiếu anh hùng

Năm ấy, 1861, trên miền Nam đất Việt.

Làng Trường Bình, một đêm đầy u ám.

Từ xóm này qua ấp kia, lâu lâu, tiếng loa gọi thanh niên nên vì Dân vì Nước mà sung vào đội ứng nghĩa quân, chống lại ngoại xâm, tranh thủ độc lập.

Quốc vận gặp hồi diên đảo.

Quân binh Pháp đánh chiếm Định Tường. Thành Mỹ Tho thất thủ, Hộ đốc Nguyễn Công Nhân tẩu thoát.

Trước làn sóng xâm lăng, văn thân Việt Nam mộ ứng nghĩa binh chống cự.

Nguyễn Trung Trực đốt chiếc tàu « l'Espérance » của Pháp tại vàm Nhứt Tảo, Tân An.

Lãnh binh Trương Định thỉnh thoảng tập kích Gò Công rồi rút vô « Đám lá tối trời », miền sông Soi Rạp, mà ẩn trú.

Trong lúc ấy, một bọn người xu thời như Trần Bá Lộc, như Huỳnh Công Tấn « khôn ngoan » chạy theo ngoại quốc để chinh phạt nước ta.

Trong gian nhà lá, đêm nay, hết đứng lại ngồi, đi vô đi ra mãi, anh Lê Phong do dự, không biết xử xự thế nào cho phải.

Từ hồi chiều, thân mẫu anh chẳng ngớt nhắc nhở anh đèn ƠN ngọn rau tất đất.

Chị Nguyệt, vợ anh, cũng khuyến khích anh nên hưởng ứng lời kêu gọi của Cụ Lãnh binh Trương Định, đừng bận bịu thế nhi mà rùn chí anh hùng.

Thậm chí bé Hai mới mười hai tuổi mà cũng tiếc rằng mình không có tài ba như tiểu tướng Trần Quốc Toàn chiêu mộ binh sĩ để « phá cường địch, báo hoàng ân ».

Đến khi gà rộ gáy sáng, Lê Mẫu thức giấc hỏi Phong đã nhứt định chưa, chị Nguyệt thưa rằng chồng chị đã mang gói lên đường hồi canh ba. Trước khi đi, Lê Phong có nói : « Quân Pháp thế mạnh, đã chiếm ba tỉnh miền Đông, thế như chẻ tre, nước Nam đến hồi suy yếu, dầu có tài tể thế an bang như Khổng Minh Gia Cát cũng không cãi trời cho được.

« Chống cự với Pháp chỉ là lấy trứng chọi đá đó thôi ! »

Hai giọt nước mắt nóng hổi, lan tròn trên gò má nhăn nheo của lão bà ái quốc.

Giọng run run, Lê Mẫu than rằng :

« Tôi làn con giặc, đồ khời nó đầu Tây tặc mà sát hại đồng bào ! »

- Má ơi má, hồi chiều, con thấy cha con trong chợ với một tốp lính Tây.

Bé Hai tức giận cau mày nói tiếp :

- Bà nội đoán không sai, cha con đã đầu giặc rồi ! Khổ quá, mắc cỡ biết bao nhiêu !

Chị Nguyệt thở ra, kéo con lại gần nói nhỏ :

- Thôi đồ phản quốc, con đừng nhắc đến làm chi thêm nhục nhã. Con hãy lo đại sự đây này.

« Theo lời chị Minh dọa thám thì bọn quân Tây nhờ người điếm chỉ mà biết quan Lãnh binh (Trương Định) mới về trú ngụ ở Lý nhơn, bọn nó với quân Tần tăng cường lực lượng ngày đó thang đó sẽ đến vây bắt ngài.

« Vậy con phải đi cho chóng, tìm ngài hoặc người thân tín của ngài báo cho hay ý định giặc Tây như vậy, đừng ngài liệu mà đối phó hoặc thoát thân ».

Lãnh sứ mạnh, bé Hai tất tả đi, nhưng trời không mặc hộ anh hùng khiến cho, mới đi được vài cây số, bé Hai đụng đầu một tốp lính viễn chinh tuần tiễu.

Hoảng sợ, Hai chun vô một bụi mắm, (cây mắm là một loại cây giống loại bần, mọc dưới nước dài theo mé rạch), ẩn mình.

Rủi cho em, đoàn chó săn người của quân Pháp cứ chong mò chỗ bé Hai ẩn núp mà sủa mãi làm cho địch quân bắt được vị tiểu anh hùng.

Bất đồ, trong toán quân ấy lại có tên lính Lê Phong.

Phong đoán hiểu bé Hai ra khỏi làng tất có điều quan hệ chi đây, nên vặn hỏi mãi, khuyên dỗ, hăm dọa, hỏi Hai đi đâu, làm gì chỗ người ta đang hành quân mà đi đến.

Bé Hai điếm tỉnh trả lời, rằng em đi Đồng Sơn hốt thuốc cho bà nội.

Không lẽ « anh hùng » đến đối tra khảo đũa bé có đáng thật thà, viên Thiếu úy Pháp chỉ huy tiểu đoàn dùng tiếng Việt bảo Hai :

« Mày hãy hô to ‘Pháp quốc muôn năm !’, tao sẽ thả mày ra ».

Bé Hai mỉm cười khinh bỉ, quất mắt ngó từng người, nhìn Lê Phong rất lâu, làm cho tên công dân phản bội cúi mặt chẳng dám ngó em ; bỗng em ưỡn ngực, lấy hết sức hô to :

« Việt Nam muôn năm ! »

Tiếng súng ‘mút’ (súng mousqueton của Pháp, quen gọi là ‘súng mút’) nổ lên, xé bầu không khí êm đềm chốn thôn quê, một cái thây lả xuống rạch !

Đất thăm trời sầu, gió lốc ào ào thổi, mây đen cuộn cuộn tuôn, dường lên án bọn xâm lăng hung hãn, rồi trồn ngày rả rích mưa sa, như thương, như tiếc đũa trẻ anh hùng, trọng Tổ quốc thiêng liêng, xem thường súng đạn.

2) Oan cho con

Đứa trẻ ấy tên là Thảo, học sinh lớp đệ lục trường Pétrus Ký. Tuổi em mới mười ba, vóc người mảnh khảnh. Em là trai lớn của một gia đình đông con, sống trong cảnh thiếu thốn.

Thân phụ em, ông Hiếu, thương yêu, chiều chuộng em vô cùng, song về phương diện học hành thì ông rất nghiêm khắc.

Là vì, tuổi đã quá năm mươi, ông trông cậy nơi Thảo sau này sẽ thay thế cha nuôi đàn em bốn đứa.

Ông hy vọng rằng sau khi đậu bằng Trung học đệ nhứt cấp, Thảo sẽ được bổ dụng giáo viên.

Làm tùy phái trong tòa soạn báo « Ái quốc », đêm đến, ông còn lãnh băng đem về nhà để viết địa chỉ của độc giả mua báo tháng, mua năm, cứ mỗi trăm là năm mươi đồng.

Nhưng mà, làm thêm công việc ấy, ông cảm thấy mệt nhọc, có lần ông than mắt ông yếu rồi.

Thảo ái ngại nhìn cha ngồi còm còm viết.

Về một chiều kia, Thảo thưa cha :

- Thưa ba, để con viết băng thẻ cho ba, tuồng chữ con giống in tuồng chữ ba vậy.

Ông Hiếu lắc đầu :

- Không nên đâu con, con rán học hành là hơn. Làm cho con mất ngày giờ, ba không nỡ.

Biết tánh thân phụ cương quyết, Thảo không dám cố nài.

Nhà ông Hiếu có hai căn một chái ; phía trong là phòng ngủ, phía ngoài dùng làm phòng khách, phòng ăn và nơi thờ phượng.

Bên chái để bàn viết, tủ sách, là chỗ mấy cha con, mỗi khi cơm chiều xong, cha viết băng báo, mấy con học hành. Đúng chín giờ, các con đi ngủ, còn cha thức làm việc đến gần nửa đêm.

Chờ cha ngủ yên, Thảo trở nhẹ nhẹ dậy ; em ra ngoài, quau chái thắp đèn lên. Trên bàn, còn một đồng băng chưa viết và một danh sách địa chỉ.

Thảo hăng hái viết, lóng tai nghe, mỉm cười rồi lại sốt sắng làm việc.

Thảo viết được một trăm sáu mươi địa chỉ, cha sẽ lãnh thêm tám mươi đồng.

Thảo ngừng viết, sắp đồng giấy có thứ tự hàng ngang, tắt đèn đoạn rón rén về phòng ngủ.

Trưa ấy, lúc ngồi dùng cơm, ông Hiếu vui hơn mọi bữa ; là vì, có hay biết chi đâu, ông ôm xấp băng vô tòa soạn rồi mới đêm mà giao.

Vỗ vai con, ông bảo :

- Nè Thảo, con đừng tưởng ba đã già yếu rồi, đêm hôm qua ba viết băng khá nhiều hơn mấy đêm trước chứ phải chơi đâu ! Tay ba còn viết mau, mắt ba còn thấy rõ mà !

Sung sướng, Thảo nói thầm :

- Tội nghiệp cha tôi, tôi làm cho người được lãnh thêm tiền mà người lại tưởng sức người còn mạnh. Ta hãy can đảm lên !

Đêm sau và mấy đêm sau nữa, Thảo cũng thức dậy vào lúc nửa đêm mà viết băng.

Ông Hiếu không nghi ngờ chi cả, chỉ có lần ông lấy làm lạ sao tháng này, nhà tiêu thụ dầu lửa nhiều hơn tháng trước.

Thảo giật mình song ông không để ý xem xét gì và Thảo vẫn tiếp tục viết.

Khô thay, ban ngày lo làm bài, học bài, ban đêm thức viết băng, Thảo cảm thấy mệt mỏi và, một tối kia, trong lúc làm luận văn, Thảo gục đầu ngủ ngon lành trên tập giấy.

Ông Hiếu nắm vai con lay dậy và khuyên con cố gắng lên.

Thảo rửa mặt cho tỉnh ngủ rồi ngồi làm nốt bài văn, nhưng đêm sau tấn tuồng ấy lại diễn ra và càng ngày Thỏa càng uể oải.

Buổi sáng, Thảo dậy trễ, làm bài qua loa, học hời hợt và dường như chán nản sự học hành.

Ban đầu, ông Hiếu khuyên lơn, khuyến khích con, sau lại buông lời trách mắng :

- Thảo, ba thấy con thay đổi nhiều ; lúc trước, con không có như vậy. Con phải nhớ rằng bao nhiêu hy vọng nhà ta đặt vào học vấn của con. Con lười thôi, biếng nhác, ba buồn lắm !

Thảo oà lên khóc :

- Thừa cha đừng nói thế ...

Thảo sắp nói trắng ra việc mình vẫn làm thì cha lại ngắt lời em, nói tiếp :

- Con cũng biết gia đình ta không khá giả gì, mẹ con hay đau yếu, mấy em con nhỏ dại, cha với con đều phải hy sinh.

« Con coi cha từng tuổi này đáng lẽ phải nghỉ ngơi, trái lại cha còn phải cố gắng làm việc bằng hai, như vậy con đủ hiểu.

« Tháng này, gần Tết, người ta có hứa thưởng cha một tháng lương, nhưng cha không được trọn vui, vì con học dở, làm cha thất vọng, con thấy chưa ?

Thảo cúi đầu suy nghĩ, nhứt định không tỏ cho cha biết bí mật của mình, và tự hứa sẽ cố gắng thêm cho cha được lãnh thêm tiền, cha vui.

Lại hai tháng nữa.

Thảo cũng vẫn thức dậy vào lúc nửa đêm để viết băng. Ban ngày, Thảo tận lực học hành : kết quả vẫn thảm hại.

Đau đớn hơn nữa là tình thương của cha đối với em ngày càng lạnh nhạt.

Buồn tủi, mệt nhọc cả xác thịt lẫn tinh thần, Thảo càng ngày càng ốm, người càng xanh xao.

Thảo quyết định tối nay không thức dậy nữa. Nghe đồng hồ điểm mười hai tiếng, Thảo cảm thấy hối hận nếu em nằm ngủ yên, vì như thế là em không làm tròn phận sự, là em phung phí của gia đình em bảy tám mươi đồng.

Rồi Thảo lại dậy, hy vọng một đêm kia cha sẽ bắt gặp em đang viết, hoặc giả tình cờ ông đếm số băng hai lần thì chừng đó kết cuộc sẽ dĩ nhiên, không cần phải biện bạch.

Một chiều, bà Hiếu thấy con ăn cơm ít và nét mặt xanh xao, bà đâm lo sợ, hỏi :

- Thảo, con có sao không ?

Day qua ông chồng, bà nói :

- Tôi coi thằng Thảo sao nó xanh quá, ông à. Thảo, con đau sao đó, con ?

Ông Hiếu châu mày :

- Nó có sao đâu. Lúc trước, hồi nó siêng học và là đứa con hiếu thảo thì nó có đâu như vậy. Hết lương tâm không yên ổn thì mất sức khỏe chứ có gì lạ đâu !

- Không, nó đau thiệt mà !

- Thì kệ nó chứ !

Thôi rồi, lời nói ấy là một nhát dao đâm vô tim em Thảo ! Giọt lệ tuôn rơi, em vô buồng nằm : không, không thể được, Thảo không thể sống mà thiếu tình yêu của mẹ cha. Thảo sẽ không viết nữa. Em rán học, đứng đầu trong lớp cho cha vui lòng. Em sẽ cương quyết.

Mặc dầu nhứt định như thế, khi đồng hồ gõ dứt tiếng thứ mười hai, Thảo cũng chỗi dậy – có lẽ do thói quen – rồi nhón gót ra ngoài.

Đốt ngọn đèn lên, Thảo ngồi ngay ngắn trong chiếc ghế, nhìn chồng băng trắng trên bàn, nghĩ đến lúc Thảo sẽ không bao giờ viết lên đấy nữa, bỗng dưng em thấy buồn vô hạn.

Không cần suy nghĩ, Thảo lấy viết chấm mực, và ngồi viết chạy đều đều trên giấy.

Tình cờ, khi đưa tay rút tấm băng, Thảo đụng một quyển sách rớt thịch xuống đất, Thảo giật mình, sợ cha nghe thấy.

Nhưng Thảo có làm điều chi quấy đâu mà sợ, vả lại Thảo cũng toan tỏ thật kia mà !

Em lóng tai, nín thở nghe. Không có tiếng chi hết. Cả nhà vẫn đang yên giấc say sưa.

Thảo yên lòng cúi đầu viết và đồng băng mỗi phút mỗi cao lên. Dè đâu, nầy giờ ông Hiếu đứng sau lưng con...

... Nghe tiếng động ngoài phòng học, ông ngồi dậy, tưởng chừng kẻ trộm đến viếng nhà, ông rón rén đi qua bên chái.

Mái tóc bạc kề mái đầu xanh, ông thấy ngòi viết của con chạy bon bon trên giấy.

Bây giờ, mọi sự hiện ra rõ rệt, ông rất tiếc đã xử tệ với con.

Một tình yêu thương vô hạn tràn ngập lòng người cha.

Thình lình, Thảo day đầu ngó lại và kêu lên :

- Cha, cha, tha thứ cho con !

Giờ phút thiêng liêng !

Ông Hiếu ôm đầu con vào lòng, hôn nồng nàn trên trán con, vuốt ve mái tóc con và âu yếm nói :

- Thảo con, chính ba mới phải xin lỗi con, con yêu quý của ba !

3) Kỹ lưỡng

Chuyện xảy ra cách nay đã hơn năm mươi năm rồi, mà tôi còn nhớ rành mạch như mới hôm qua đây.

Tôi nhớ lại thầy tôi, thầy năm Đợi, dáng người ốm yếu, đi đứng khoan thai như một thiếu phụ đẹp.

Thầy da trắng, hàm răng hơi hô, miệng luôn luôn như mỉm cười. Đi dạy học, thầy che cây dù trắng cán tre, đội cái nón tây cũ, mặc áo xuyên đen dài, đi đôi giày hàm ếch.

Trên bàn thầy, hai con roi mây lẳng lơo nằm thường trực, song chúng cũng hiền hậu như thầy tôi, vì chúng không gõ vào mông vào lưng ai bao giờ.

Chiều hôm ấy, một buổi chiều ngày thứ hai, tháng 10 năm 1915.

Bốn giờ, trống đánh, học trò ra chơi.

Nghe tiếng roi nhịp trên bàn lần thứ nhứt, các bạn tôi đồng đứng dậy ; đến tiếng thứ hai, một bầy trẻ con, mười, mười hai tuổi, tóa ra khỏi lớp, tốp chạy xuống mé sông tiểu giải, tốp ồn ào trũng giỡn ngoài sân.

Tôi ra chót mặc dầu tôi ngồi bàn nhứt và đầu bàn.

Thuở ấy, mỗi chiều thứ bảy, thầy cộng điểm học sinh, chia lấy điểm trung bình rồi thứ hai tuần sau, thầy « sắp chỗ » : trò giỏi ngồi bàn trên, dở ngồi bàn dưới.

Vốn chăm học, tôi được hân hạnh nằm trong sổ học trò cưng của thầy.

Thầy năm vò một tờ giấy, thấy tôi còn đứng xớ rớ trong hành ba, thầy trao cục giấy cho tôi và bảo đem đi liệng ...

Lẽ dĩ nhiên là phải quăng cho xa, chớ ném dưới thềm thì thầy cần gì sai bảo tới thẳng tôi !

Thầy tánh sạch sẽ, kỹ lưỡng, tôi biết.

Song, kìa thằng Phát ngoài sân cò nó ngoắt tôi ra đá banh. Thế thì con ma ham chơi nó dục tôi ném bầy cục giấy xuống đường mương trước lớp cho rảnh nợ, rồi ba chơn bốn cẳng chạy bay ra sân, đại chiến ba-long với thằng Phát.

Đang mê trận, bỗng tiếng trống báo vô học nổi lên ình ình.

Mồ hôi nhễ nhại, tôi chạy vô đứng sắp hàng.

Học sanh chằm rãi vô lớp, nhưng khi tôi qua trước mặt thầy thì thầy giữ tôi lại.

Các bạn tôi vô lớp xong, thầy chỉ cục giấy dưới mương bảo tôi xuống lượm.

Tôi thẹn quá và lo sợ thầy sẽ phạt tôi, không biết phạt cách nào.

Thầy bảo tôi để cục giấy lên bàn thầy, lòng tôi bấn loạn, không đoán đặng thầy sẽ làm gì ; xong ; thầy cho tôi về chỗ.

Học trò ngạc nhiên, chòng chọc nhìn tôi, tôi cúi mặt chẳng dám ngó ai.

Thầy nghiêm nghị bảo tôi ôm cặp xuống ngồi dưới bàn chót.

Tôi túi hồ đến rom róm nước mắt.

Rồi thầy kêu học sanh dở cuốn sách tập đọc Pháp văn là cuốn « Lectures – Simard », đọc như thường bữa.

Trở trêu thay, chiều ấy lại đọc bài « Đứa học trò kỹ lưỡng », tôi còn nhớ mang máng một đoạn như vậy :

« Trò Tốt ăn mặc sạch sẽ, sách vở không lấm mực, không hề có dấu tay, mấy góc đều ngay thẳng.

« Mỗi khi cha mẹ và thầy sai bảo việc chi, trò thi hành châu đáo.

« Tánh kỹ lưỡng của trò làm cho cha mẹ và thầy hài lòng, các bạn yêu mến ... »

Tôi yên trí là thầy ám chỉ tôi và tôi oán cái lão simard nào đó đặt ra bài « Đứa học trò kỹ lưỡng » làm chi không biết !

Giờ về, trời lấm tẩm mưa, anh em bạn thấy tôi « xuống chơn » không đứa nào thềm đứng một cặp cùng tôi, tôi đành phải « giữ đuôi » vậy.

Về đến nhà, tôi lơ lơ lửng lửng, như đứa mất hồn, ăn có nửa chén cơm.

Mà tôi rờ trán, thấy nóng hanh hanh, bắt tôi uống một viên kí-ninh.

Tôi nhăn mặt, rùng mình, muốn kêu to là thầy đã cho tôi « uống kí-ninh » rồi, song con roi tre của má tôi oai vệ, hùng hổ hơn con roi mây yếu xịu của thầy tôi, nên tôi không dám hở môi.

Sáng ra, vô lớp, liếc lên bàn thầy, cục giấy tai nghiệt cứ nằm chình ịch trên đấy !

Các bạn liếc xéo tôi, mỉm cười, chế giễu.

Coi kìa thằng Phát, cái thằng phản bội, hôm nay dường như nó quên thằng Hiệp này từng đá banh với nó, nó rủ thằng Hiền đi chơi, mà Hiền là đứa thường ngày nó không ưa, vì Hiền đã học dở lại tánh xấu, thầy ghét thằng Hiền.

Nó trêu mình, có tức chết được không !

Hôm ấy, tôi viết ám tả không có lỗi nào, được mười điểm, làm hai bài toán trúng, cũng mười điểm.

Nhưng mà luôn hai hôm, thầy tuyệt nhiên không kêu tôi « trả bài ». Thật tủi nhục cho tôi quá ! Thà là thầy đánh vài roi, thầy mắng một câu rồi thầy xóa tội cho, chớ thầy phạt kiểu đó, thầy đã « đày » mình ra tận « biên thùý » mà thầy không còn ngó ngành gì đến mình nữa hay sao ?

Nhút là mình thuộc bài, lại càng muốn cho thầy kêu lắm.

Còn cục giấy quái ác kia, nó cứ nằm chường mặt mãi trên bàn thầy, sao nó không chịu bay đi vào giỏ rác cho rảnh ?

Ngày nào thầy còn thấy nó trước mặt, tức là thầy không quên tội trạng của mình, vậy thì ... một cũng phải thủ tiêu, hai cũng phải thủ tiêu nó.

Thế là, sớm mai thứ năm, tôi vô sớm, thừa dịp lớp học vắng teo, như một tên bắt lương phạm tội lần đầu, tôi run run cấp cục giấy, chạy quãng tuốt xuống sông trước trường học.

Vô lớp, ngồi dưới bàn, tôi sẽ lên liếc xem phản ứng của thầy làm sao.

Thầy ngó trên bàn viết rồi thầy trông xuống tôi, tôi cúi mặt, giả vờ dở tập giấy ra.

Thầy không nói chi hết.

Chiều thứ năm, các lớp nghỉ học.

Sớm mai thứ sáu, may mắn thay cho tôi, thầy kêu tôi lên bảng làm bài, dịch Việt văn ra Pháp văn.

Mấy lần trước, về môn này, mỗi câu tôi dịch đúng là thầy không ngớt ngợi khen, nhưng lần này thầy chỉ nghiêm trang khuyên cho tôi một điểm cao.

Chuyện phải đến đã đến.

Chiều thứ bảy, từ bốn giờ rưỡi tới năm giờ, thầy bồn thần cọng sổ, chia lấy điểm trung bình, sắp hạng.

Rồi sớm mai thứ hai, học trò vừa ngòn yên vào chỗ cũ, thầy tuyên bố kết quả : Hiệp, điểm trung bình 8, hạng nhứt.

Tôi đứng dậy, do dự không biết còn phải ngồi bàn chót hay là « được hồi cựu vị » thì thầy mỉm cười, ngón tay trở xinh đẹp của thầy chỉ tôi đầu bàn, bàn nhứt.

Thế là thầy đã xóa lỗi cho tôi.

Trưa đó, tôi về nhà, mặt tươi như hoa, nói chuyện nhiều hơn thường bữa. Không thể giấu được nỗi mừng, tôi kêu má tôi :

- Má ơi, má, tuần này con hạng nhứt, má à.

Má tôi hơi ngạc nhiên vì, mấy tuần trước, tôi vẫn « rơm nhê » (premier) mà tôi có bộc lộ vui mừng như vậy đâu. Nhưng vậy, má tôi cũng phát yêu trên đầu tôi, nói :

- Ủ, con hạng nhứt, má mừng.

Thầy năm đã dùng hình phạt tinh thần dạy tôi một bài học kỹ lưỡng quý hóa, tôi may mắn hưởng thụ trọn đời, vì, kể từ ngày ấy, tôi chẳng bao giờ dám cầu thả trong mỗi việc làm, dầu nhỏ hay to.

4) Có ma ? Không ma ?

Chiều nay, đi cấy về mắc trận mưa to, chị Thay nóng lạnh nằm mê man.

Chồng chị mất đã lâu, chị thủ tiết nuôi bầy con bốn đứa, đứa lớn là Tuấn tuổi mới mười hai.

Mỗi khi trong nhà có ai đau yếu thì chị rước ông thầy Tam ở làng kế cận, ông hót thuốc là mạnh ngay.

Mấy lần rước thầy đều do Tuấn đảm nhiệm, nhưng Tuấn làm công việc ấy ban ngày, và ra đồng là Tuấn chạy như gió như giông, nào có biết sợ là gì.

Còn đêm nay, trời mưa lâm râm lại tối đen như mực. Muốn đến nhà ông lang cách đây ba cây số ngàn, Tuấn phải đi ngang qua Gò Bà Hiên có tiếng là ma dữ lắm.

Mọi hôm tuần trước đây, bác hai Biền nhậu nhẹt nơi nhà bà con ngoài chợ, đến mười giờ đêm bác mới về, lẫn quần trong gò không ra được. Sáng ra, người con bác vô đáy kiếm, gặp bác như đại như ngày.

Lại một hôm, anh tư Ruộng soi ếch, ếch kêu « quệch quệch » mãi dưới chơn anh, dắt anh lẫn vô Gò Bà Hiên. Sáng hôm sau, thân nhân không thấy anh về, cầm roi dâu, đem chó con vô gò tìm anh thì gặp anh ngồi trong bụi, miệng đầy đất sét, còn trong giỏ của anh, ếch đâu chẳng thấy lại toàn những đất cục không !

Người ta còn đồn rằng có đêm, trời trong trắng tỏ, một con ma đàn bà ngồi vắt vẻo trên nhánh đa, đầu bỏ tóc xỏa, áo quần trắng toát, đưa con hát nghe réo rắc lạnh lòng.

Thế là ban đêm, ma quái lộng hành trong Gò Bà Hiên, làm sao Tuấn dám đi ngang qua đó đặng rước ông thầy Tam hót thuốc cho mẹ ?

Chóc chóc, chị Thau trở mình rên hừ hừ, rồi nói lầm nhảm.

Tuấn kinh sợ, trong lòng bối rối, vì thương mẹ không cùng.

Biết làm sao bây giờ ?

Em chạy qua chị bảy Đồng mượn chị đi với em vô ông thầy thuốc. Rủi thay, chị lại không có nhà.

Tuấn sang nhà anh hai Sắt, tính nhờ anh đi với em cho có bạn : anh say rượu ngủ li bì.

Đâu đâu, ai nghe em cậy đi rước ông thầy Tam cũng rùng mình le lưỡi : « Trời ơi, đi ngang Gò Bà Hiên giờ này, lại trời mưa ! Có mà nấp thịt cho ma nó ăn ! »

Tuấn trở về, mấy em nó nhao nhao lên khóc nói má nóng mê nói sảng và kêu ba chúng om sòm.

Thôi thì, một liều mà ba bảy cũng phải liều, chớ có lẽ nào để mẹ đau nặng mà không có thuốc uống cho đành. Rủi đêm nay, mẹ chết thì sao ?

Tuấn thay quần cụt, đội nón nỉ, xách cây dù đen cha để lại, thâm vái vong hồn cha phò hộ cho mình đi đường bình an, mẹ mau bình phục.

Tuấn dẫn các em đóng cửa cẩn thận, con Vàng ngoắt đuôi chạy theo, Tuấn búng tay, gọi nó. Con Vàng đi với chủ được một đôi, Tuấn mừng thầm, song kìa, thỉnh linh nó dừng chơn ngó dón dác hai bên đồng rồi quay trở lại.

Tuấn gọi nó, chạy theo nắm vành tai nó lôi đi, nhưng nó giựt sút rồi dong về. Có lẽ nó sợ ma.

Thôi đành đi một mình vậy !

Mặc dầu hiếu thảo nung nấu lòng em, làm tăng phần can đảm nhưng mỗi lần trời chớp lên là bụi cây nào cũng đội hình ma quái thấy mà kinh.

Cây tre già vắn mình nghiêng rặng ken kết, giờ lên hạ xuống cánh tay khẳng khiu, móng nhọn vắt, chực vồ lấy Tuấn. Lũ nhái bầu dưới cỏ uỳnh oang hỏi : « Đi đâu ? Đi đâu ? »

Con vạc bay ngang trời giọng khàn khàn, bảo Tuấn : « Lạc, lạc ! »

Không, Tuấn có lạc đâu vì Gò Bà Hiên vẫn nằm âm u trước mặt kìa ! Lúc ấy đã tạnh mưa.

Bậm môi, sập dù, chìa mũi nhọn ra trước, Tuấn cương quyết bước, hễ ma quái hiện hình thì Tuấn sẵn sàng nghinh chiến.

Chớp nhoáng lên, Tuấn thấy đường mòn, băng băng chạy. Và trong đêm tăm tối, gió thổi vi vu, cảnh vật lạnh lùng, ghê rợn, bỗng một con cóc kèn buông trong không gian mấy tiếng hăm dọa hãi hùng : « Bắt nè, bắt nè, nè, nè, nè ... »

Nó ra hiệu lệnh cho ma quỷ đó chăng ?

Tuấn vấp phải rễ cây, té lăn trên đường, nhưng nó ngồi dậy ngay rồi chạy nữa.

Thỉnh linh, dường như ai nắm cổ Tuấn ; em nghệt thở, cổ vầy vùng. Trong hoàn cảnh hiểm nguy, em còn tỉnh trí, tay trái xô ra còn tay mặt thì dùng toàn lực chĩa dù đâm tới.

Nhưng Tuấn chỉ đang xô ... một nhánh cây trâm bầu cản cổ, còn dù em thì chỉ đâm vô một bụi cây, cành lá sum sê.

Trời lại chớp lên, cánh đồng tràn ngập ánh sáng, Tuấn thấy mình ra khỏi Gò Bà Hiên, vô con đường đất rộng.

Xa xa, dưới ruộng, bốn năm đóm lửa lập lòe. Đèn ma chăng ? Không, Tuấn càng lại gần, càng nghe rõ tiếng ếch kêu và tiếng người nói chuyện.

Nghe tiếng chân thạch thạch sau lưng, một anh day lại, anh Đây, hỏi :

- Tuấn, em đi đâu mà khuya khoắt chừng này ?

Tuấn dừng chơn đáp :

- Dạ, em đi rước thầy ba, má em đau nặng.

Anh Thom lắc đầu nói :

- Trời ơi, em dám đi ngang qua Gò Bà Hiên à ! em gan thiệt. Ba bốn người lớn ban đêm còn chưa dám liều lĩnh đến đó thay.

Anh Đầy cãi :

- Mẹ đau thì lên trời cũng dám huống chi là qua Gò Bà Hiên, phải không em Tuấn ?

« Sáng mai, chị Tư có bớt, em lại nhà ăn thịt ếch xào lăn với qua, nghe em.

... Ngày hôm sau có lẽ là ngày vui nhứt đời em Tuấn : bệnh mẹ em thuyên giảm, thầy ba cảm lòng hiếu thảo của em hốt dùm ba thang thuốc không tính tiền.

Và em được chén một bữa thịt ếch no nê nơi nhà anh tư Đầy. Anh có rất nhiều thiện cảm đối với tánh gan dạ và lòng hiếu tử của em.

Nhắc chuyện ma, thầy ba Tam cười ngất nói :

- Ma cò gì ! Tôi đã sáu mươi tuổi mà từ nhỏ đến giờ có thấy ma lần nào ở đâu ! Chẳng qua là mấy ông mấy bà nhát quá, rồi thần hồn nát thần tính, thấy gà hóa quóc, đi lạc vô gò không biết đường ra, chớ có gì.

« Ai đời, con điều giấy của thằng Sến nó băng, dính tòn ten trên cây da mà họ dám bảo là con ma đàn bà bận đồ trắng bỏ tóc xòa ngồi đưa con được !

« Thật là tôi dám sợ cái trí tưởng tượng của mấy người ấy. Có ma hay không là do tâm mình đây : tâm chánh là Phật mà tâm tà là Ma !

5) Một đêm mưa gió

Mấy ngày rày, vợ chồng anh tư Bay, chủ tiệm چاپ pho « Hữu ích », lên Chợ Lớn bỏ hàng, luôn tiện đem bé Xuân cho bác sĩ trị bệnh đau mắt hột.

Có lẽ ngày mai anh chị với bé Xuân mới về.

Chiều nay, tiệm vắng vẻ lạnh lùng ; trong nhà chỉ còn có một bà một cháu vì, cơm chiều xong, chị bếp đã ra về.

Bà Hai, thân mẫu anh tư, đau bán thân bắt toại, còn thằng Bướm, mười bốn tuổi đầu, rong chơi cùng chúng bạn mãi đến mười giờ đêm mới về, đầu cổ dính bùn dính đất, mặt mày lấm lem, áo quần rách rưới.

Kể ra tiệm چاپ pho « Hữu ích », cách chợ ba cây số ngàn, ở vào nơi heo lánh thật. Vì, tuy rằng gần đây có mấy gian nhà gạch, song mấy năm khói lửa đã làm cho các ngôi nhà ấy chỉ còn trơ lại có mấy bức tường xiêu, rêu phong, cỏ mọc !

Sau nhà là vườn rau, hàng rào cây bao quanh vườn, thông ra ruộng bằng một cửa ngõ gài tre.

Trước tiệm, con đường làng chạy vô chợ Thủ Thừa.

Tứ phía toàn đồng ruộng mênh mông.

Đêm nay, mưa sa tần tã, gió thổi ào ào, sấm nổ vang tai.

Trời tối đen như mực ; mỗi lần chớp lên là mỗi lần bụi cây tựa hình bọn bắt lương rình rập quanh nhà.

Thấy Bướm rón rén xô cửa bước vô, bà Hai nghiêm nghị hỏi :

- Bướm con, đi đâu đến chừng này mới về ? Con thừa dịp tía má con đi vắng đừng con đi chơi luông tuông vậy sao ? Trọn ngày con bỏ bà ở nhà thủ thủ một mình, ai vô tiệm mua món gì, bà không biết làm sao !

Bà tủi thân ứa nước mắt, rồi bà lại nói, nói mãi.

Đứng dựa lưng vào vách, Bướm nghe bà giảng luân lý dài dòng. Bướm bực mình, vì hồi chiều đã thua chúng bạn mấy chục đồng lại còn gây sự đánh nhau.

- Thôi bà nói hoài con rầu quá !

Bà Hai tức tức khóc lên.

Sự thật Bướm không phải là đứa trẻ hư hèn. Em hay chơi đùa cùng chúng bạn, ham đánh nhau, chỉ vì em hăng hái, ham hoạt động, không thể ngồi yên một chỗ cả ngày.

Anh tư Bay hiểu biết con hơn bà mẹ, nên dung thứ cho Bướm rong chơi ngày thứ năm chúa nhật, và định sẽ cho Bướm vào trường Thiếu sinh quân.

Thấy bà khóc, Bướm cảm động, muốn chạy lại ôm bà, xin lỗi song khi ấy dường như em nghe tiếng động trong phòng kế bên, chỗ trữ đồ gia vị và vải hàng.

Có phải tiếng cửa sổ bị gió rung rinh không ?

Em lóng tai nghe.

Mưa càng nặng hột.

Lại có tiếng động. Lần này bà nghe, lo sợ hỏi :

- Tiếng gì đó, con ?

Bướm đáp nho nhỏ :

- Dạ tiếng mưa.

Bà lau nước mắt nói rằng :

- Bướm, con, con có hứa không làm cho nội khóc nữa hay không ?

Lại một tiếng « rắc » nữa.

Bà xanh mặt kêu lên :

- Không phải tiếng mưa đâu ! Đi coi con. Mà thôi, con ở đây với bà, bà sợ lắm !

Hai bà cháu không dám thở mạnh.

Ngoài, tiếng mưa dồn dập.

Bỗng, bà cháu giật mình, vì kia, có ai bước đi trong phòng hàng hóa.

Hốt hoảng, Bướm hỏi to :

- Ai đi đó ?

Em vừa dứt lời thì bà cháu sợ hãi rú lên : hai người cao lớn nhảy vào phòng, một người nắm chặt em Bướm và lấy tay bịt miệng em còn tên kia chặn họng bà Hai, giờ con dao sáng loáng.

Hai tên lưu manh đều cột một cái khăn đen trùm kín mặt mũi.

Bà Hai bị bóp cổ, thở mệt nhọc.

Kẻ cướp hỏi nhỏ Bướm rằng :

- Tía mày cất tiền đâu ?

Bướm đáp :

- Trong tủ bên kia.

- Theo tao đây.

Tên cướp lôi Bướm qua phòng trữ hàng. Dưới đất, có để một cái đèn ló.

Tên ấy hỏi :

- Cái tù đâu ?

Bướm đưa tay chỉ.

Tên cướp xô Bướm quì xuống đất, hai chơn nó kẹp cứng thân mình em, và nếu Bướm kêu la cầu cứu thì nó đâm em tức thì.

Nó cắn con dao trong miệng, một tay cầm đèn, rọi ánh sáng bằng cái tô, một tay móc xâu chìa khóa trong túi ra mở tủ, lục lạo từ ngăn trên tới ngăn dưới, hốt bạc cắc, lấy nữ trang, đóng cửa tủ, rồi lại mở ra, xóc kiểm một lần nữa.

Đoạn, nó nắm cổ Bướm lôi qua tiệm, bảo tên đồng lõa đang chặn họng bà Hai, ngã ngửa trên chiếc ghế mây, miệng há ra, gần bất tỉnh.

- Thôi mày lui trước đi.

Tên này buông bà Hai, chạy ra cửa vườn, nghe ngóng. Không thấy gì khả nghi, nó trở vô huyết còi miệng the the.

Kẻ cướp giơ con dao trước mặt Bướm và bà Hai, hăm rằng :

- Bây đừng có la, nghe không ! La một tiếng thì toi mạng !

Tấm khăn có khoét hai lỗ, lộ cặp mắt của tên lưu manh hung hãn dị thường.

Lúc ấy, xa xa ngoài lộ, một đoàn nông phu đi soi ếch nói chuyện om sòm.

Giật mình, kẻ cướp day đầu ra cửa tiệm và cử chỉ hấp tấp ấy làm cho cái khăn rơi xuống.

Bất thành linh, bà Hai la :

- Ba Búa !

Tiếng kêu tai hại dường nào ! Kẻ cướp nghiêng rằng :

- Khốn nạn, mày phải chết !

Day qua, ba Búa khoa dao lên.

Bà Hai sợ quá ngất người.

Ba Búa thẳng tay đâm một nhát, Bướm kêu một tiếng thất thanh và, lẹ như chớp, em nhảy đến lấy thân che đỡ cho bà.

Ba Búa thoát ra ngả sau, chạy đùng vào bàn, cái đèn dầu đổ xuống đất, đèn tắt, trong phòng tối đen.

Vài phút sau.

Bà Hai tỉnh lại, gọi nhỏ rằng :

- Bướm ơi, con đâu ?

- Nội, con đây.

Bà Hai muốn nói song bà còn sợ quá, chưa thốt được lời gì.

Giây lâu, bà mới hỏi :

- Bọn nó còn đó không, con ?

- Đi rồi.

- Nó không có giết bà sao ?

Hơi thở yếu đuối, Bướm trả lời :

- Không, nội. Ăn cướp lấy tiền, nhưng tía má con đã đem tiền theo gần hết.

Vẫn quì dưới chơn bà nội, hai tay ôm bà, Bướm hỏi :

- Nội thương con lắm hả nội ?

Bà vuốt tóc cháu nói rằng :

- Tội nghiệp Bướm của bà. Đốt đèn lên, con. Thôi, cứ để vậy, nội còn sợ lắm.

Bướm lại hỏi nhỏ :

- Con làm cho nội buồn lắm hả nội ?

- Thôi con đừng nhắc tới nữa. Nội thương con lắm, nội không còn nhớ đến nữa đâu.

Đứa bé đáng thương cố gắng nói tiếp, giọng run run :

- Con làm cực lòng nội, xin nội tha thứ cho con. Con thương nội lắm.

- Ủ, nội tha thứ cho con, tha tất cả lỗi của con. Thôi con đứng dậy đi, nội không rầy con nữa đâu ! Con đốt đèn lên. Nào, can đảm lên chút coi, Bướm của nội.

Tiếng của Bướm yếu dần :

- Cám ơn nội, con bây giờ ... yên lòng. Nội tưởng nhớ đến con nghe nội, nhớ đến Bướm của nội nghe.

Ngạc nhiên và lo sợ, bà đặt tay lên vai cháu, cúi đầu xuống, dường muốn nhìn cháu cho tận mặt.

- Bướm, con, con làm sao ấy ?

- Nội nhớ đến con nghe. Con từ giã nội, chúc tí má con, chúc em Xuân con mạnh khỏe.

- Trời ơi, Bướm, sao con nói gì kỳ vậy ?

Bà ôm cháu vào lòng, thỉnh thoảng bà sờ nhằm giòng máu đang chảy đầm đề từ một vết thương trên lưng đứa trẻ.

Và Bướm vẫn đang gục đầu trên gối của bà, ngủ giấc ngàn thu.

Bà nghẹn ngào, nước mắt chảy tuôn !

6) Con ở với ai ?

Đã hai năm nay cam bẻ góa bụa, chị phó lý Thơm nhận thấy bề sinh hoạt của mẹ con chị trong thôn xã thường gặp nhiều nỗi khó khăn.

Hồi anh phó lý còn sanh tiền, anh chị làm mười công ruộng của ông chủ điền, cộng với huê lợi ba công đất quanh nhà, tuy anh chị không dư giả bao nhiêu, song quanh năm cuối tháng cũng đủ xây xài.

Những kỳ đình đám, anh phó lý cũng có cái áo xuyên dài mà mặc ; con Tâm, con gái lớn của anh, đi học trường làng, y phục vẹn vang, tóc kẹp ba-rét ; còn thằng Địa, đứa kế, vẫn thường có bánh ăn.

Và mặc dầu địa vị phó lý không cao cả chi, nhưng mà, từ hương chức lớn nhỏ đến dân đình, ai ai cũng đều nể nang anh chị, vì anh chị là người đảng hoàng, đã vui vẻ với xóm giềng lại hay giúp đỡ người nghèo khó.

Đau đớn thay, gia đình con con ấy vì đâu không được hưởng hạnh phúc lâu dài !

Anh phó lý đau ban cua mà chết.

Số tiền nho nhỏ anh chị dành để bấy lâu chui vào túi thầy lang và chủ trại hòm.

Thảm nỗi, mùa đó ruộng chị Thơm lại thất.

Thường năm, anh chị gặt được trăm hai, trăm ba mươi gia ; năm ấy, lúa tim, lượm không tới bốn mươi thùng ; rán đóng cho chủ điền hai mươi mấy gia thì chị chẳng còn bao nhiêu.

Rồi mùa sau, ông chủ điền viện lẽ này lý nọ để lấy lại năm công, chị Thơm chỉ còn nửa mẫu.

Sáu tháng sau khi anh Thơm lìa trần, chị hạ sanh một trai ngô nghĩnh, dễ thương, đặt tên là bé Tốt.

Thôi thì miệng lằn lưỡi mới tha hồ mà thêu dệt : chị ba Bé thấy thằng nhỏ sao nó giống xã Cung, thiếu tư Bèo cãi rằng nó hao hao giống hương quân Dân.

Đi năm Bê lại nói mí nói mừng rằng có lần thầy Cai « đòi » chị Thơm lên tổng ...

Câu chuyện vô lý thấu đến tai chị Thơm, chị tức tối ghen nào, « nỗi oan chỉ muốn vạch trời kêu lên » !

Bây giờ con Tâm đành phé học, ở nhà bông em, giúp mẹ trồng khoai bắp nuôi heo gà, chớ còn học hành gì nữa !

Thằng Địa, ngày chí tối đầu cổ xụ xợp, theo trẻ chăn trâu đi chằm chuồn chuồn, cạy đất sét nắn ngựa nắn trâu, ai mà ngó ngang tới nó.

Mục đích duy nhứt của chị Thơm là lo sao cho con no bụng : « dĩ thực vi thiên » mà !

Còn nay thầy xã đòi số thuế thân mà anh Thơm quên đóng trước khi vô nhị tỳ, mai thầy sai chú trùm thúc giục chị Thơm đóng thuế thổ cư.

Trăm chuyện khó khăn làm cho chị thôi chí nản lòng, mà khi thì anh biện Hai ve vãn, lúc lại chú phó tư trêu tình.

Phần thầy xã, hương quân, hương hào, mỗi lần gặp chị như mèo thấy mỡ, chỉ vì chị còn chút đỉnh nhan sắc mặc dầu chị mang ba mươi cái xuân xanh và con đã ba mụn.

Trong cảnh tình phiền nhiễu ấy, chị Thơm thường được tiếp xúc với bà năm Hương, một bà mai dong có tiếng là mồm mép.

Bà làm mai cho ai ?

Xin nói ngay là cho hương thân Đều.

Từ buổi anh Thơm quá vắng, nhiều khi hương thân kín đáo tặng chị Thơm thúng nếp, rổ khoai, con vịt.

Và hương thân cũng bạo gan can thiệp cùng xã trưởng cho vong linh anh Thơm miễn đóng thuế thân, cho chị Thơm hoãn nạp thuế thổ cư vài ba tháng.

Đang đi giữa nắng chang chang mà có người tử tế đem đến cho mượn cây dù, chị Thơm cảm ơn thọ lãnh.

Ca dao ta có câu :

*« Chuông già đồng điệu chuông kêu,
Anh già lời nói em xiêu tẩm lòng.*

Mà đây, bà năm Hương còn làm mai tài tình hơn bác Trình thuở nọ, thì chị Thơm tài gì mà chẳng nằm đêm vắt tay suy nghĩ.

Hương thân Đều góa vợ, chị Thơm có làm lẽ làm mọn ai đâu, hương thân có sáu mẫu ruộng, cũng là bực khá giả trong làng, anh tuổi mới ba mươi lăm, anh với chị Thơm rất xứng đôi vừa lứa.

Tuy chị có ba con nhỏ, song « ái ố cập ô », hễ yêu mẹ thì thương đến con, có ngại gì.

Hôm nay, mười tám tháng mười, chị Thơm cúng lễ đại tường cho anh Thơm đặt rồi có bước thêm bước nữa.

Khách khứa chẳng ai đâu nhiều, chỉ có năm ba chị đàn bà hàng xóm và nhứt là có mặt bà năm Hương.

Cảnh trời thăm đậm, mưa lác đác sa.

Thực phẩm đã dọn lên bàn thờ, nhang đèn leo lét, ông thầy đám tụng kinh hê hà, gõ đầu beng beng.

Chẳng biết hương hồn anh Thơm có giống anh Hồ trong truyện « Hồn ma theo dõi... » hay không mà mỗi chốc gió lùa hột mưa vào nhà ướt hàng ba, ướt đầu bộ ván, đuổi khách dọn đồ ăn ướt vô trong.

Gió lần lần dịu, mây lần lần tan, giọt nước trên mái nhà rơi xuống đường mương lốm bốm.

Chị Thơm không ngồi, chị chạy xuống chạy lên, rọi đồ ăn đãi khách cho châu đáo.

Bỗng chị nghe con Tâm đưa em dưới nhà bếp hát rằng :

*Con quạ nó đứng bên sông,
Nó kêu bố má lấy chồng bỏ con !*

Chị bàng hoàng đi xuống, lơ lửng ngó ra ngoài sân, chị lại gần vờng hỏi rằng :

- Con mới nói gì đó Tâm ?

- Thưa, con có nói gì đâu, con đưa em mà !

Chị bưng tô cơm lên nhà trên.

Bé Tốt thức dậy, Tâm bỗng em ra phía sau nhà cho em tiểu tiện. Tâm nách em, buồn hiu đứng nhìn bụi chuối cây cau đang khóc mướt.

Dưới mương, bong bóng nổi lên, trôi theo giòng nước rồi lại vỡ tan. Cái này mới vỡ, cái kia liền sanh. Tâm buột miệng hát, giọng trầm trầm nảo ruột :

*Trời mưa bong bóng bập bồng,
Mẹ đi lấy chồng con ở với ai ?*

Gió hiu hắt thổi, ngoài trời lạnh, trong nhà lạnh mà lòng chị Thơm lại giá lạnh hơn nơi nào !

Chị nhẹ nhẹ bước đến sau lưng con mà Tâm mãi suy nghĩ không hay.

Chị đặt tay lên đầu Tâm, Tâm giựt mình quay lại ; chị cúi xuống hôn Tâm, hôn bé Tốt, mắt chị rung rung lệ.

« Tâm, má không lấy chồng, má ở với con mãi mãi, khổ nảo gian lao bao nhiêu má cũng chịu, miễn là mấy con no ấm và vong hồn cha con yên vui chốn suối vàng ».

7) Mẫu tử tình thâm

Thật là đứt ruột nát gan khi chị Phước phải rời bỏ đứa con yêu quý là thằng Thiện để lên Sài Gòn đi chợ nấu ăn cho cậu Đức, sinh viên khoa học.

Chị cũng muốn đem Thiện theo cho con ở mướn đừng mẹ con gần gũi nhau, song ông Nhân, thân phụ của Đức, chủ tịch Hội đồng xã Đại Hưng, quận Phụng Hiệp, cần dùng một đứa trẻ chăn trâu, Thiện phải ở lại nơi đồng ruộng.

Ngày tháng đều đều trôi, thắm thoát đã được một năm rồi.

Thu về, mang theo những trận mưa lạnh lẽo, bầu trời u ám suốt ngày.

Chị Phước cảm thấy trong bụng đau đau, chị tưởng là bệnh xoàng, mua thuốc tán thuốc tiêu về uống, chắc vài hôm là khỏi, chớ chẳng sao.

Không ngờ bệnh ngày càng nặng rồi buổi mai kia chị nằm liều.

Nơi Bệnh viện Chợ Rẫy, bác sĩ rọi kiến cho chị Phước rồi quyết định phải mổ, cắt khúc ruột dư, vì chỉ có nhờ khoa giải phẫu là hy vọng cứu nổi mạng người thiếu phụ mà bệnh tình lúc ấy đã nguy ngập lắm rồi.

Khổ thay, chị Phước lại không chịu mổ : nằm nhà thương dưỡng bệnh thì nằm, còn mổ thì nhứt định là « không » ! Và lại, chị chiêm bao thấy anh Phước về rước chị, chị định ninh rằng nếu chị mổ chắc là chị phải chết !

Trái lại, bác sĩ quả quyết rằng mổ thì sống, mà không mổ là chết.

Chị thưa nếu không mổ mà chết thà chết song thân thể còn nguyên vẹn, không bị banh, bị xẻ, còn hơn.

Chị xin với Đức cho chị thấy mặt con trước khi nhắm mắt theo chồng.

Đặng bức điện tín Đức đánh về, ông bà Nhân bối rối : ông thì bận việc làng, lo việc cải cách điền địa, còn bà thì đau rề rề, đi đâu choặng.

Bà mới trao cho Thiện số bạc năm trăm đặng chị Phước dưỡng bệnh, còn nếu chị có mạng hệ nào thì cho bà hay lập tức. Bà cũng đưa riêng nó một trăm để đi đường.

Thiện cất tiền vô túi áo, lấy kim ghim miệng túi đàng hoàng, gói và bộ y phục sạch sẽ, ăn sơ ba hột cơm rồi xá chủ mà đi.

Thấy nó mặc cái áo trắng cụt tay mà lại vá vai, ông Nhân rầy :

- Cái thằng sao, đi Sài Gòn mà ăn mặt lồi thoi, không có cái áo nào lành hay sao, không sợ người ta cười tới tao à !

Ba la tiếp :

- Còn cái áo vải san đằm, tao mới may cho mấy hôm đầu tháng đó đâu ?

Thiện sực nhớ, lật đật chạy vô buồng mở tủ lấy cái áo mới, cởi áo cũ bỏ trên giường, mặc áo mới vào rồi vội vã ra đi.

Thừa dịp anh Cận, ủy viên tài chánh ra quận Phụng Hiệp, ông Nhân gởi Thiện quá giang chiếc ghe tam bản của anh.

Đến Phụng Hiệp là mười giờ mai, xe đò đi Cần Thơ sắp chạy.

Thiện thọc tay vào túi lấy tiền đăng mua vé xe, rồi lơ lảo, cứ đứng móc túi hoài, túi này kế túi kia, lại mở gói áo quần, kiểm điểm từ cái, xem có bỏ gói tiền trong đây không.

Xong, đứng mếu máo khóc :

- Trời đất ơi, gói tiền tôi đâu rồi !

Em chạy xuống chiếc tam bản : nếu em có làm rớt gói tiền, coi họa may có còn dưới ấy chẳng.

Không, không có !

Em sực nhớ lại, thôi phải rồi, hồi em lật đật thay áo, em bỏ quên tiền trong túi áo cũ chớ gì.

Thiện chết điếng chạy đi kiếm Cận tỏ sự tình.

Cận chất lưỡi bảo rằng mình không có đem tiền theo ; mặc dầu như thế, anh cũng rán giúp nó hai chục bạc để đi xe lên tới Cần Thơ rồi hãy liệu giang xe đò mà đi Sài Gòn.

Thiện hồi hải trở lại bến xe thì xe Phụng Hiệp đã đi rồi.

Nóng lòng như lửa đốt, Thiện thuê được một chiếc xe ngựa cà rịch cà tang chạy đến Cái Tắc, làng Phú Lợi, thì ngựa bết bát chạy không nổi nữa.

Đây còn cách Cần Thơ hơn mười cây số ngàn, thôi thì rán đi bộ vậy.

Không một chút gió.

Nắng đốt như thiêu.

Thiện mồ hôi ướt đầm mình, cổ khô bụng đói.

Hai giờ chiều, Thiện đến Cái Răng, vào quán bên đàng ăn cái bánh ếch, uống tô nước trà.

Còn có năm cây số nữa là tới Cần Thơ.

Thiện hăng hái đứng dậy ra đi. Số tiền anh Cận cho còn có mấy đồng, làm sao đủ tiền đi Sài Gòn đây ?

Nhưng không sao, Thiện tin rằng « trời sanh voi, trời sanh cỏ » ; Tây đô rộng lớn, lẽ nào không có một nhà hảo tâm bố thí cho mình phương tiện đi Sài Gòn sao ?

Mà thật, Phật Trời gia hộ em bé hiểu thảo thẳng ngay lên lơ xe đồ Đại Tân nghe nó kể nỗi không tiền đi Sài Gòn thăm mẹ, động mỗi từ tâm anh cho nó leo lên mui xe mà ngồi, cần dẫn nó cẩn thận, đừng ngồi cheo meo, đừng ngủ gục, rui té xuống đường thì vong mạng.

Đến ngã ba Trung Lương, xe đồ ngừng lại cho hành khách xuống xả hơi, ăn uống, đặng rồi có chạy một mạch về Sài Gòn.

Tới Lương Phú, bỗng mây kéo tối dầm, gió thổi vụt vụt, kẻ mưa tuôn xối xả. Xe chạy như bay, Thiện không dám kêu ai, đành co ro núp sao đồng hành lý mà chịu trận, có lẽ anh lơ cũng quên lòng Thiện đi rồi !

Đêm đã khuya, Đức toan tắt đèn đi nghỉ, bỗng có tiếng ai gõ cửa cách sột sệt rụt rè.

Đức mở ra xem : em Thiện tóc tai mình mẩy ướt dầm như dưới sông mới lên, run rẩy lập cập, đứng lù lù trước cửa.

Lời đầu tiên của em là hỏi :

- Thưa cậu, má em đâu ?
- Má em nằm nhà thương.
- Cậu cho em thăm má em chút.
- Ừ được, mà em phải thay đồ đi chớ !

Giờ ấy, ngoài đường không còn một chiếc xe, Đức với Thiện lội bộ vô đường đường ...

Đêm nay, bệnh chị Phước hành dữ quá. Bác sĩ bắn khoản, đi tới đi lui, bảo rằng nếu mổ nội đêm nay may ra còn cứu mạng chị được, đến ngày mai, chỉ đến mai thôi, e đã trễ quá rồi !

Song chị Phước nằng nằng quyết một rằng thà chết chớ không chịu mổ, và mỗi chốc chị kêu em Thiện, hỏi sao Thiện chưa lên cho chị thấy mặt, trước khi chị theo ông theo bà.

Cô nữ y tá đáp rằng cậu Đức đã đánh điện tín về Phụng Hiệp thì chắc tối nay, trễ lắm là sáng mai, ông hay bà chủ tịch cũng dắt Thiện lên tới.

Mặc dầu cô ấy bảo chị nín im để nghỉ, chị cũng nói luôn mồm :

- Thằng Thiện tôi, để cô coi, thằng bậm trợn mà hiền khô, thương cha thương mẹ và trung thành với chủ đáo đẽ.

« Lại gan dạ, lại có trí.

« Có lần, con chó điên rượt cắn bà chủ. Nó cỡi áo chụp đại lên đầu con chó rồi đâm đánh túi bụi, con vật lăn lộn mãi mà không làm gì nó được, dân làng tới kịp đập con chó chết tươi.

« Lại một lần ...

Cô nữ y tá thích nghe, nhưng lại buộc chị phải nằm im nín nghỉ.

Bỗng cửa phòng sập mở, Bác sĩ, Đức và Thiện nhẹ nhẹ bước vô. Hai mẹ con kêu một lượt :

- Thiện, con !

- Má !

Bác sĩ ra dấu cho Đức dắt Thiện ra ngoài, rồi chăm rãi nhưng dần từ tiếng, ông nói rằng :

- Chị Phước, chị thương con, nếu chị muốn sống với con thì chị phải bằng lòng mổ, mổ liền. Chị muốn chụp thuốc mê cũng được hay là tôi chích thuốc tê cho, mổ không đau đớn gì.

« Tôi đảm bảo trong một tuần nhứt là chị mạnh ngay.

Trên môi khô héo, nở một nụ cười. Chị xin bác sĩ cứu chị.

Bác sĩ cho khiêng chị lên phòng mổ.

Đứng ngoài hành lang với cậu Đức, thỉnh thoảng Thiện nghe một tiếng la thất thanh.

Thiên rưng rưng kêu lên :

- Má tôi chết rồi !

Đức dìu đỡ em lại ngồi dựa vách tường.

Vài phút sau, cửa phòng mở, Bác sĩ bước ra, vuốt đầu em Thiện, nói :

- Mổ thành công hoàn toàn ; trong ít ngày má em sẽ mạnh. Đã đành là nhờ khoa học song chính là em cứu má em !

8) Em bé bán báo

Từ sáng tinh sương, không biết ông trời buồn bã chuyện chi mà ông cứ giọt vắn giọt dài không ngớt.

Chị bán hàng rong buồn nhao nhác nhìn bầu trời xám xịt.

Em bé bán báo đứng co ro đụt mưa dưới mái hiên.

Chị ngó gánh hàng nặng trĩu, em nhìn xấp báo vun chùn, rồi trông ra ngoài trời mà buồn thiu buồn thiu.

Trời chưa ban ân cho dân lao động đi kiếm miếng ăn sao mà !

Gần mười giờ, ông mới khê vén mây ngút ngó xuống trần gian, xem các thứ xe qua lại như mắc cửi, nghe chị bán hàng rong cất giọng lãnh lót rao :

- Ai ăn bì bún bánh hỏi, hôn ?

Em bé bán báo mời :

- Văn hóa, Pháp luật, Tự do, Ngôn luận, thầy !

Em Trung chạy ngược chạy xuôi chơn không bèn đất, cố bù lại ngày giờ đã mất vì cơn mưa dầm ác nghiệt kia.

Gặp bạn đồng nghiệp là Chánh, Trung kêu hỏi với :

- Sao, mậy ?

- Ế thấy trời !

Rồi hai em băng băng đi hai ngả, người ta lại nghe tiếng rao :

- Chánh nghĩa, Trời nam, thầy !

- Cách mạng, Kiến thiết, thầy !

Đi mút đường Tự Do, Trung rẽ sang tay phải, dọc mé sông.

Gặp một người Âu ngồi trên băng đá, Trung vui vẻ chào mời và bán được một tờ Pháp ngữ.

Vài phút sau, Trung trở lại, người Âu đã đi khỏi và, kìa, nằm trên băng đá một cái bóp da lớn no phồng.

Cầm bóp lên thấy nặng, Trung tự hỏi :

- Gì trong này ? Tiền bạc chăng ?

« Cái bóp này chắc chắn là của ông khách hàng ban nãy đã bỏ quên sau khi trả tiền cho mình. Nếu đúng như vậy, bây giờ mình biết ông đâu mà tìm trả lại.

« Đem giao nó cho nhà chức trách chẳng ? Rồi lại phải khai báo lời thôi. Rồi ai đi bán báo cho mình ? Mà bây giờ đã gần mười một giờ rồi ! »

Bỗng đâu, một lũ « tiểu yêu » kéo đến, đi đầu là Chánh.

Thấy Trung cầm một cái bóp, bộ tịch suy nghĩ, Chánh và cả bọn vây lại hỏi :

- Cái gì đó vậy ?

- Cái bóp.

- Đựng gì trong ?

- Ai mà biết !

- Ở đâu vậy có vậy ?

- Tao mới lượm trên băng đá kia.

- Mở ra coi giống gì ở trong.

Trung lắc đầu :

- Thôi, đem nạp cho ông cò, biết vật gì trong ấy mà dám mở, tiền bạc hay súng lục ?

Chánh cãi lý rằng :

- Cái bóp no đầy chứ không phải no tròn, tao dám đoán chắc là đựng bạc, chứ nếu là súng lục thì nó cộm lên.

Mấy đứa kia reo to :

- Thằng Chánh nói phải đấy, mở ra coi nó bao nhiêu tiền, rồi tụi mình chia nhau.

Trung nhứt định không mở, bọn Chánh nhứt định giựt.

Trung ôm chặt cái bóp vào mình, lòng tay đánh rơi xấp báo văng vãi tứ tung.

Mấy đứa kia áp lại định giựt cho kỳ được cái bóp.

Trung chạy la ầm ỹ :

- Bớ cảnh sát, bớ cảnh sát !

Một cảnh sát viên đang gác đường nghe kêu chạy đến ; lũ nhỏ thất kinh chạy biến đi như một bầy sê đang ăn vụng lúa bay vù khi lộ dạng anh nông phu.

Thấy Trung còn đứng đấy, thầy hỏi :

- Việc gì đó em ?

Trung thuật vắn tắt chuyện đã xảy ra.

Nơi canh sát cuộc quận X, ông Phì, canh sát trưởng, mở bóp xem. Ngoài trừ những giấy tờ lặt vặt của người Pháp tên René Rousseau, còn có số bạc hai mươi ngàn đồng toàn là giấy năm trăm.

Ông Phì đang làm biên bản thì ông Rousseau cũng vừa đến có mặt bóp.

Sau khi xem hình trong thẻ căn cước và hỏi vài chi tiết để biết đích ông ấy là nguyên chủ của cái bóp, ông Phì cho ông Rousseau nhận lãnh của bỏ rơi, và không quên giới thiệu đứa trẻ ngay thẳng là em Trung đang ngồi đấy.

Ông Rousseau vui mừng bắt tay Trung, thốt lời cảm tạ và xin phép Canh sát trưởng tặng em một tờ giấy năm trăm đồng.

Trung cười, lắc đầu không nhận. Em nói :

- Đó là bốn phần của tôi, của bất cứ một người dân Việt nào trọng danh dự mình và nòi giống Việt Nam.

Ông Rousseau lại năn nỉ Canh sát trưởng, ông này bảo Trung nhận tượng trưng một trăm đồng cho người Pháp ấy an tâm.

Cám ơn một lần nữa, Rousseau từ giã đi ra.

Ông Phì nhìn Trung cảm động :

- Em Trung, em làm vẻ vang dân tộc Việt Nam, qua (tiếng xưng ‘anh’ trong Nam) lấy làm hãnh diện !

Trung sung sướng, song, khi nhìn lại xấp báo, em ngao ngán thấy tờ thì nhàu nát, tờ bị ướt át, tờ lại lấm lem. Bất giác em thở dài.

Ông Phì theo dõi biến chuyển trên nét mặt em ; ông chợt hiểu, hỏi em có cả thấy bao nhiêu báo chưa bán được.

Trung đếm bốn mươi hai tờ báo.

Ông Phì kêu một canh sát viên đem xấp báo ra ngoài, tờ nào còn tốt thì anh em nhân viên chia nhau xem.

Đang lúc em Trung ngơ ngác, ông đặt vào tay em một tấm giấy hai trăm, không để em kịp nói gì, ông vỗ nhẹ đầu em, tiễn em ra cửa.

9) Dĩ đức báo oán

- Tại sao thằng Càng nó hiếp đáp mày quá lễ mà mày nhin nó luôn luôn, mày lại không thưa với thầy ? Mày sợ nó sao ?

Lễ hỏi Nghĩa mà lộ vẻ bức tức.

Lễ hỏi tiếp :

- Ai đời, đứa nào giấu cái nón ni của nó mà nó trả thù lấy cái nón rơm của mày nó đập xẹp lép lại quăng lên làm banh đá chơi !

« Ai làm cho cái áo nó dính mực hồi nào không biết mà nói lại đổ tội cho mày, nó và bè đảng hùa nhau đánh đá mày, chỉ vì mày có cái tội là ngồi sau lưng nó !

« Tao đau ở nhà mới vô, nghe thằng Lý thuật lại tình cảnh ức hiếp của mày, tao tức giận hết sức !

« Phải chi lúc đó có tao, ắt tao cho ‘ông hoàng Càng’ ném mùi quả đấm thôi sơn thằng Lễ này rồi.

Nghĩa thờ ra, bảo :

- Thôi bạn ơi, bạn không nhớ sao ? Ít khó cự lại đông, yếu không chống lại mạnh. Vả lại thầy mới dạy chúng ta luân lý bài « Anh giáo sĩ với ông Đại thần », bạn quên rồi sao ? Bài ấy kết luận rằng : lúc mình yếu mà chống trả cùng người mạnh là điên rồ, mà khi kẻ thù suy sụp mình thừa dịp trả thù là mình hèn nhất.

Lê hùng hổ cãi :

- Công lý buộc ta áp dụng câu châm ngôn : « Oeil pour oeil, dent pour dent », ăn miếng nào trả miếng ấy, thù trả thù, oán báo oán, gặp Phật thì tu, gặp ma thì trừ ma !

- Còn tôi, tôi có quan niệm khác, « Lấy đức báo oán » và « oan gia nên giải không nên buộc ».

« Tôi dùng giải pháp **Từ bi hỉ xả** với mọi người và tìm dịp cảm hóa trò Càng, ngày nào trò ấy trở nên người hiền huệ, đối đãi với các bạn một cách tử tế vị tha, thương mến giúp đỡ người nghèo, là ngày tôi thành công vậy.

Lễ lắc đầu hoài nghi.

Chiều thứ năm, các lớp nghỉ học.

Nghĩa xách hai chai đi chợ Tân An mua dầu về thắp.

Trọn ngày oi ả, bây giờ gió nam thổi hiu hiu, Nghĩa đi dọc mé sông Vàm Cỏ. Trời còn sớm, Nghĩa chưa vội về, dừng chơn nơi bến đò Chút Tiết xem ghe chạy buồm chơi.

Nước lớn, gió mát mẻ, Nghĩa cảm thấy vui vui.

Tại bến đò, đã có năm sáu chục học sinh tắm giỡn, trong bọn lại có trò Càng liếng xáo hơn ai hết.

Thôi thì hết đeo cổ dừa này lại núu giò trò kia, rồi cười ngắc ngẻ.

Bỗng đâu một cái bập dừa trôi qua (một tàu dừa nước chặt tận gốc, cắt bỏ lá khúc trên, còn lại đoạn dưới, gọi là ‘bập dừa’), Tiễn bảo lớn rằng :

- Dừa nào vớt được bập dừa đó, tao khen giỏi.

- Tao, tao !

Càng vỗ ngực xưng hùng rồi phóng lợi theo cái bập dừa đã trôi xa hơn năm thước.

Nước lớn, gió xuôi, bập dừa trôi mau, Càng rần sức lợi theo. Trớ trêu thay, cái bập dừa cứ trôi trước mặt Càng chừng vài sải, khoảng ấy không rút ngắn chút nào.

Chán nản, bỏ cuộc, Càng lợi trở về thì gặp phải nước ngược. Một đuối, Càng giơ tay lên kêu lớn :

- Bậy ơi, cứu tao với, bậy ơi !

Rồi anh ta chơi với gần chìm.

Bầy trẻ nhỏ xanh mặt, dừa đứng run, dừa sợ điếng không nói được một lời.

Không dừa nào đủ can đảm, đủ tài trí cứu vớt thằng Càng ; vài ba trẻ đồng thanh la làng :

- Bớ làng xóm, thằng Càng chết chìm !

Thảm nỗi, anh chèo đò với chiếc thuyền ở tận bên kia sông, không tài nào anh chèo qua cho kịp.

Để ve dầu xuống đất, mau tay cởi tuột áo quần, Nghĩa nhảy dừa xuống sông lợi ào về hướng nạn nhân. Nghĩa vừa đến nơi thì Càng vừa chìm, Nghĩa chụp kịp tóc bạn.

Mang được Càng vô bờ là một việc khó khăn nguy hiểm vì đây là lần đầu tiên Nghĩa cứu vớt người chết đuối.

Càng sợ chết, đeo Nghĩa ; nhiều lần, cả hai suýt chết chìm.

Nghĩa mệt ngất, Càng xanh lét mặt mày, chỉ có uống nước sơ sơ một bụng mà thôi chớ chưa bắt tỉnh.

Đàn trẻ để cho hai bạn Nghĩa Càng nằm trên bờ sông nghỉ một hồi rồi ai về nhà nấy.

Sớm mai thứ sáu, gần tới giờ học, Nghĩa mới đến trường, vì bận tưới cải tưới rau xong mới đi học.

Vừa thấy Nghĩa xột xột vô, học sinh thì thầm và sẽ lên nhìn về phía Nghĩa.

Trống trường đánh inh inh.

Học sinh sắp hàng đôi, nhập lớp xong, thầy kêu Nghĩa và Càng lên đứng trên bục, day mặt xuống các bàn.

Thầy đặt tay lên vai Nghĩa, đồng dục nói rằng :

Các em,

« Hôm qua, hồi năm giờ, trò Càng tắm sông rồi hụt chơn gần chìm. Trò Nghĩa cố hết sức vớt được bạn.

« Tuy mới mười ba tuổi đầu, Nghĩa đã nêu cao gương anh dũng của người dân Việt. Thầy đặc biệt khen em Nghĩa, mừng nước Việt Nam trở sanh những người can đảm như em và thầy khuyên các em học sinh hãy noi gương Nghĩa, quên mình vì người, không kể hiểm nguy đến tánh mạng !

Cả lớp vỗ tay như pháo nổ.

Nghĩa đỏ mặt, bối rối.

Thầy siết chặt tay Nghĩa và nhìn cậu niên thiếu anh hùng một giây, cảm động.

Bỗng đâu trò Tiểu, biệt danh là Đông Phương Sóc, đứng lên.

Như một diễn giả quen chón diễn đàn, Tiểu mạnh dạn nói :

« Thừa thầy,

« Thừa các bạn,

« Anh em chúng tôi nên noi gương can đảm và đức hy sinh của anh Nghĩa. Chính là kẻ thơ sanh này hôm qua đã được hân hạnh mục kích hành vi oanh liệt của anh và, cũng vì hành vi đáng ca ngợi ấy mà chai dầu lửa anh nó lặn xuống sông, nó bị nước lớn lôi đi, nó bị gió xuôi thổi đùa, nó trôi tuột lên cầu sắt Tân An, va vô cột cầu, làm cầu sắt rung rinh, mấy chiếc xe hơi đang chạy ngon trơn trên cầu đều « lấy dấu » và ... « Mô Phật ».

Học sanh cười rộ lên, thầy cũng mỉm cười, trong khi tận đáy lớp có tiếng ồ ồ bảo : « Dóc vừa vừa vậy Tiểu ! »

Giờ chơi, Lễ, Nghĩa và Càng tay nắm tay cùng nhau đi dạo một vòng, rồi Càng bảo Nghĩa :

- Từ nay, tao với mày « anh em » nghe Nghĩa.

Thản nhiên, từ tốn, Nghĩa đáp :

- Thời từ hồi nào tới giờ, tôi với bạn vẫn là anh em.

III

Đức Thắng Tài

*Chữ Tài là nghiệp miền trung giới
Chữ Đức là duyên chốn bửu đài*

*Trong các thứ hương chỉ có
Hương của người đức hạnh rất vi diệu
Bay đến tận mười phương*

14) Tướng tâm

Cách đây độ ba mươi năm, ở một đỉnh miền Tây, trời Nam đất Việt, có một phú ông, chúng tôi xin tạm gọi là ông Phước, ngoài thì ruộng cò bay thẳng cánh, chó chạy ngay đuôi, còn trong lại :

*Đầy nhà vàng ngọc cùng gạo thóc,
Dầy tủ giẻ hàng với bạc tiền.*

Người ta ngợi nôm na là « giàu nứt đổ đổ vách ».

Một hôm, có thầy tướng số kiêm địa lý người Trung Hoa địa vân du tới tỉnh ấy, nửa trưa, tỉnh cò vào nhà ông Phước xin nhờ chén nước.

Chủ nhân tiếp đãi tử tế, cơm rượu bĩ bàng, câu chuyện hàn huyên rất là tương đắc.

Để đáp thanh tình, thầy xem tướng dùm cho gia chủ, tướng mặt, tướng lưng, thầy bảo ông đi ít bước, rồi lại coi chỉ tay ông.

Thầy ông Phước chẳng có gì xuất sắc, thầy hỏi đến ngày sanh, bấm số tử vi, thầy càng ngạc nhiên : thì ra hình tướng, chỉ tay và số tử vi ông Phước đồng chứng tỏ ông là một người tầm thường, đủ y đủ thực là may, và số ông không thọ quá năm mươi tuổi.

Mà năm ấy, ông đã sáu mươi rồi !

Lại giàu bậc nhứt nhì trong tỉnh.

Thầy tính đi tính lại mãi, đâm ra nghi ngờ tài học của mình.

Sực thầy nhớ lại : hay là mỗ mả tổ phụ chủ gia nằm vào huyệt tốt đây ?

Thầy mới xin ông Phước dắt thầy ra đồng, ngõ hầu thầy xem ngôi mộ thân phụ ông cho biết.

Từ nhà đến mộ không đầy ngàn thước theo đường chim bay, thế mà hai người đi quanh co bờ lớn bờ nhỏ cả giờ mới tới.

Song thân ông Phước được chôn trên một gò đất cao, hộc mả xây đá ong, cỏ cây nhỏ sách.

Thầy mở bao lấy địa bàn giống hướng, trở thuật địa lý xem tới xem lui, tự bảo : « Lạ này, huyệt mả cũng tầm thường, như trăm ngàn mả khác, có gì quý đâu, lý do nào ông phát phúc giàu lớn như vậy ? »

Thầy suy nghĩ mãi không ra : « Hay là ông làm những điều phúc thiện ? Chỉ còn yếu tố đó là cùng ! »

Bận về, ông Phước dắt thầy đi tắt, một khắc là tới nhà, mà đi trên bờ ruộng, cũng khô ráo sạch sẽ.

Thầy lấy làm lạ, hỏi :

- Hà, cái lầy ông chủ biết con làng tắt li mau lẹ như vậy, sao hồi sớm ông chủ với ngõ không li, để quanh co xa quá, nặng chít cha, muốn pê cái lầy !

Ông Phước cười :

- Ông thầy trách tôi cung phải, tôi xin chịu lỗi. Nhưng hồi nãy, đến một đám ruộng, khuất đám trâm bầu, chắc ông thầy không để ý một người đang cắt lúa, bộ tịch vội vàng, mặt mày dớn dác.

« Thằng đó tôi biết, nó ở trong làng tánh tình ngay thẳng thật thà lắm, sao bữa nay nó lại cắt trộm lúa tôi, chắc cũng có duyên cớ chi đây chứ chẳng không. Nếu ông thầy với tôi đi ngang qua đó, ắt nó hoảng chạy và biết đâu chừng nó sẽ bị bắt, bị tù, tội nghiệp cho gia đình nó !

« Cho nên tôi làm lơ, dắt ông thầy đi tẻ ngã khác cho xa, nó đừng ngó thấy.

« Trên đường về, từ xa tôi thấy nó đã đi mất, tôi với ông thầy mới đi tắt về mau.

Ông thầy Tào gật đầu cười hà hà, tấm tắc khen :

- Cái lầy ông chủ ở tử tế quá, cho nên ông chời ông Phật mới thương ông chủ mà cho ông chủ giàu lớn lắm. Hà hà, « tướng diện bất như tướng tâm » là phải mà !

Để kết luận, chúng ta hãy suy gẫm lời khuyên của người xưa trong bài thi trích một đoạn sau đây, đăng trong quyển « Minh tâm bửu giám » :

*Hành tàng hư thực tự gia tri,
Họa phúc nhân do cánh vấn thùy,
Thiện ác đão đầu chung hữu báo,
Chỉ tranh lai tảo dữ lai trì...*

Từ quang tạp chí số 31 tháng 7 năm 1954, Cư sĩ Chánh Trí dịch như vậy :

*Việc làm hư thực tự mình hay,
Họa phúc do ta chớ hỏi thầy,
Thiện ác chung qui đều báo ứng,
Nếu không sớm đến ắt là chầy.*

16) Quả báo nhãn tiền

*Đời xưa trả báo làm chầy,
Đời nay trả báo một dây nhãn tiền*

Ý kiến do câu ca dao mộc mạc này phát biểu có đúng hay không, tôi xin thuật câu chuyện sau đây để chúng ta cùng suy nghiệm, chuyện xảy ra tại tỉnh Tân An (nay là Long An) cách nay lối bốn mươi năm, nhiều người nghe biết.

Muốn khỏi trùng tên ai, chúng tôi xin đặt tên nhân vật trong truyện là ông Hai, bà Hai, bà Tư, bà Tám.

Bà Hai và bà Tư đều là hạng người khá giả, chơi thân với nhau.

Một hôm, bà Tư đến thăm bạn. Sau năm ba câu bàn chuyện nắng mưa, bà Tư mới hỏi :

- Một đây là ngày đám cưới con Mười, con chị Tám. Chỉ nài nỉ tôi đi họ cho được mới nghe, không đi chỉ giận. Vàng của tôi thì con Ba tôi ở Sài Gòn nó mượn rồi.

« Vậy chị làm ơn cho tôi mượn ít đôi vàng đeo nhòng nhánh với người ta, không lẽ mình là người danh giá thế này mà đi đám cưới tay trơn coi sao đặng.

Không do dự, bà Hai vô trong mở tủ bưng ô vàng năm đôi vàng chạm cho bà Tư mượn, dặn rằng hễ đám cưới xong là trả liền, kéo ông Hai biết đặng, ông rầy.

Bà Tư lấy khăn cột trùm cái ô xách về.

Đám cưới xong.

Một ngày. Hai ngày qua. Lại một tuần qua.

Không thấy ba Tư trả ô vàng, bà Hai nóng lòng đến nhà bạn.

Chị em gặp nhau mừng rỡ. Trầu nước xong, bà Hai hỏi :

- Hôm rày, không thấy chị lại chơi ?

Thản nhiên, bà Tư đáp :

- Dạ hôm rày, bận quá chị à, mấy đứa nhỏ đau liên miên, chưa mạnh.

Ngồi nói chuyện cả giờ mà không thấy bà Tư đá động tới việc mấy đôi vàng, bà Hai không làm thành nữa đặng nên hỏi :

- Còn việc đó, chị Tư ?

Ngạc nhiên, bà Tư hỏi lại :

- Việc đó là việc nào, chị Hai ?

Tưởng bà kia quên, bà Hai nói :

- Mấy đôi vàng tôi cho chị mượn đó ?

Càng ngạc nhiên, bà Tư bảo :

- Chị hai nói mấy đôi vàng nào ?

- Thời năm đôi vàng chạm tôi cho chị mượn hôm mồng sáu, đừng chị đi đám cưới đó.

- Tôi có mượn vàng của chị làm chi ?

« Đi đám cưới ai ? Có ai mời tôi đi đám cưới bao giờ đâu !

Bà Hai ghen ngào :

- Chị nhớ lại coi, chớ chị quên như vậy chết tôi : Hôm mồng sáu chị lại thăm tôi, chị nói chị Tám mời chị đi đám cưới con Mười. Vàng của chị bị con Ba của chị mượn về Sài Gòn. Chị không có vàng đi đám cưới, chị mượn tôi ít đôi. Tôi đưa trộm cái ô vàng của tôi cho chị : năm đôi vàng chạm.

« Tôi lại dặn chị đám cưới rồi mau mau đem trả lại tôi để ông của tôi ở hay đừng ở rầy. Chị quên hay sao ?

« Chị nói vậy chị giết tôi !

Bà Tư kéo bà Hai vô buồng, mở tủ ôm ra một hộp vàng, hỏi :

- Vàng này phải của chị hay không ?

Bà Hai ngồi cầm coi từ chiếc :

- Không phải.

- À, chị thấy không ? Gia tư tôi có kém gì chị, tôi cũng có vàng vậy chớ, tôi có mượn của chị làm gì ở đâu !

Bà Hai đứng dậy :

- Chị nói thiệt hay sao chị Tư ? Chị không có mượn năm đôi vàng chạm của tôi hả ? Chị giết tôi không gươm không dao !

Bà Tư nói nhỏ nhẹ với bạn :

- Tôi không có nói chơi với chị đâu chị Hai. Chị em mình đã biết nhau hơn ba chục năm trời, chị biết tôi bao giờ cũng thành thật với chị chớ !

« Chị nhớ lại coi chị cho ai mượn, chị đòi họ chớ tôi không có mượn của chị đâu.

Bà Hai thở dài, không từ giả một tiếng, xách khăn ra về.

Từ nhà bà Tư đến nhà bà Hai, chừng năm trăm thước, thế mà bà Hai đi hơn nửa giờ và khi về tới nhà, tóc bà lúc trước mới hoa râu, bây giờ đã bạc trắng !

Mười bảy năm sau bà mới chết.

Và mỗi khi bà lượm được một cái lông gà, bà tước đi sạch sẽ rồi bà váy tai...

Dường như bà nghe lầm lời bà Tư nói nên bà váy tai để nghe cho rõ vậy !

Ông Hai thấy mất ô vàng, năn nỉ bà, hăm dọa bà, buộc bà phải nói bà làm sao mà mất đi, hoặc bà cho ai mượn thì nói để ông đi đòi.

Khi thì bà nín thinh, cặp mắt lơ lảo ngó ra ngoài đường, khi thì bà nói vắn tắt :

- Còn đó, mất đâu !

Có khi, bà nói lầm bầm :

- Đồ ăn cướp, trả vàng cho tao !

Tội nghiệp ông Hai khuyên dỗ bà, nói rằng :

- Thôi mất thì bỏ đi, đừng tiếc nữa.

Ông dắt bà đi đổi gió, hết sức chiều chuộng thuốc men và sắm nữ trang khác cho bà.

Bà mất trí luôn, làm thế nào cũng không tỉnh ngộ.

Song sự đời chưa phải đến đó là dứt.

Thuở ấy vàng lỏi chừng 40 đồng bạc một lượng, năm đôi vàng chạm của bà Hai giá đáng chừng hai trăm đồng.

Thế là bà Tư giật của bà Hai, hai trăm đồng ! Cả tháng không nghe bà Hai thưa gởi, bà Tư mừng.

Nhưng mà mấy ngày sau, bà Tư cảm thấy trong miệng hơi đau đau, rò dưới lưỡi có một mụn.

Mụn ấy càng ngày càng lớn, càng hành đau, có lẽ đó là bệnh ung thư.

Bà Tư mua thuốc Nam xức, uống thuốc Bắc, vô hiệu ! Đến thầy thuốc Tây, vô phương !

Mụn bể, máu mủ chảy ra, hành bà Tư nhức nhối rên siết cả ngày lẫn đêm.

Bà chạy sáng nhà sáng cửa, tốn hao bạc ngàn, bằng năm bằng mười số tiền bà giật của bà Hai, song bệnh không thuyên giảm.

Bà làm chay, bà cúng chùa. Phật chưa xá tội cho bà !

Mỗi lần bà ăn bánh hời thịt quay, ối trời ơi, bà ăn lẫn những máu và mủ, ai có chứng kiến cảnh ấy cũng rùng mình !

Không biết con Nga quỉ là ma đói nó ra sao, bà Tư ăn uống không đặng, bà ốm quá, chắc giống như con Nga quỉ !

Phải chăng là bà đã gieo « nhân » ác cho nên bà phải gặt « quả » dữ như vậy, là thọ cái bịnh nan y hành bà đau đớn khổ sở, đau trầm đau trệ trót năm năm rồi mới chết.

17) Con voi với mấy thầy Sa-môn

Xưa kia, một vị vua Cao Miên có nuôi một con bạch tượng ngài rất mến yêu vì tánh nó hiền lành, thông minh, hình dáng đạo mạo trang nghiêm, không voi nào dám sánh.

Không bao giờ nó bất tuân quân tượng, và cũng chưa hề nổi sân. Nếu đôi khi anh chàng rống lên là vì sung sướng, hài lòng.

... Thế mà, chiều kia, lúc hoàng hôn vừa xủ bức màn đen xuống mặt địa cầu, một bọn người đầu trộm đuôi cướp đến tụ họp gần chuồng voi, bàn chuyện cướp của giết người.

Chúng thì thầm những lời hung dữ gian manh.

Độc ác trong tâm chúng phát sinh, từ miệng chúng tuôn ra như giòng độc dược.

Bọn cướp đinh ninh không một ai nghe mưu mô chúng đang bàn. Nhưng con bạch tượng nhà vua rất thánh tai, và đêm đêm voi lại phải hứng lấy những lời thù hằn, thâm hiểm rót vào tai.

Voi càng ngày đổi tánh xấu xa, vì điều ác đã nhập vào nhĩ thức, thấm nhuần châu thân, và, từng giọt, sự yên tĩnh từ trong tâm nó thoát ra ngoài.

Vô cớ, voi giậm chơn đùng đùng tỏ tuồng giận dữ, vùi voi lúc trước hiền hậu thế nào, bây giờ hươi động hung hăng, còn đôi vành tai rộng lớn đập gió ào ào ...

Nó không muốn ăn uống chi cả, suốt ngày suốt đêm không giờ phút nào nghỉ ngơi. Những lời độc ác, vầy xé nó tận thâm tâm.

Anh quân tượng không biết làm thế nào cho nó bớt nóng nảy ; chẳng bao lâu, đối với nó anh đã hóa ra người xa lạ, nó cũng không nhận biết Đức vua, chủ nó nữa.

Nó nổi điên đến mực giết chết anh quân tượng.

Nhà vua chán nản và tức giận, song ngài còn thương nó, không nỡ lìa xa nó. Ngài cho đòi những quân tượng kiên nhẫn nhứt, tài tình nhứt. Họ cố dụ dỗ bạch tượng bằng sự diệu hiền, bằng mưu này chúc nọ.

Nhưng mà độc ác đã tàn phá nó quá rồi, hiền hòa đối chọi vô hiệu quả, mưu chúc có làm gì đối với ray rút của ác hung ?

Bây giờ, người ta dùng đến bạo lực, họ trị con voi điên như trị con thú dữ, họ xiềng nó, giam cầm trong chuồng rắn chắc.

Khôn thay, cận chuồng mỗi đêm, bọn cướp vẫn âm thầm nhóm họp, bàn tính mưu mô, ẩn núp sau lùm cây rậm.

Và tai hại vẫn tăng.

Đức vua không hiểu ra làm sao cả, chẳng một vị đại thần nào tìm được biện pháp thích ứng. Các quân tượng cũng thúc thủ vô sách.

Bỗng nhiên, một ngày kia, trong tâm nhà vua sáng chói đức từ bi vô hạn. Ngày triệu thỉnh tất cả sa môn các chùa trong nước đến cầu kinh trước chuồng bạch tượng.

Trên đường cái quan rộng rãi, trên đường nhỏ hẹp thôn quê, những đàn áo vàng dù trắng kéo đi từng dọc dài, mắt nhìn xuống đất, chơn bước im lìm ...

Chư tăng ngồi xuống chiếu, chơn xếp bằng tròn, tay xòe cây quạt ra, lấy giọng rời khỏi sự tụng kinh.

Với một giọng đều đều, thâm trầm êm ái, những câu kinh bài kệ hiền lành thoát ra từ chân tâm thanh tịnh, tràng chuỗi từ bi đập tắt lửa hận thù.

Luồng sóng nhân đạo tràn ngập hư không, thấp nhập vào tâm, hòa lẫn cùng nhục căn cốt tủy. Bạch tượng như say mê với lời vàng ngọc êm như ru, ngọt đường mật, mát tợ gió xuân.

Rồi từng giọt, từng giọt, sân hận si mê trong tâm bạch tượng tan dần, như mủ máu tanh hôi từ mụn ung thoát chảy ...

Chiếc vòi dao động một cách nhẹ nhàng thông thả, bạch tượng vui vẻ vẫy tai, rống mấy tiếng nho nhỏ vui mừng ; tình thương đã trả cho voi tâm thanh tịnh, thanh tịnh đã làm cho voi được hân hoan.

Đức vua đã tìm lại được con voi yêu quý của ngài, ngài cúng dường tạ ơn Đức Thế Tôn.

18) Bất cầu báo

- Sao chương trình em không chịu khó học cho kỹ lưỡng ? Một câu hỏi dễ như thế mà cũng không trả lời được !

Qua lời quở trách ôn tồn, giọng nói của giám khảo có phần gay gắt với thí sinh.

Giám khảo, giáo sư Tiền, nổi danh là gắt gao và cho điểm nghiệt có tiếng ở Đô thành. Qua mùa thi, thí sinh sợ ông hơn sợ cọp ! Mặc dầu ông tương đối ít vòng cho ai con số không (0), song điểm cao nhất của ông không quá số mười hai và thí sinh nào ảm ố không trôi thì ông thường thưởng cho « một gậy » (1 điểm).

Ông sát hạch về môn tâm lý và mấy câu hỏi của ông thường bất ngờ và khó đáp.

Quạt máy trên trần nhà chạy vù vù, không khí trong phòng thi mát mẻ, thế mà trên trán thí sinh lấm tấm mồ hôi.

Ngoài sân, hoa phượng đầy cành nở đỏ, năm ba con chim vui vẻ ríu rít cùng nhau.

Thí sinh cảm thấy tạo vật dường như đua nhau mỉa mai cái dốt của mình.

Đối diện giám khảo mặt lạnh như đồng, thí sinh cúi đầu sợ sệt ; anh thừa nhỏ nhỏ, vừa đủ lọt vào tai ông :

- Dạ, hồi tháng ba năm nay, lúc thầy dạy em đến đoạn này, em đau thương hàn nên không đi học được.

« Xin ông xem học bạ và châm chế em nhờ.

Trong học bạ, hiệu trưởng phê :

« Học sinh Lê Hữu Lực cố gắng, thông minh, thâm hoạch kết quả tốt, song kém sức khỏe ».

Mĩa may thay, « Hữu Lực » và thiếu sức khỏe !

Giám khảo lại nhìn Hữu Lực : nước da anh men mét, vai rút lưng còm, chỉ có cặp mắt là sáng quắt.

Mặt ông giáo Tiền bốt lạnh, ông ngắm thí sinh từ đầu đến chơn và hỏi giọng êm dịu :

- Chắc em thức đêm nhiều lắm, có phải không ?

Thí sinh cảm động, rơm rớm nước mắt : có nên tỏ cho ông giám khảo biết chẳng, mỗi đêm anh phải đi dạy trường tư từ bảy đến chín giờ ngõ hầu có đủ tiền nuôi mẹ với bảy em. Lực mồ côi cha đã ba năm nay. Thân phụ anh, ông giáo sư Sanh mang bệnh lao từ trần, sau hai mươi mấy năm tận tụy cùng chức nghiệp.

Lực không trả lời, chỉ khe khẽ gật đầu, cúi mặt xuống để giấu ngấn lệ long lanh khoé mắt.

Ông Tiền đã hiểu tất cả. Ông bảo lực trao thẻ học sanh.

Xem qua, ông giựt mình, bồi hồi nhớ lại : ông Lê Hữu Sanh, phụ thân của Lực, không xa lạ gì đối với giáo sư Tiền !

Cảnh tượng kỳ thi Tú tài tại trường Pétrus Ký mười mấy năm về trước hiện ra rõ rệt trong trí nhớ của giáo sư.

Cũng ông giáo sư Sanh nghiêm nghị, khảo hạch khoa triết lý, cũng một đàn thí sinh nam nữ đứng im lặng, chờ đến phiên mình.

Mà anh thí sinh Lực năm nay lại là hiện thân của học sinh Tiền thuở nọ ...

... Thuở đó, Tiền có cha mẹ già với một đàn em sáu đứa. Tiền sung sướng hơn Lực bây giờ, là còn có cha, song thăm nổi, cha là một lao công tàn tật.

Tiền hy vọng chiếm bằng Tú tàiặng đi dạy học, hầu giúp cha mẹ nuôi các em.

Sau hai câu hỏi về tâm lý học và luận lý mà anh chàng trả lời không trôi, Tiền muốn khóc, cảm chắc cái rớt trong tay.

Giám khảo Sanh nhìn Tiền. Thay vì ông tặng anh một điểm rất thấp rồi mời anh ra để khảo hạch trò khác, không hiểu nghĩ sao ông lại hỏi thăm gia thế của anh... đoạn hỏi :

- Trong chương trình tâm lý học, vấn đề nào anh hiểu rõ, anh nói tôi nghe.

Như người đang chết đuối vớ được cây sào cứu mạng, Tiền nói một thôi dài về « ký ức » là vấn đề anh biết rành hơn cả.

Ông giáo Sanh mỉm cười.

Mười mấy năm qua.

Ngày hôm nay, trở trêu thay, giáo sư Tiền lại khảo hạch anh chàng Hữu Lực, con ông giáo sư Sanh là người năm xưa đã thi ân cho mình.

Tiền hỏi :

- Em có phải con ông giáo sư Sanh không ?

- Thừa phải.

- Ông giáo sư còn mạnh giỏi không ?

Nghe nhắc đến cha, Lực cảm động cổ cảm giọt nước mắt sắp rơi, đáp :

- Dạ thưa, ba em mất lâu rồi.

Ông Tiền thở ra, bảo :

- Trong chương trình tâm lý học, vấn đề nào em hiểu rõ, em nói tôi nghe.

Và, lạ lùng thay, Lực lại nói về vấn đề « ký ức », rõ ràng, thao thao bất tuyệt ...

Giáo sư Tiền ngồi nghe, mỉm cười.

Dường như hương hồn giáo sư Sanh phảng phất đâu đây, cũng nhìn ông mà mỉm cười sung sướng.

19) Đêm xuân kể chuyện

- Đêm rằm trăng đẹp quá, kể chuyện chúng em nghe, đi, anh hai.

Đức, một học sinh « đệ nhị » ngồi giữa bốn em : Lê, Lý, Cúc, Hường. Trên bàn, một đĩa mứt, một bình trà, vài phong bánh. Đức bảo các em :

- Anh sẵn lòng đây, mấy em muốn nghe chuyện gì ? Thạch Sanh chém chằn ? Hay là con thủy quái, con tinh một giò ?

Cúc Hường ôm đầu bịt tai, cố làm cho run giọng :

- Thôi đi bác hai, chuyện ma quái em nghe em sợ lắm !

- Hay là Tê Thiên Đại thánh, đại náo Thiên Cung ?

Bốn miệng một lời :

- Tây Du xưa quá, cho xin.

Trầm ngâm, nhìn lên cây long nhãn trước sân bày đóm lập lòe, Đức nói :

*Mấy em khó tánh làm sao,
Em Cúc có bảnh (biết) chuyện nào kể đi !*

Lê Lý cười rộ lên, Cúc phát trên vai anh, nói :

- Vậy thì em để anh « tự do » kể chuyện gì thì kể, mà không hay thì phạt đa !

Hường lấy đĩa mứt dẫu sau lưng.

« Anh nhớ thuở trước, trong nước Việt Nam ta dưới thời vua Lê, có một cậu học trò tên là Sinh, con nhà nghèo, cha làm hương ấp, mẹ gặt mướn cấy thuê.

Hường bảo :

- Thế là làm ruộng, cũng như bác tá điền của ba má mình.

Lê day qua cũi :

- Ruộng đâu mà làm, chỉ đi làm mướn làm thuê đấy thôi.

- Im, để anh hai thuật.

« Như mấy em cũng biết, xã hội ta hồi mấy trăm năm về trước rất trọng sĩ ...

Lý ngắt lời, hỏi :

- Sĩ là gì, anh hai ?

Cúc kêu lên :

- Đã là học trò lớp nhứt mà còn chưa biết sĩ là gì !

« Sĩ là học trò, nên mới có câu : ‘Nhứt sĩ ...

Lê rước nói : « Nhì nông »

Lệ miệng, Cúc bẻ :

- Ủ, nhứt sĩ nhì nông, mà hết gạo chạy rong thì ...

Hường ngâm nga, hài hước :

« Hết gạo chạy rong,

« Nhứt nông nhì sĩ aaa ...

Đức giải hòa :

- Không sao, nhứt sĩ hay nhứt nông gì cũng được. Anh thuật tiếp đây : Bởi vì xã hội Việt Nam ta hồi xưa tôn trọng sĩ phu, tức là học trò, quan chức, nên sự ước mong của song thân cậu Sinh là gì, các em đoán được hôn ?

Lê giờ tay :

- Em xin đáp, cha mẹ cậu Sinh muốn cho con làm quan.

- Đúng, cho nên dầu cực khổ bao nhiêu ông bà cũng không phiền, miễn là đạt mục đích : « con thi đỗ và làm quan ».

Lý hỏi :

- Rồi cậu Sinh có làm quan hôn, anh hai ?

Lê Cúc đồng thanh rầy Lý :

- Khéo nóng thì thôi, để anh hai nói nghe mà !

« Ông bà hương hai nấng một sương nuôi con ăn học, hy vọng con đỗ đạt làm quan cho cha mẹ nở mày nở mặt với xóm làng.

« Từ nhà cậu Sinh đến trường học phải đi ngang qua đình thần. Mấy em có ai vô trong đình lần nào chưa ?

- Dạ có, trong đình vắng vẻ, sợ ghê !

« Đình thờ cột Thần bằng cây. Mỗi lần Sinh đi qua trước đình, cậu trông vào thấy cột Thần đứng dậy chào, ngày nào cũng vậy.

Lý buột miệng nói :

- Cốt cây mà cũng đứng dậy chào, lạ dữ chưa !

Hường chắt lưỡi :

- Có lẽ ông Thần thích cậu Sinh lắm chứ gì.

Lý cười :

- Cũng như em thích bì chay vậy, phải không ?

Hường nguýt dài :

- Ở ... vô duyên, còn anh có thích chả dòn, cà-ry không ?

Lê can thiệp :

- Thôi cho an, nghe anh hai thuật tiếp.

- Cậu Sinh cũng lấy làm lạ không kém mấy em nên về thưa với mẹ cha. Ông hương ắp suy nghĩ rồi bảo con : « Nếu tượng Thần là tượng gỗ mà đứng dậy chào con được, ắt tượng cũng nói được chứ chẳng không. Vậy con hỏi ông coi vì lý do nào ông chào con.

- Hay quá, rồi cậu Sinh có hỏi không anh hai ?

- Có, và ông Thần trả lời thế nào, đồ ai biết ?

- Đồ em Cúc biết ?

- Đồ anh Lý biết ?

- Cậu Sinh hỏi chứ phải anh hỏi sao mà anh biết !

« Ông Thần trả lời rằng khoa thi tới đây cậu Sinh đậu Trạng, đậu Trạng nguyên.

Cả bốn em đều vỗ tay :

- Hoan nghinh ông Thần, hoan nghinh cậu Sinh !

- Khoan, chứ vội khen. Chắc may em đoán không lầm rằng vợ chồng ông hương vô cùng mừng rỡ. Nhưng, hại thay ...

- Hại gì, anh hai ?

« Con người ta, một khi được may mắn, giàu sang, danh vọng, thì hách dịch kiêu căng, khi khi kẻ khác tợ như rơm rác. Và vợ chồng anh hương ắp, con chưa thi đậu mà đã lên chơn rồi !

Mấy em nhìn nhau, ái ngại.

« Số là bà hương có nợ chị láng giềng một số tiền là năm quan. Chủ nợ đòi nhiều lần, bà sai hện mãi. Lần này chủ nợ giận nói nặng vài lời, bà hương nổi tam bành lên hăm dọa : « Chị đừng làm phách, giá gì mấy quan tiền mà chị nhieếc máng tôi. Này, tôi bảo cho mà liệu hồn, con tôi đỗ Trạng thì chẳng những năm quan chị tôi không trả mà tôi còn cào nhà chị xuống sông ».

Cúc Hương hít hà, le lưỡi :

- Hung dữ quá chắc bị trời phạt !

« Phải đa, hai em nói đúng. Lại còn ông hương ấp, ông cũng không biết điều gì hơn bà vợ, ông cũng quá tham lam ! Đêm năm, ông toan tính sau khi cậu Sinh thi đỗ, ông đoạt sở ruộng thượng hạng của bá Lý Thanh canh tác chơi, ông sẽ chiếm mẫu vườn của Thôn Thanh cất nhà ở cho mát mẻ, ông sẽ cách chức Tổng Thành thường bắt nạt ông.

Nóng tính, Lý hỏi anh :

- Rồi cậu Sinh có thi đậu không, anh hai ?

Lê rước trả lời :

- Làm thế nào mà đậu được ! Cậu Sinh tức vị Hoàng đế thì chết người ta hết đi còn gì !

Đức cười vò đầu em Lê :

- Em có tánh công bình, anh khen đó.

« Hôm sau, Sinh đi học, chẳng những Thần không chào như mọi khi, lại còn ngảnh mặt nơi khác. Sinh thưa lại với cha, cha bảo con hỏi Thần, Thần đáp : « Nhà ngươi còn mong đỗ đạt gì nữa, Thượng đế đã xóa tên ngươi trong bảng vàng rồi vì cha mẹ ngươi làm nhiều tội ác, ngươi về hỏi lại thì rõ ».

Mấy em phê bình :

- Tội nghiệp cậu Sinh !

- Đáng đời gia đình ông hương ấp !

Thật thà, Hương nói :

- Phải chi trời phạt ông bà hương mà cho cậu Sinh thi đậu, vì có phải lỗi cậu đâu.

Lê to tiếng cãi :

- Sao được, nếu cậu Sinh thi đậu thì cha mẹ ỷ thế con tất thi hành ngay các ý định độc ác kia, tổng làng nào chịu nổi.

Cúc đưa ngón tay trở lên hăm Lý :

- Chết rồi, anh Lý chuyển này chắc « leo cây ». Anh oán thầy nhứt đánh anh hoài, anh thề anh đậu vô « đệ thất », anh không thèm chào thầy nữa.

Bẽn lễn, Lý chữa mình :

- Anh nói chơi vậy mà, lúc bị đòn anh giận nói vậy chứ anh vẫn kính thầy luôn.

Giọng hiền từ nhưng nghiêm trang, Đức dạy :

- Đây, các em xem, ác ý của vợ chồng ông hương phá hủy tương lai tốt đẹp của con. Theo luật nhân quả nhà Phật, hành động ác kết quả tai hại đã đành, mà lời nói ác, ý nghĩ ác cũng làm cho ta mang tội chẳng nhỏ.

« Vậy mấy em phải cẩn thận, việc làm, lời nói và tư tưởng đều phải hướng vào điều thiện, đừng gieo ‘nhân’ dữ vào lòng, cái mầm ác nó nảy sanh, đâm chồi mọc rễ, rồi ta phải gặt hái cái ‘quả’ dữ xấu xa, khốc hại.

Hường vui vẻ thưa :

- Hay quá, chúng em xin tuân lời anh dạy, và ... thưởng anh đĩa mút hột sen với tách trà nóng hồi vừa thổi vừa uống đây.

Em Cúc lại đề nghị :

- Trời còn sớm, gió mát mẻ, anh hai thuật cho chúng em nghe một chuyện nữa đi, mà lần này ... anh học trò phải thi đậu đa !

- Hoan nghinh, hoan nghinh !

Ba em kia đồng reo to.

Đức cười :

- Anh sẽ làm vừa ý các em, song em Cúc đã ra, điều kiện là anh học trò phải thi đậu, đổi lại, anh buộc mấy em một điều.

Các em đồng thanh reo lên :

- Xin chấp thuận trước.

- Là không ... ai ... được ... cúp... pê anh, trong lúc anh kể chuyện, nghe không ?

- Dạ, chấp thuận.

« Hồi xưa hồi xưa, có anh học trò nghèo, chỉ có một mẹ một con, mẹ tần tảo nuôi con, cho con theo thầy luyện tập nghề văn nghiệp võ, anh học trò, chúng ta tạm gọi là anh Phúc đi, đến mười tám tuổi thì, như Lục Vân Tiên :

*Văn đà khởi phụng đăng giao,
Võ thêm ba hợc sáu thao ai bì.*

Bỗng có tin mùa xuân năm sau lệnh vua mở khoa thi. Tháng tám, trời mưa tầm tã suốt ngày. Các sĩ tử chuẩn bị ráo riết, hy vọng bằng hồ đề tên.

« Ông thầy vào ra nhìn Phúc mà thở dài.

« Cuối cùng, ông cho Phúc về thăm mẹ, dặn dò sau ba tháng sẽ trở lại trường cho thầy dạy bảo.

« Phúc về, thầy áy náy thở than.

« Ba tháng sau, tuân lời thầy, Phúc lại đến.

« Vừa thấy mặt chàng, thầy ngạc nhiên, nhưng rất mừng.

Không thể nín lặng, Lý hỏi :

- Sao ông thầy lúc trước buồn bực, bây giờ lại vui vẻ, anh hai ?

Cúc cảnh cáo ngay :

- Đã bảo đừng ngắt lời anh hai mà còn không tuân, không khéo anh hai giận cho mà coi.

Đức tát yêu Lý, nói :

- Em Lý có khiếu quan sát, khá hay, song hãy nhẫn nại nghe anh thuật tiếp.

« Ông thầy cho các môn đệ xuống kinh thi và khoa ấy cậu Phúc ...

- Thi đỗ !

- Thi đậu !

« Cậu Phúc đỗ Tiến sĩ.

Các em reo mừng :

- À, có thể chứ !

Chờ các em im lặng, Đức tiếp :

« Vinh quy bái tổ xong, Phúc đến lạy thầy. Thầy sung sướng vuốt râu cười hà hà :

- Phúc, con thi đậu, con làm vẻ vang cho song thân con, cho thầy, thầy thật hả dạ. Tuy nhiên, thầy không khỏi lấy làm lạ về tướng mạng của con.

« Khép nép, Phúc thưa :

- Dạ thưa thầy, tướng mạng của con sao, xin thầy dạy cho con rõ.

- Con nhớ không, hồi tháng tám năm rồi, thầy nhận thấy sắc mặt con u tối, thầy đoán biết con sống không quá ba tháng nữa, nên thầy cho phép con về viếng mẫu thân con, ngõ hầu có mạng hệ nào thì con được đáp điểm nơi quê nhà cho ấm cúng.

« Phúc giựt mình.

« Thầy hớp một ngụm nước trà rồi tiếp :

- Thầy bảo con sau ba tháng trở lại vì thầy không dám lậu thiên cơ sợ con thối chí ngã lòng. Thầy định ninh rằng đứa học trò yêu quý của thầy không bao giờ còn gặp thầy nữa.

« Cảm động, thầy ngừng một giây rồi bảo :

- Nào ngờ, khi con trở lại, thầy trông mặt con ửng hồng, tướng phước đức hiện ra. Thật lạ lùng, thầy xem tướng đoán vận mạng lầm lẫn bao giờ. Vậy con nhớ kỹ, trong thời gian ba tháng con ở nơi nhà, con có làm một đại phước hay không, như cứu mạng người chẳng hạn ?

Phúc suy nghĩ rồi thưa :

- Dạ thưa thầy, con chưa được cứu người nào cả, chỉ có cứu một bầy kiến mà thôi. Là, trên đàng về quê, khi đi ngang qua suối sau một trận mưa to, con bắt gặp một bầy kiến đang chơi với giữa dòng, gần bị chết đuối. Nhớ lời thầy dạy, con bẻ một cành cây làm bè vớt kiến, chờ chúng leo hết lên bờ rồi con mới đi.

« Thầy vỗ tay cười :

- Thế là con cứu cả trăm cả ngàn mạng chúng sanh, còn gì nữa ! Cho nên, hành động phước thiện ấy đã chuyển nghiệp cho con và đổi tướng yếu thành ra tướng thọ và vinh hiển.

- Mấy em đã hài lòng chưa ? Và các em muốn có một tấm lòng vàng, tấm lòng từ thiện như cậu Phúc hay không ?

Cúc, Hoàng, Lê, Lý đồng thanh đáp :

- Xin vâng, chúng em sẽ noi gương cậu Phúc mà làm lành lánh dữ.

Lý chen vào hỏi :

- Còn em, hôm mùng hai Tết, em phóng sanh bảy con chim, em sẽ may mắn đậu vô đề thất hôn ?

Cúc trả lời mà gằn từ tiếng :

- Hễ giỏi thì đậu mà dở thì rớt, lẽ trời chí công, làm biếng học như anh thì có mà đậu ngon bàn !

Một tiếng « ồ » nổi lên, rồi năm anh em ráp lại thưởng thức bánh in chay, mứt hột sen, trà Đắc lạc, dưới cái nhìn đượm vẻ từ bi của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

IV

Nhân Tình Thế Thái

*Ăn để sống, sống để học,
Học để làm người.
Làm người phải có một **đạo lý**,
Một **tinh thần** vừa đúng với trời,
Vừa đất, vừa nhân quần, xã hội.*

(Tam Tông Miếu, 1973)

*Cái giá trị của con người chẳng phải
Ở nơi danh vị lợi quyền, mà ở nơi
Đạo đức thanh cao*

20) Tình đời

- Thằng Đạt phá sản rồi mày ơi !

Bác sĩ Huyền gặp luật sư Toại trên vệ đường Nguyễn Du liền bảo.

Toại ngạc nhiên :

- Làm gì mà phá sản lẹ vậy ?

- Ai có biết xin thề ! Nghe như ông thân của Đạt thiếu nợ lung tung, chưa kịp thanh toán thì ông đã mất phần. Bây giờ chủ nợ họ mới kiện mà tịch biên gia sản Đạt.

Luật sư Toại thở ra một câu đầy triết lý :

« Phú quý tởm môn tiền tuyệt, công danh như thảo thượng sương »

- Lên voi xuống chó là lẽ thường !

Chiều ấy, nơi nhà luật sư Toại là trung tâm tụ họp của một nhóm « thượng lưu trí thức » Sài Thành, người ta không ngớt bàn tán việc Lê Ngô Đạt, Kỹ sư canh nông phá sản.

Thú y Huế lại tuyên bố một cái tin đặc biệt là bây giờ Đạt đem sổ học ra khai thác một thửa vườn rộng bốn mươi (40) sào đất là tất cả những gì còn sót lại của một gia tài một ngàn (1.000) mẫu ruộng thượng hạng. Và, thay vì làm chủ nhân ông một tòa lầu đồ sộ huy hoàng tại Bến Lức, là « Biệt thự Thanh Phước », hiện thời Đạt chui đụt trong một gian nhà lá hai căn cất trên miếng đất kia.

Cô Nguyệt, nữ dược sư, bảo cô Lê, luật khoa cử nhân :

- Chị Lê là ý trung nhân của anh Đạt, đâu chị hãy hy sinh một tý về Bến Lức tiếp tay anh, khai hoang lập vườn, tỏ sự tận tâm của chị xem sao.

Cô Lê dầy nẩy :

- Nặng lắm, chịu thôi !

- Còn chị Hạnh, anh Đạt đã lọt vào mắt xanh của chị, phen này chị gánh cái đi bán làm gương vợ giỏi mẹ hiền đi !

Cô Hạnh, nữ giáo sư, mỉm cười và trề môi, một cái trề môi đầy ý vị.

Khuê, kỹ sư hầm mỏ, đề nghị rằng :

- Đạt là một người bạn tốt của chúng ta, nay va chẳng may suy sụp, lẽ nào ta đứng nhìn và chịu cảnh bần hàn mà không ra tay cứu vớt hay sao ? Có bằng hữu để mà làm gì ?

« Ấu là ta, kẻ nhiều người ít, giúp Đạt kiếm cơ lập nghiệp lại một phen !

Một tiếng « ồ » nổi lên.

Tấn sĩ Quang nói :

- Toa muốn gả em cho Đạt thì tự tiện giúp va, « mả » không cản trở, chớ tui mả có ân nghĩa gì với va, bất quá chiều thứ bảy xuống Bến Lức giết hại một ít gà vịt của va vậy thôi.

« Còn cô Liên, cô có muốn rời bỏ Sài Thành hoa lệ mà về ruộng cấy cà thì bảo Khuê nó mua cho Đạt với cô vài mẫu ruộng.

Liên, em bác vật Khuê, đưa hai tay lên trời như phân bua :

- Tôi như vậy mà đi cấy à ? Tôi sợ địa lắm ; như ... sợ gì ?

Kỹ sư, bác sĩ, luật sư nhao nhao lên, kẻ trả lời, người bác bẻ.

- Như sợ cọp ?

- Cọp sở thú mà sợ nỗi gì ?

- Sợ chó điên ?

- Chó điên đã có Pasteur trùng trị.

- Sợ rắn đâm ?

- Rắn đâm Tây tiêu hết rồi, có còn đâu.

- Như sợ con rắn.

Liên cười :

- À phải, tôi sợ địa như sợ con rắn.

Tất cả chủ khách cười dòn dã, rồi uống sâm banh, rồi khiêu vũ ...

Trưa hôm ấy ...

Đứng dưới mái hiên một gian nhà lá nhỏ gần chợ Bến Lức, cát trên miếng đất rộng bằng bàn tay, Chân, một thôn nữ, vừa cuốc xong cái giồng để trồng khoai lang, đưa cánh tay lên trán lau mấy giọt mồ hôi.

Đạt nhìn Chân thắc mắc :

- Cô Chân, tôi thành thật bảo cô, cô ở với tôi chỉ là cực khổ tẩm thân cô mà thôi.

Chân mỉm cười :

- Em là gái đồng quê, tay lấm chơn bùn, quen nghề ruộng rẫy, em giúp anh trồng trọt miếng vườn, có nhọc nhằn chi đâu.

- Này cô Chân, thuở trước, song thân chúng ta đã hứa hôn cho đôi ta, song từ khi tôi du học về tới nay, tôi dường như phụ phàng cô, dẫu cô không phiền trách, nhưng bây giờ đối với sự tận tụy của cô, tôi rất là ái ngại !

« Tôi đã phá sản, tôi nghèo, cô thấy rõ, phần cô, cô cũng không khá gì, tại sao chúng ta lại cho hai cái nghèo nó phối hiệp cùng nhau ? Thật tôi không nỡ ...

Chân ngó Đạt, hăng hái đáp rằng :

- Đặt cho hai cái nghèo nó giúp đỡ lẫn nhau chớ chi ! Một người nghèo cô độc thì cảm thấy mình cô đơn buồn khổ, song một khi được một người nghèo khác đem chút tình yêu đến ấp ủ lòng giá lạnh, chia vui sẻ buồn cùng nhau, cùng nhau tay dắt tay đi trên đường đời chông gai, gió bụi, không ham muốn, không giận hờn, không si mê, thì cảnh nghèo có phải là cảnh vô phước khổ sở đâu.

Đạt gật đầu, sung sướng nói :

- Tôi ước mong sao, ngày gần đây, cô được hưởng hạnh phúc cả vật chất lẫn tinh thần.

Chân trù mến nhìn vị hôn phu, đáp :

- Miễn là được sống bên anh là em hạnh phúc lắm rồi !

Ba tháng sau.

Một hôm, tất cả những ai được gọi là « thượng lưu trí thức » mà ta đã gặp tại nhà luật sư Toại, đều tiếp được một bức hồng thiệp như vậy :

« Chúng tôi, Lê Ngô Đạt, nông phu, và Nguyễn Thị Chân, thôn nữ, xin trân trọng báo tin cho thân bằng cô hữu hay rằng, ngày 14 tháng 3 dl năm 915..., nhằm ngày 23 tháng hai, sẽ cử hành hôn lễ của chúng tôi tại « biệt thự Thanh Phước », Bến Lức, và nhơn dịp ấy xin mời quý ông bà, quý bạn vui lòng dời gót đến dự tiệc mừng sống, đưa giá cá kho cùng chúng tôi, ngày ấy đúng 6 giờ chiều.

« Sau bữa tiệc, sẽ có chiếu bóng về đời sống và công việc đồng áng thôn dã Việt Nam, Nhựt Bản, Miến Điện, Ý Đại Lợi ...

« Xin phúc đáp.

Dễ thường chỉ có Khuê là đến dự tiệc cưới đặc biệt ấy mà thôi.

21) Lời thề năm xưa

Đêm nay, nỗi nhớ niềm thương vầy xé tâm can thanh niên Nguyễn Kim Trang.

Nằm vông chán, thanh niên ra sân đi bách bộ.

Ngồi trên thềm nhà nhìn trăng, muốn cùng trăng bày tỏ nỗi lòng : trăng khi mờ lúc tỏ, trăng vẫn thản nhiên, chỉ có gió mơn man mái tóc, nhưng gió hắt hiu dường khêu gợi lửa phiền.

Trang thương, Trang nhớ, thương cha mẹ cùng mình năm nọ, tuân lệnh tản cư, thi hành chánh sách « vườn không nhà trống ! »

Tức giận dân miền Nam đất Việt không vui lòng khuất phục tiếp tục hưởng thụ văn minh mà họ mang đến tận trời Âu ban bố, quân đội xâm lăng bắn thương dân vô tội, đốt phá, lấy ván gỗ bắt cầu, bừa tù cần làm củi chum, bà con Si-hà-núc thừa nước đục thả câu, cướp bóc, giết người dân Việt.

Trong một cuộc đụng độ giữa dân quân kháng chiến với Tây tặc viễn chinh, song thân Trang lãnh mấy viên đạn đồng quý hóa, ôm hận xuống tuyến đài !

Trang nhớ đến ai kia, Ngọc Hoa, một thiếu nữ diễm kiều, đã cùng Trang nuôi nấng mối tình trong sạch, nhiều phen thệ ước, mong sau khi lửa tắt khói tan, sẽ cùng nhau trăm năm ca khúc bạch đầu.

Và năm 45, trước khi tạm biệt, tay cầm tay âu yếm nhìn nhau, chỉ trăng chỉ nước, cầu xin chứng chiếu tấm lòng thành.

Ma nay, nguyệt vẫn còn đây, trăng bạc gió vàng, nước còn kia, cùng với tang thương cau mặt, mà nay bóng hình yếu điệu người xưa, giọng nói dịu hiền, tiếng cười trong trẻo, nay đã phiêu bạt về đâu, hay là, cùng chung số phận cha mẹ Trang, ba tất đất vùi chôn mảnh hình hài, không không có có !

Chợt nhớ lại nhiệm vụ công chức của mình, mớ hồ sơ ôm về hồi chiều thanh toán chưa xong.

Mặc dầu chiếc đồng hồ trên tường nhắc Trang đêm đã khuya khoắc, Trang vẫn hăng say làm phận sự một công bộc tận tâm.

Nhân lật trong Công báo để tham khảo một sắc luật vừa mới được ban hành, bỗng, nơi mục nhân viên, Trang để ý đến một tin vắn tắt : « Nguyễn thị Ngọc Hoa, nữ giáo viên hạng năm, từng sự tại ty tiểu học Sa Đéc, được chuyển theo đơn xin, để phục vụ tại ty tiểu học Long An ... »

« Nguyễn thị Ngọc Hoa ! »

Là nàng, hay là ai khác, trùng họ trùng tên, làm cho mình thất vọng ? Ôi mà, điều tra một giây thì rõ, có gì mà phải băn khoăn ?

Thế là hôm sau, vào khoảng tám giờ, công chức vừa tụt đủ là Trang đến Nha Tiểu học Nam Phần. Và Trang chẳng còn nghi ngờ gì, « Nguyễn thị Ngọc Hoa, con của ông Nguyễn Công và Lê Thị, chính là người mà, mười năm nay, Trang hằng tưởng nhớ, tìm kiếm khắp nơi.

Rồi đây, Trang sẽ sung sướng như vị vương Ulysse gặp lại Pénélope hiền thê, bao nhiêu năm một dạ trung thành, hay là khổ sở như nhạc sĩ Orphée trải bao nguy hiểm xuống tận Âm ty tìm giai nhân Eurydice, nhưng khi tái ngộ thì lại là cuộc gặp gỡ *cuối cùng* !

Nhưng định mạng là định mạng mà sức người là sức người, phải tận nhân lực mới rõ đâu là thiên mạng.

Buổi mai ngày thứ bảy trong tuần ấy, Trang cấp nắp một giỏ bom nho, những món mà khi xưa Ngọc Hoa ưa thích nhất. Mỗi khi Trang đến thăm là người đẹp đơn đã hỏi : « Anh có mua bom nho cho em không ? »

Trang mỉm cười, tự bảo : « Minh đến thăm đột ngột lại tặng bom nho, hử cô nàng hài lòng lắm chứ ! »

Đến văn phòng Trường ty Tiểu học Long An vào lúc chín giờ, Trang hay tin nữ giáo viên Ngọc Hoa dạy học tại quận lỵ Thủ Thừa, cách châu thành Long An gần năm cây số.

Chiếc xe ngựa cà rịch cà tăng đưa Trang đến chợ Thủ Thừa.

Trang nghĩ, sự xuất hiện bất ngờ của mình nơi trường học chắc làm cho Ngọc Hoa vui mừng, song lại làm rộn người đang thi hành phận sự, mà nếu mình lại nhà cô ta, ở đó mà chờ, mảng giờ dạy học cô về bất chợt gặp Trang, cái sự mừng rỡ ắt tăng gia bội.

Vô một quán ăn gần chợ hỏi thăm nhà cô giáo Hoa ; bà quán vui vẻ cho đưa cháu trai hướng dẫn Trang đi trên bờ đắp, hai bên là ruộng lúa chín thom tho, gió mát mẻ, cây oặc òa, Trang vừa mừng vui vừa lo sợ, càng rào bước đi mau, lại sợ càng mau tới.

Đến một nhà ngói ba căn cũ kỹ, sân trước lát gạch tàu, hai cậu trai mạnh mẽ, lên bảy lên năm, đang đá banh huỳnh huych.

Thấy bé kia đi vào với người lạ mặt, đứa lớn hỏi :

- Huỳnh, đi đâu đó mậy ? Hồng đi học sao ?

- Hồng, tao học lớp chiều. Dắt đường cho thầy này vô nhà mậy đây.

Day qua Trang, Huỳnh chấp tay thưa :

- Xin kiếu thầy.

Trang dúm vào tay nó tấm giấy mười đồng, thốt :

- Cảm ơn em, em tử tế quá.

Huỳnh cười lỏn lỏn, chậm rãi ra về, vừa đi vừa huýt sáo.

Nghe tiếng con chó vàng sủa khách, một bà già trong nhà bước ra, nheo mắt ngó khách hỏi :

- Thầy kiếm ai ?

Trang cất nón, đặt giỏ trái cây lên thêm, hỏi lại :

- Xin lỗi bà, phải nhà này là nhà cô giáo Hoa, Ngọc Hoa không ?

- Phải, mà thầy là ai, hỏi cô giáo làm chi ? À, mà quên nữa, mời thầy vô trong này uống nước. Thầy uống la-ve hôn ? Hay nước trà ?

« Tôi là dì ba, giúp việc trong nhà, thầy cứ gọi tôi là dì ba.

- Dạ thưa dì ba, cho cháu ly nước trà, cảm ơn.

Cháu là Trang, thứ hai, làm công chức. Trước thời cuộc 45, nhà cháu với nhà cô Hoa cách nhau một miếng vườn. Kế tản cư ; mười năm nay, bất vô âm tín, góc biển chơn trời. Nay tình cờ cháu hay tin cô dạy học tại đây, cháu tìm đến thăm cô.

« Thật may quá, nhờ em Huỳnh dắt vô đúng nhà cô.

« Thưa dì, chẳng hay hai bác song thân cô Hoa còn mạnh giỏi không ?

Dì ba lắc đầu :

- Ôi, thật là khổ, chuyện dài lắm, thầy hai ơi ... Để tôi pha trà rồi, tôi thuật thầy hai nghe có đầu có đuôi, thật là cảm động. Ông bà tía má cô giáo chết thảm chết thương biết là chừng nào !

Trang nhìn vào ; trên bàn thờ, hai bức ảnh rọi lớn cha mẹ Ngọc Hoa.

Đối diện Trang, trên vách, treo ảnh một thanh niên giao đầu cùng thiếu phụ, chẳng ai khác hơn là Ngọc Hoa.

Tim Trang đau nhói ; khoảnh khắc, Trang hiểu ngay : hai đứa bé trai là con Ngọc Hoa mà thanh niên kia chính là phụ thân hai trẻ.

Sau lưng Trang, lưng lảng tấm hình phóng đại của Trang nghiêm nghị, buồn buồn.

Thấy hai trẻ lấp ló, Trang ngoắt vào, vuốt ve, hỏi em bé lớn :

- Cháu tên gì ? mấy tuổi. Em cháu tên chi ?

Bé lớn thưa :

- Dạ cháu tên Kim, bảy tuổi, em cháu tên Ngọc, mới lên năm.

Kim Trang, Ngọc Hoa !

Trời hời, Hoa tể nhị trong cảm tình, dùng chữ lót của bạn và của mình mà đặt tên cho hai trẻ. Cảm động vậy thay !

Trang chỉ ảnh trên tường, hỏi :

- Đây là hình ba má cháu phải hôn ? Còn ảnh này của ai mà giống qua quá vậy ?

- Dạ phải, hình ba má cháu, còn ảnh kia là cậu cháu ; cậu cháu chết rồi, hể má cháu nhắc đến ông bà ngoại và cậu cháu thì má cháu khóc hoài, ba cháu khuyên lơn.

Trang càng buồn, không đủ can đảm nghe dì ba kể chuyện song thân Ngọc Hoa chết cách thảm thiết thế nào, mượn bé Kim xuống bếp lấy cái đĩa bần, Trang để trái cây vào đĩa, đặt lên bàn thờ, đốt ba cây nhang, khấn vái rồi quì lạy bốn lạy, trước cái nhìn ngạc nhiên của dì ba, bé Kim và bé Ngọc.

Dì ba mời Trang dùng ly nước trà giải khát, dì sẽ kể Trang nghe chuyện cha mẹ Ngọc Hoa chết oan chết thảm, Trang lắc đầu, thối thác là mình cảm thành linh, xin ra được phòng chợ quận mua thuốc uống, tặng hai cháu Kim Ngọc một số bạc tượng trưng, nhờ dì ba trao lời dùm cô giáo rằng Trang thành tâm cầu chúc gia đình cô hạnh phúc lâu dài, phần chàng cũng đã có gia đình đầm ấm, chàng vỗ nhẹ đầu Kim Ngọc chúc hai trẻ mạnh khỏe luôn, học hành tấn phát.

Trang uể oải ra khỏi nhà, rồi đi như bay, như chạy trốn một quá khứ quá sâu đau và một hiện tại hoàn toàn vô hy vọng, nhưng được an ủi chút nào là hình ảnh chàng còn phảng phất trong tâm khảm người xưa, chắc vì hoàn cảnh đặc biệt mà đành kết tóc xe tơ cùng người khác ...

22) Tham thì thâm

Nghe tiếng chuông reo ngoài ngõ, bé Hùng chạy ra, vỗ tay kêu :

« À, ba đã về ».

Đức đẩy chiếc xe đạp lên thềm, dựng xe dựa vách, bước vào nhà. Chị Hạnh lau nước mắt, đứng dậy chào :

- Minh mới về.

Đức ngó giữa nhà, buột miệng kêu lên :

- Trời, cái tủ thờ đâu rồi ? Em đã bán đi sao ?

Đức ngồi phịch xuống ghế, giọng trách móc :

- Dầu chúng ta nghèo thế nào, bữa cháo bữa rau, cũng phải bảo tồn cái kỷ niệm gia đình ta, lưu đến ta đã ba đời ! Có thể em làm như vậy được sao ?

Tâm hồn xúc động, Hạnh lại khóc.

- Minh bình tĩnh em nói mình nghe.

Hạnh rót một ly nước, để trước mặt chồng. Đức không buồn uống, lơ đãng ngó ra ngoài sân.

Bầu không khí nặng nề, Hùng ngoắt em là Dũng ra ngoài vẽ nhà đánh chơi.

- Dầu em ngu dốt thế nào, Hạnh nói, em cũng biết tôn kính mền yêu cái nơi thờ ông bà cha mẹ.

Nước mắt ràn rụa, Hạnh nghẹn ngào, lại tiếp :

- Vả việc lớn việc nhỏ, mỗi khi thi hành, vợ chồng ta đều có bàn tính cùng nhau, em không bao giờ tự chuyên làm lấy một mình.

« Mấy tháng mình đua, cảnh túng quẫn chúng ta càng thêm túng quẫn ! Ba tháng tiền nhà bà Ba mình chưa trả, bà tới ngày một, nặng nhẹ đủ điều ...

Chợt hiểu, Đức vịn lên vai Hạnh :

- Anh nghi oan cho em, anh xin lỗi, em thuật tiếp anh nghe.

- Chiều này, hồi ba giờ, bà qua, đi tới đi lui trong nhà, cặp mắt xoi mói bà dòm dõ tứ phía. Sau cùng, cái thân hình hộ pháp bà đứng giữa nhà, chống nạnh hai quai, quát mắng lên như cái loa vang dậy :

« Sao ? ba tháng tiền nhà, lại còn tiền lời, vị chi là hai ngàn hai trăm năm đồng, có chưa ? Hứa hẹn mấy phen rồi ? Gái già này có phải là con nít đâu mà bắt đi tới đi lui cho mòn dép ! ... »

« Bà mắng, bà nhiếc nhiều lời, em kể lại chỉ làm cho bản tai mình thêm tức giận mà thôi.

« Sau cùng, bà nhứt định phải xiết một món đồ gì trừ nợ : cái bàn viết của mình đã cũ, cái divan không đáng giá bao nhiêu, bà đi quanh cái tủ thờ, coi từ con ốc cắn, bấm thử có một có mỗi chi không.

« Em hồi hộp, hiểu ý bà, van xin bà đừng xiết cái tủ cắn ông bà để lại, chờ chiều đến mình về, may mình có vay mượn được ngân nào sẽ trả bớt cho bà số tiền mượn nhà còn thiếu mấy tháng nay.

« Bà cười gằn mấy tiếng như búa bổ lên đầu em. Rồi bà về ... Em hy vọng bà hoãn cho mình vài ba ngày, ít lắm cũng đến tối.

« Nào dè, năm giờ bà trở lại với một chiếc xe và hai người đàn ông lực lưỡng, anh đánh xe, với con Lý, cháu bà, là bốn.

« Chẳng nói chẳng rằng, họ dọn chung đèn, lư hương, kỷ trà qua bàn viết, rồi khiêng cái tủ đi.

« Em khóc hết nước mắt. Giá thử lúc ấy đầu có lạy bà cũng không ăn thua gì !

Người thiếu phụ dịu hiền tức giận, vò tay, châu mày :

- Ba mươi đời, cái thứ con buôn, cái thứ cho vay ăn lời cắt cổ, nào có biết nhân nghĩa là gì, nào còn có tình cảm gì nữa đâu ! Chỉ biết có Tiền, Tiền và Tiền ! Tiền là tất cả, là Thánh là Thần đối với họ. Đến khi bị những nạn tai khủng khiếp : pháo kích, động đất, bão tố, hỏa tai, ôn dịch ... lúc đó họ mới lảng xãng vái Chúa và cầu Phật.

« Chúa với Phật nào có gia hộ những người hung ác bao giờ.

Một phút im lặng. Thành linh, Đức kêu to :

- Còn mấy tập hồ sơ tôi trong tủ ? trong đó có ba tấm giấy số kiến thiết anh Hiền biểu tôi hôm qua.

Hạnh đáp :

- Mình nhớ rằng cất chìa khóa tủ chớ em có cất đâu.

Đức rờ túi, rồi đứng dậy, ra đẩy xe đi.

Giây phút, Đức về, ôm vào để lên bàn mấy tập hồ sơ, dỡ phong bì lấy ra ba tấm giấy số, lật qua lật lại, tay run, day qua vợ, như phân bua, như cầu cứu :

- Trời ! Họ tráo ba tấm giấy số của tôi rồi ! Tôi nhớ rõ ràng, có một tấm mang số tận cùng là 303 mà số này lại mang 808. Chết rồi ! Làm sao ?

- Làm sao ? Hạnh lập lại. Thưa gởi gì được, ai mà chịu cha ăn cướp.

Trên gương mặt héo hắt, buồn bực, bỗng nở một nụ cười :

- Mà biết đâu chừng, vì lòng tham vô bờ bến, họ tráo số mình, chớ vị Thiên Thần sẽ không ban ân huệ cho họ đâu, trái lại, mình sẽ trúng, cũng không biết chừng.

... Sáu giờ hôm sau.

Mấy trẻ bán báo đã chạy vào đường hẻm rao om :

- Tự do ngôn luận thầy, Điện tín, Trắng đen, thầy, Sống mới, Đoàn kết, kết quả xổ số kiến thiết thầy !

Đức ngồi vươn vai, bảo Hùng lấy hai chục trong túi áo mình máng trên móc, mở cửa ra đường, ngoắt kêu : « Báo, báo ».

Đem vô cho cha một tờ Tự do ngôn luận.

Chị Hạnh đang xáo tô com trên bếp, bỗng nghe anh Đức kêu lên : « Bà ơi, bà, má nó ơi ! »

Chị mỉm cười :

- Chà, bữa nay sanh chứng, lại cho mình « ăn lên », làm bà, làm biệt !

- Lại đây coi, mình ơi !

- Gì đó, ông ?

- Nè, coi dùm coi, cái số trúng, trúng độc đắc.

- Dạ, trúng độc đắc, rồi sao ?

Đức bình Kiều :

*Tưởng là nắng quáng đèn lò,
Rõ ràng trước mặt còn ngờ chiêm bao.*

Đưa ngón tay trở búp măng dò từ con số, Hạnh đọc : Trúng độc đắc 5.000.000 đồng số :

123.808

« Dạ, số độc đắc 123.808, rồi sao ? Ai trúng ?

Đức cười vang :

- Thì anh Hiền trúng, chúng mình trúng, chứ còn ai ? Má thằng Nhét khéo hỏi lẫn thẩn.

Hạnh cười dòn, Hùng, Dũng áp lại dòm vô báo, đòi hỏi tía lia :

- Ba trúng số hả ba ? Ba mua cho con chiếc xe đạp nghe ba ? Ba mua cho con tập hình, hộp viết chì màu, nghe ba.

- Ủ, ừ, ba mua, mua tất cả. Mua một cái vi-la, mua cho má con một chục chiếc áo dài mới và ... luôn một anh chiến sĩ dù !

Chị Hạnh cười, beo tai chồng, quát yêu :

- Ôi, kỳ quá nà !

Bỗng có tiếng đập cửa thành thành và tiếng con Lý vọng vào, bài hãi :

- Thầy hai ơi, cô hai ơi, dì em thổ huyết nặng lắm, nhờ thầy cô làm ơn chở dì em vào nhà thương.

... Hôm sau, Hạnh vào bệnh viện thăm bà Ba, biếu bà một kí cam, một kí nho tươi và xin chuộc cái tử thờ.

Bà chấp thuận, song không nhận tiền, bảo Hạnh dùng số tiền hai ngàn hai ấy làm việc Phước thiện và cầu Ông Trên gia hộ bà mau mạnh. Bà nguyện sẽ còn làm phước nhiều hơn nữa.

Hôm nay, sao bà tử tế, dễ thương quá, thốt những lời hiền từ quá vậy ? Chắc là « chư vị » Thần linh đã cảm hóa bà.

Phải, bà đã được cảm hóa, vì, sau ngày ấy, con Lý bép xếp nó đã tiết lộ cái xảo thủ của bà, động lòng ưu ái « sắp xếp » dùm mấy tập hồ sơ bừa bãi của anh chàng danh Đức.

Và kết quả thật bất ngờ !

23) Anh Hiệp chết

Khổ vì xã hội, khổ vì gia đình, anh Hiệp nhứt định trốn nợ trần ai.

Mà trốn sao cho ngon lành, không ai bắt lại được, và nhứt là không ạch đui, đau đớn thân mình, hành vợ, đày con ?

Anh « lập binh » (faire l'appel, kiểm điểm) mấy chú Vô Thường, coi chú nào có bộ mặt « dễ thương » hơn hết : lão Hà Bá lạnh như đồng, thần Dây Luộc nghệt cổ khó thở, bà Hỏa nóng tợ Hỏa diệm Sơn ! Leo lên tầng chót Carahuên mà trồng chuối ngược xuống, rủi không chết lại gãy rùm cả hai tay thì làm thế nào mà xơi cơm ?

Cũng muốn ăn thịt bò bít tết thật nhiều, uống huyết-ky thật quau, đặng đứt gân máu cho rồi, song... nếu không « xiu » tức thì mà lại bại xụi, bà già trâu bả bỏ hàng ngày chịu sao cho nổi, chắc là phải chết !

Thôi, trăm ngàn cách chết, chỉ có cách đập đầu xuống gỏi (?) là êm thấm hơn cả, không báo hại ai.

Ấy vậy, anh Hiệp được cái hân hạnh chết, mà biết mình chết, mới là sướng cho.

Người ta bảo – và chắc họ ức đoán mà thôi – Sở dĩ người bình vật mình vật mảy khi chết, là tại họ trì kéo nhùng nhằng với quỷ Vô thường, có khi họ chảy nước mắt, và nuối, và hồi dương, là bởi thương con thơ, nhớ vợ đẹp, tiếc mấy chục ngàn tấm giấy con voi không ai xài dùm, tiếc cái địa vị Dân biểu chưa tận hưởng...

Chớ cái này, anh Hiệp là thường dân, nghèo khô nghèo khiên, không luyến tiếc cái gì, và nay anh chết một cách tự do, như là ngồi ngoài bia-rô nóng nực mà được ông chủ mời vào phòng lạnh của ông vậy. Hay là đang ở Sài Gòn nóng bức ba mươi lăm độ tám (theo lời cô xướng ngôn viên tin tức khí tượng) mà thoát dùm mình một cái biến đến Đà Lạt, khí hậu còn có mười bảy độ rưỡi, thế có sướng không !

« À ra mình đã chết », anh Hiệp tự bảo.

Trong mùng, một « anh Hiệp » nằm ngay. Mấy con anh đã dậy, trong nhà tắm xối nước ào ào. Bà nội trợ anh từ tầng dưới lên lầu, đến bên mùng anh, chống nạnh hai quai, ong ồng nói :

« Bây giờ là mấy giờ rồi còn nằm đó mà ngủ ? Làm biếng quen thân, nên sanh mấy đứa con chúng nó giống hệt. Thật là dòng nào giống nấy ! »

Bà bước lại vén mùng nói lớn :

- Sao hứa hẹn bữa nay đi thăm vợ chồng anh Khiêm mà không dậy ăn uống rồi đi ?

Bà nắm vai Hiệp lúc lắc, xô một cái mạnh rồi bất thành linh bà la lên :

- Ôi, trời ơi, ba bảy sao vậy nè, bảy ơi. Ai biểu ăn cho cố, đứt gân máu, đáng cái đời !

Bà lết lại ngồi trên chiếc ghế, mặt mày tái xanh, tay chơn run rẩy. Mấy đứa con áp lại rờ anh Hiệp, « thấy » anh lạnh tanh, òa lên khóc.

Thường ngày, con San, con Bằng, nhiều khi anh hỏi điều chi, hai đứa nó không buồn đáp, còn bà vợ anh làm tình làm tội anh đủ điều. Mà bây giờ mấy người ấy lại khóc trước cái xác anh, anh hoài nghi quá ! Có lẽ họ tiếc anh như tiếc một con chó già, hay cây xoài cây mít trước sân, đã đến lúc rụi tàn, chớ có gì đâu !

- Đánh dây thép cho con hai, thằng ba, con năm nó hay.

Vợ anh bảo.

Bà tiếp :

- Ôi, mà đánh thì đánh vậy cho tốn tiền chớ chắc gì chúng nó về kịp.

Con San đề nghị :

- Đánh điện cho chị năm thôi má, chị hai với anh ba, để chôn ba rồi cho hay sau cũng được.

Bác sĩ đến khám xác thân, mặt ông ngơ ngác thấy buồn cười. Ông không biết Hiệp đau bệnh gì mà chết, cuối cùng, ông quả quyết là « Hiệp trúng gió » (?)

Thi hành thể thức thường lệ, thân nhân khiêng Hiệp xuống lầu, để nằm ngay ngắn trên chiếc ghế bố, phủ mình bằng tấm « ra » trắng tinh, đắp mặt bằng chiếc khăn đỏ, chong đèn cầy trên đầu dưới chơn, dãn một nải chuối sứ trên cái bụng ồm nhom của Hiệp. Một đứa trẻ được cắt đặt ngồi coi chừng con linh miêu ...

Hiệp dường như bức bối, hất cái khăn đắp mặt rơi xuống sàn, quạt mấy ngọn đèn tắt hết.

Vợ Hiệp kinh hồn vái :

« Mình sống khôn thác thiêng, xin đừng nhác vợ con tội nghiệp ».

Hiệp bật cười : « Sanh tiền, họ cho mình cù lần, cù lự, ngu như con bò, mà nay họ tặng mình ‘Sống khôn, thác thiêng’ vinh dự vậy thay ! »

Thân bằng quyền thuộc đến thăm, mang cái bộ mặt làm tuần lấy lệ. Ai cũng hỏi :

- Đau gì ?

- Đau bao lâu ?

Rồi họ đua nhau lập giả thuyết. Kẻ thì cho đau tim, người thì cãi là đứt gân máu vì bệnh « huyết áp cao », tục gọi là « dư máu ».

- Người ta ăn chay trường mà dư máu nổi gì !

- Sao lại không được ? Cũng có nhiều nhà sư bị bệnh « dư máu » như thường, bác sĩ Nguơn hôm nọ có nói.

... Cốc, cốc, cốc, boon ; beng beng ...

Hai thầy đám tụng kinh hê hà, lâu lâu thầy đứng bên tả gục một cái, thầy giựt mình, tụng lia : « nam mô bàn đà sa mế, tác bà a tha đậu du bằng...

Thầy bên hữu tụng tiếp :

« ... a thệ dựng tác bà tác đa ... » mà trong trí thầy tự hỏi rồi đây, chủ gia sẽ « công đức » cho mình mấy trăm, mặc tình ăn nhậu.

Anh Hiệp bức tức, cần nhằn gia đình có tụng kinh siêu độ được thì tụng, không thì thôi, rước thầy đám thầy cúng làm gì, đã tốn tiền lại chướng tai, gai mắt, làm hoen ố Đạo Phật.

Còn mấy ông thầy nhang bông này, muốn ngủ ta cho ngủ.

Thầy tả « lạy » qua, thầy hữu « lạy » lại, hai thầy đắc-co đẹp chuông, cất mõ, xếp kinh, leo lên ván nằm chèo queo ngáy khò khò.

Chủ gia chán ngán, khách phún điệu khúc khích cười. Chị Hiệp thức tỉnh hai thầy dậy, khăn gói ra về.

Tràng hoa cườm, tràng hoa tươi ùn ùn kéo tới, mang những giòong chữ đượm màu thống thiết :

*Thành thật tiếc thương
Vãng sanh Tịnh độ.*

Không khí nóng nực, anh Hiệp muốn đi khỏi nơi này mà không biết đi đâu, và cũng muốn chứng kiến « cái đám ma của mình » ra sao. Chưa chi mà đã có sự bất hòa giữa bên mình và bên vợ, về chuyện vấp dưới ba tác đất mảnh hình hài mà người đời gọi là « tên Hiệp » ; bên thì muốn chôn Hiệp trong đất nhà ở Long An, bên lại đòi táng cũng trong đất nhà ở Gia Định.

Sau cùng, cả hai bên đồng ý là cho cái của tội đó nằm bấy đâu đó phút cho rồi.

Nhiều bạn công chức của Hiệp đến tiễn biệt anh, kẻ thật có cảm tình thì ít mà đa số các ông các bà đến là để trả mỗi nợ tang tế quan hôn.

Anh Cát buồn không muốn chuyện vãn cùng ai, ôn lại trong trí thuở kết bạn với Hiệp năm 1946 ở Vĩnh Bình, hai mươi mấy năm nay Cát với Hiệp thật là tâm đầu ý hiệp, tưởng là còn gặp mặt nhau nơi kho hữu bổng vài mươi lần nữa, nào dè ...

Anh Cát thở ra.

Hiệp đến gần anh an ủi, song Cát dường như không thấy không nghe, lơ đãng nhìn đoàn họ đạo làm phận sự.

Anh Thành cái miệng tía lia, trao đổi ý kiến với ông Toại : « Anh Hiệp sanh tiền chỉ viết được năm ba cuốn sách tầm thường, chớ ảnh giúp việc Nhà Nước thì xoàng lắm, ăn lên trễ hơn ai hết, tội nghiệp ».

Bổng Hiệp nghe có tiếng thút thít : con út anh, thằng Mười khóc ; nó nghĩ phải chi ba nó được sống thêm ít năm nữa, chăm nom cho nó học xong ban Tú tài, có thể nó đi làm kiếm ăn được, nhưng cha nó chết, rồi đây thân phận nó sẽ ra sao ? Ở với chị thì ngại anh rể, ở với anh thì mắc phải cái nạn chị dâu, mẹ đã già làm gì có tiền mà nuôi nó, nó tủi thân nên khóc.

Anh Hiệp tự bảo : « Ba lo cho mấy con đã ba mươi mấy năm trời rồi, bây giờ ba an nghỉ cũng vừa chớ có sớm chi đâu ».

Song thằng Mười khóc mãi, anh đau lòng, thương nó quá, ước chi mình sống lại, rán hy sinh thêm cho con, cho nó bằng lòng...

... Ôi chao, tiếng kèn đâu nghe nhưc óc đinh tai như vậy !

Hiệp nằm nghiêng qua, ngó ra ngoài trời, trời sáng tỏ, tiếng kèn của bà hiền nội tướng the thé trỗi lên :

« Ngủ chết sao ngủ dữ vậy ? Bây giờ là mấy giờ biết hôn ? Làm biếng quen thân, sanh lữ con cũng làm biếng in khuôn, thật dòng nào giống nấy ! »

Anh Hiệp ngồi dậy thở dài, muốn chết phứt đi cho rảnh !

24) Mua nghĩa

Một gian nhà lá nhỏ ẩn núp bên hông chùa Vạn Thọ, dường thỉnh cầu một sự che chở thiêng liêng.

Trên giường tre, cụ già ho sù sụ.

Trông vào người cụ, ta có thể hình dung được một cái gì là thiếu thốn, là thất vọng, đau khổ !

Cái áo lá đen của cụ đứt ba bốn nút bày trợn bộ xương sườn.

Giọng khàn khàn, mệt nhọc, cụ hỏi :

- Sao con, con có nhận giúp việc chỗ đó không ?

Thanh niên đang ngồi trên chiếc ghế cây cũ kỹ, hai tay ôm đầu, bỗng ngẩng lên đáp nhỏ nhỏ :

- Thưa ba, vẫn biết cha con ta đang hỏi cùng quẩn, thì địa vị nào cũng không nên chê, song bọn tặc tử ấy đã đốt nhà ta, làm cho ta tiêu tan sự nghiệp, má con chết vì rầu, bây giờ họ mời con làm thông ngôn trong quân đội họ, mỗi tháng họ thí cho vài ngàn đồng, con nghĩ tui nhục quá !

« Lẽ ra thì con phải gia nhập hàng ngũ kháng chiến mà tiêu diệt họ cho hả lòng căm tức của con, song mấy ông đầu sỏ của phe này cũng không tốt lành chi đó, chánh sách tiêu thổ chỉ làm cho dân đói dân nghèo và chủ trương giai cấp đấu tranh khiến đồng bào ta tàn sát lẫn nhau, biến nhơn gian thành địa ngục.

« Trong hoàn cảnh ấy, con không thể ngã theo phe nào nên chưa biết tính sao cho tiện.

Một tràng ho của ông cụ già, ông cả An, như bút ruột, như xé gan cậu Phận.

- Ba nằm xuống nghỉ ba, con ra ngoài này một chút.

Giây phút, Phận trở vô, tay bưng tô trà Huế, tay bưng đĩa cơm, năn nỉ cha ăn.

Ông An rán ăn vài muỗng rồi nhượng cho con.

Để ý thấy trên bàn tay trái của con, vắng chiếc nhẫn vàng kỷ niệm của bà vợ lưu lại cho con, ông day mặt vô tấm vách tre giấu hai hàng nước mắt.

Ngày mai.

Ngày mai sẽ thế nào ?

Hôm nay người giao nhân,

Mai ắt là tạo quả.

Trong bầu không khí nặng nề buồn tẻ ấy bỗng có tiếng nói chuyện lảo xào ngoài trước.

- Nhà nào ?

- Nhà đó ; mái lá cửa tre đó. Vô đi !

Một người đàn ông mặc bộ đồ hàng đen, xách cây dù trắng, bịt chiếc khăn rằn, đứng trước cửa ông An mà gõ vào, trong lúc, cách đó vài căn, tiếng đàn bà nheo nhóc bảo :

- Phải nhà đó mà, vô đi, không làm đâu.

Ngưng suy nghĩ, Phận trông ra, tự hỏi : ông khách này xem đường có quen, ai đây kìa ?

Phận vụt đứng dậy :

- Xin lỗi, phải chú năm Túc đây không ?

Khách cười đưa hàm răng hô :

- Dạ tôi, còn cậu hai đây hả ? Trời ơi, sao bây giờ cậu ốm mà đen dữ vậy ?

- Thì tản cư hơn một năm nơi sơn cùng thủy tận, mới lại được về Sài Gòn đây, không ốm không đen sao được !

Nghe nói chuyện, ông An đang lim dim ngủ, ngồi dậy nheo mắt hỏi :

- Phải thằng năm đó hôn ?

- Dạ cháu đây, bác cả/

Chú năm Túc vừa đáp vừa ngồi xề trên giường tre, ngó khắp nhà và nói :

- Dữ ác, cháu đi kiếm bác với cậu hai trọn ba bốn tuần, bác coi đôi guốc cháu lê khắp châu thành Sài Gòn, mòn lép xẹp đây.

Hồn nhiên, chú cười ngất.

- Thằng năm kiếm bác làm chi ? Ông An hỏi.

- Dạ cháu đem tiền lúa lên cho bác.

Ông An ngạc nhiên :

- Tiền lúa gì ?

Năm Túc lại cười :

- Tiền lúa ruộng của bác chớ tiền lúa gì ? Đây, để cháu cắt nghĩa bác với cậu hai nghe.

« Bác nhớ đây ruộng ba chục mẫu của bác gần nhà cháu hôn, cháu làm bảy mẫu, còn kỳ dư tá điền khác làm.

« Năm 1945, thừa dịp Việt Minh nắm chính quyền, họ không đong cho bác hạt nào hết.

« Năm bốn sáu, Tây đốt nhà bác, bác gái buồn rầu mà chết, bác với cậu hai tản cư, cháu không biết bác đi đâu. Họ chia ruộng của bác họ làm, kẻ một, người hai mẫu, ủng hộ, đóng thuế một phần còn lúa ruộng thì hưởng hết.

« Bốn bảy, Tây đóng đồn đóng bót khắp nơi, cháu mạo nhận là được bác ủy quyền, cháu thâu của họ mỗi mẫu trung bình 20 gia, hăm mấy mẫu được 400 gia, bán 4.000\$ một thiên, được 16.000 đồng.

« Năm 1948, mùa hơi thất, cháu thâu có 300 gia, bán 12.000 đồng, cộng với số trên vị chi là 28.000. Về phần cháu, bảy mẫu cũng tính mỗi mẫu 20 gia, hai năm thì 280 gia, bán được 11.200 đồng, tổng cộng 39.200\$

Mới đây, cháu nghe anh ba Lễ đi Sài Gòn, về nói có gặp một người giống hệt cậu hai, không biết phải hay không, mà anh không nói rõ người ấy ở đâu, làm gì. Cháu đánh liều lên đây kiểm khắp Sài Gòn, Chợ Lớn, rảo hết vùng biệt thự đến vùng phố tầm thường, sau cùng lặn lội vô mấy xóm lao động. Tới đâu, cháu cũng hỏi tên cậu hai và tả hình trạng cậu.

« May quá, trưa nay, cháu vô xóm này, gặp chị đàn bà biết cậu chi vô đây, thật là Trời Phật độ.

Năm Túc ngừng, vắn thuốc hút một hơi, gạt tàn thuốc, dỡ cái áo hàng, bày áo lá trắng mặc trong, mở cây kim ghim túi lấy ra một xấp giấy bạc, để trên giường trước mặt ông cả, đứng dậy chấp tay thưa rằng :

- Thưa bác, vì lên thành phố mệnh mông này mà không quen biết ai, và cháu không rõ có sớm tìm đặng bác và cậu hai hay không, nên cháu không dám để tiền trong mình nhiều, cháu chỉ đem theo có cái lẻ là chín ngàn hai.

« Cháu gặp được bác và cậu hai cháu mừng quá, xin bác cất số tiền. Sau cháu xin rước bác với cậu hai về dưới chơi, chỗ cháu ở đã yên ổn rồi, và nhận luôn số bạc ba chục ngàn kia ; khi đi cháu cất chỗ kín đáo.

Năm Túc đắc ý cười.

Thật là khi không mà ông Thần Tài tới gõ cửa, đúng vào lúc túng cùng, ai lại không mừng rỡ.

Ông cả ghen ngào giây lâu mới nói :

- Cháu tử tế quá, bác làm sao đền ơn cho cháu đặng.

Năm Túc kêu lên :

- Thưa bác, bác là đại ân nhân của cháu, bây giờ cháu giúp lại bác chút đỉnh có thấm tháp gì với ơn nặng của bác đâu !

Ông cả lấy làm ả :

- Coi kìa, bác có thi ân cho cháu hồi nào đâu mà cháu nói lạ vậy ?

Chú năm cười tích toát :

- Bác với cậu hai chắc quên rồi. Từ năm 1935 đến 1939, liên tiếp bốn năm, cháu xui xẻo làm sao, mùa nào cháu cũng thất, cháu thiếu bác mấy trăm gia, vợ cháu đau, con cháu chết, trâu bò bị toi, cháu nợ bác ập lăm, không biết mấy trăm đồng.

« Mà không bao giờ bác đòi hỏi cháu. Cháu e ngại quá, nguyện khi nào cháu khá, cháu cũng hoàn cho bác đủ vốn đủ lời.

« Kịp đến năm ba mươi chín, cậu hai ở bên Pháp về, cháu nhớ rành mạch một buổi sớm mai, cậu vô thăm vợ chồng cháu, hỏi gia đạo cháu, cháu cầm cậu ở lại ăn bữa cơm trưa, nhà cháu làm thịt con gà mái tơ đãi cậu.

« Chừng ra về, cậu móc túi lấy xấp giấy nợ của cháu, cậu bật hộp quẹt máy cậu đốt, cháu giựt lại không kịp.

« Cậu về rồi, vợ chồng cháu khóc...

Cảm động, chú năm ngừng một giây, rồi nói tiếp :

- Hôm nay, cháu mới có dịp đền đáp ơn hai bác với cậu hai trong muôn một.

« Thọ ân mạc vong », nếu vợ chồng cháu tám khi nào vượt mặt khi này thì chúng cháu còn thua loài cầm thú hay sao ?

Ông cả ngồi xít lại gần, nắm lấy tay năm Túc mà nói :

- Sự thật là cháu với mấy tá điền thiếu bác bao nhiêu bác không nhớ, mà thằng hai nó hủy giấy nợ cho cháu hồi nào bác cũng không hay.

« Dầu sao, trong lúc bác suy vì mà cháu còn tưởng nhờ đến bác thật là quý hóa. « Nhà nghèo mới biết con thảo, nước loạn mới rõ tôi ngay », lâm nguy mới hân tình bằng hữu.

- Cháu lại xin mạn phép nhắc bác với cậu hai một chuyện : bác với cậu hai còn nhớ tích Phùng Huyền « mua nghĩa » cho Mạnh Thường Quân nơi ấp Tiêt chăng ?

Cả ba đều cười.

25) Lại tấm giấy số

- Thầy ba, má tôi biểu tôi thưa với thầy chiều nay ba má tôi về Phú Lâm giỗ ngoại tôi nên không nấu cơm.

Nghe bé Hai nói, Minh mỉm cười, tự nhủ :

- Thôi, chiều nay uống nước lã rồi ngủ vậy. Nước trong rửa ruột khoẻ khoắn chứ có sao !

Quyển sách trên bàn hình như bảo Minh :

- Anh dở sách ra xem, anh, xem vài trang sách thì giải được cơn sầu.

Gió lùa qua cửa sổ, tờ báo như ngoắc Minh :

- Xem thời sự đây thầy, hôm nay có nhiều tin đặc biệt.

Trên nền trời xanh, chòm mây bạc nhẹ nhàng trôi, cây cối ngã nghiêng theo chiều gió.

Cảnh đẹp thay !

Ngồi trong nhà làm chi cho nóng nực ?

Minh chầm rãi ra khỏi nhà, thông thả vào Thảo cầm viên, ra bờ sông, lựa một cái băng sạch ngồi xem thuyền lai vãng.

Năm giờ, năm giờ rưỡi ...

Bụng đã bắt đầu kêu đói, mà túi thì rỗng không.

Minh muốn đứng dậy đi về, nhưng về làm chi vội !

Phúc chốc, một người ăn mặc ra dáng thợ thuyền đi đến ngồi cạnh Minh.

Anh ấy dòm trời ngó nước một hồi rồi nói chuyện mưa nắng mà làm quen.

Sau khi trao đổi năm ba câu thường lệ bầy tỏ tính danh thì ra hai người là bạn đồng hội đồng thuyền : cả hai đều thất nghiệp như nhau.

Minh trước là thợ ký công nhứt hăng C. đau ban ba tháng, uống thuốc hết tiền, bệnh vừa khá thì mất chỗ làm.

Mẫn, anh thợ máy ở ga-ra nọ, bị sa thải mới hồi chiều này, chỉ vì anh can đảm bình vực một bạn đồng nghiệp bị chủ xưởng nghe lời cai thợ mà đuổi oan.

Một lát, Mẫn móc túi lấy ra nửa ổ bánh mì, bẻ ăn.

Minh toan đứng dậy đi, song có một mảnh lực gì ghì anh xuống đó.

Mẫn lấy dao cắt một khúc bánh trao tận tay Minh :

- Xin lỗi, mời anh tạm dùng miếng bánh với tôi cho vui.

Giọng anh thành thật, mặt mày vui vẻ làm cho Minh không thể chối từ.

Trời lâm tẩm mưa. Khách nhàn du lần lượt ra về.

Khỉ hú, chim kêu.

Mẫn cho địa chỉ mình rồi kiếu từ Minh về trước.

Chập sau, Minh cũng đứng dậy, thoát thấy dưới chỗ Mẫn ngồi hời nãy một miếng giấy nhỏ xếp làm tư, màu sắc xanh đỏ.

Minh lượm lên xem : một tấm giấy số Kiến thiết Quốc gia.

Tấm giấy số nầy chắc của Mẫn đánh rơi chớ chẳng phải của ai đâu lạ, khi anh móc túi lấy bánh ra ăn.

Minh tự bảo :

- Để mai mình sẽ tìm anh Mẫn mà trả lại. Nhưng ... chắc gì anh trúng ! Mà dầu trúng hay trật gì mình cũng phải trả, chớ giữ sao cho phải.

Minh nhớ lại hôm nay là ngày thứ ba. À, mà giờ nầy, sáu giờ, tại rạp Thống Nhất, cuộc xổ số Kiến thiết đã kết liễu.

- Hay là mình lại đó xem ? Mà thôi, đi xa chi cho mệt, ngày mai sẽ biết, muộn gì ! Vái trời anh Mẫn trúng số cái chơi. Tội nghiệp, người vui vẻ tử tế, năm con, thật nặng gánh gia đình !

Sáng thứ tư.

Anh Lê, bạn của Minh cho Minh ở đậu bấy lâu, xem báo xong, bảo :

- Đây, kết quả cuộc xổ số Kiến thiết đây. Anh có mua số không ? Dem ra dò thử, may trúng đỡ nghèo.

Minh mở tờ báo xem qua, bỗng mặt tái, tay run ...

Minh vội lấy một mảnh giấy viết ít hàng chữ, xin Lê một cái bao thư có dán cò, rồi vội vã lấy nón ra đi, làm cho Lê sửng sốt, hỏi Minh đi đâu, Minh cười không đáp.

- Đi có bớt đi mình. Vợ Mẫn bảo.

Mẫn cười lạt :

- Có làm gì ? Tôi không có viết tên ký tên mình trên tấm giấy số, hoặc làm dấu chi chứng rằng tấm giấy ấy của mình, thì có bớt làm gì, ai mà tin, không khéo họ lại còn cho mình tham, thừa bậy.

Thì ra tấm giấy số 678.543 của Mẫn, Thần tài cho trúng một trăm ngàn đồng.

- Mà mình biết nhà ông Minh nào đó hay không ? Vợ Mẫn lại hỏi.

- Cũng không. Vả lại, chắc gì anh Minh đã lượm được hay là người khác.

Vợ Mẫn kêu trời.

Mẫn khuyên lớn :

- Thôi số mình nghèo phải chịu, đừng oán trời trách người làm chi. Trời cho ai nấy hưởng. Nếu tấm giấy số còn nằm trong túi mình, chưa chắc đã trúng được hai trăm !

Mẫn cười xòa. Vợ phát lên vai anh :

- Trời, mất một số tiền to tác như thế mà còn cười được ! Anh thật là một nhà hiền triết !

Hôm sau.

Vợ chồng Mẫn ngồi uống trà, nói chuyện đầu đầu.

Anh phát thơ đến trước ửa, dựng chiếc xe đạp, dòm vô nhà thấy Mẫn hỏi rằng :

- Ông có phải ông Mẫn không ? Xin lãnh cái thơ bảo đảm đây.

Mẫn ký tên vô sổ, lãnh thơ, bóc ra kêu lớn :

- Minh ơi, tấm giấy số đây nè ! Tấm giấy số 678.543.

- Đâu ? Chị Mẫn chạy lại giựt xem.

- Phải rồi. Còn thơ ai gởi đây ?

Mẫn đọc bức thơ kèm theo tấm giấy số :

« Anh Mẫn,

« Tấm giấy số của anh làm rơi, tôi lượm được, xin gởi hoàn lại anh và cầu chúc anh chị cùng mấy cháu nhiều hạnh phúc ».

Thân ái,

Minh.

Vợ chồng Mẫn nhìn nhau, không ai thốt một lời, hai tâm hồn chất phát ấy quá ngạc nhiên và cảm động trước cử chỉ của Minh.

26) Hộ đổi môn đương

Mỗi buổi sớm mai, những ngày trời quang đặng cũng như bữa mưa dầm, Dung, ái nữ ông Dân biểu Nguyễn Đại Dương, một triệu phú ở Sài Thành, để ý một thanh niên dáng dấp khỏe mạnh, ăn mặc sinh viên, gánh một gánh trái cây nặng trĩu đi ngang qua cửa, nhà mình.

Và khi thanh niên len lén ngó vào nhà, bắt gặp cái nhìn của thiếu nữ, là anh chàng bối rối, hoặc cúi đầu, hoặc giả vờ ngó dáy nơi khác, thái độ con đả điều lủi đầu xuống cát, tưởng làm như thế là người hay thú không thấy được mình !

Nhờ một vài bạn dò hỏi, Dung biết đặng thanh niên tên Trần Hữu Hạnh, đồng em, từng đại học Sư phạm, mỗi ngày, trước khi đến học đường, gánh trái cây giúp mẹ hiền nhập thị.

Dung ngạc nhiên, thời buổi nguyên tử nầy mà còn có chuyện trò khó gánh trái cây thay mẹ thì cũng tạm gọi là hiếm có.

Nhưng kìa, độ nào báo đặng tin một sinh viên văn khoa ngày ngày đạp xích lô lấy tiền ăn học, và một sinh viên được khoa đệ tứ niên chờ xích lô máy một nữ sinh cũng học được mà lớp đệ tam !

Lại người ta thuật rằng mấy mươi năm về trước, ở Hà thành, một anh bán phở thi đỗ Đốc công (Lục bộ).

Thế thì cái gương bần sĩ kiêu « Trò Đông » « Trần Minh khó chuỗi » thuở xa xưa, trong cảnh bần hàn thi đỗ Trạng nguyên, cũng không có chi ly kỳ trong thế kỷ hai mươi mà văn minh cơ khí tranh nhau lên viếng Hằng nga.

Nhưng mà, trong con người của Hạnh, có một cái gì hấp dẫn Dung như nam châm hút sắt, như điện âm điện dương tìm nhau, và mặc dầu không sàm sỡ như cô Kiều, nửa đêm vượt tường lễ giáo qua viếng chàng Kim, Dung cũng thỉnh thoảng tứ lui, tiếng là mua trái cây tươi kính dâng cha mẹ, song thật sự là :

*Giả đồ mua khế bánh chanh,
Giả đi đòi nợ thăm anh kéo buồn !*

Hạnh chọn hộ Dung những trái cây to chín đẹp, và thiếu nữ đến đáp bằng món tiền khá hậu.

Những cuộc tình duyên trắng trong cao thượng, bao nhiêu ngòi bút điêu luyện Đông Tây hoặc đã đơn sơ phác họa, hoặc tỉ mỉ phân tách ái tình, tài hèn nầy không đủ khả năng tả hay hơn nữa, chỉ biết nói rằng Dung Hạnh dùng lời chơn chánh chuyện vãn cùng nhau, Dung biếu Hạnh hộp khăn tay, cây bút máy, Hạnh tặng Dung bức họa nam nữ thanh niên tay cầm tay, song song đôi mắt, do nét bút thần tình của Hạnh họa nN.

Mỗi tình thâm kín ấy không thoát khỏi sự dò xét tinh tường của từ mẫu Hạnh.

Một hôm, mẹ bảo con rằng :

« Hạnh, con, má thấy con với cô Dung trao đổi cảm tình tế nhị với nhau, má muốn biết con toan kết nhân tình nhân ngãi tạm thời, hay là con tính chuyện lâu dài cùng thiếu nữ.

« Trường hợp thứ nhất, mà tin rằng con ở trong một gia đình lễ giáo từ mấy ngàn xưa, thấm nhuần đạo đức Khổng Mạnh, không vì một phút dục lạc nhứt thời mà lưu hận ngàn thu, người người biếm nhẽ.

« Má chắc rằng con không hành động xâm phạm mỹ tục thuần phong như vậy.

« Còn như con tính chuyện trăm năm với Dung, thử hỏi con có mấy may hy vọng ? Hay là hy vọng biến thành thất vọng mà để khổ cho con ?

« Con biết gia đình ông Dân biểu Đại Dương không ? Nếu con không biết, má biết. Ông là một triệu phú gia tiếng tăm như cồn, thế lực mạnh. Dung là nữ sinh đại học Luật khoa, đẹp đẽ, giàu có. Dĩ nhiên người rể tương lai của gia đình họ Nguyễn phải là một bác sĩ, kỹ sư, giáo sư đại học.

« Và gia đình ấy cả ông lẫn bà, thậm chí nội thân ngoại thích, đồng một quan niệm như nhau, trong cuộc hôn nhân phải môn đương hộ đối.

« Xét lại má với con, mẹ con ta có một điều kiện nhỏ nhoi nào khả dĩ giúp con chánh thức thành hôn với Dung, ái nữ ông Dân biểu triệu phú Nguyễn Đại Dương hay chăng ?

« Ái tình, con với Dung chỉ có ái tình !

« Mà ái tình đủ mãnh lực chiến thắng địa vị, tiền tài, môn đương hộ đối hay không ?

27) Còn đâu hy vọng

- Má đã nói với con rằng cuộc hôn nhân giữa con và cậu Bạch không thể nào thành tựu được. Con thử nghĩ, phụ thân của Bạch vì tranh giành quyền lợi mà đang tâm đầu độc cha con, mẹ vì không đủ bằng cứ nên không tố cáo tên sát nhân ấy nơi tòa án đại hình.

« Và mặc dầu tội cha làm, con cái không gánh chịu, con không trả thù cha nơi bản thân cậu Bạch thì có lý nào con lấy nó làm chồng được chứ ; Dư luận sẽ mỉa mai, mà lương tâm cũng cắn rứt !

Mấy lời đanh thép, mấy hàng lệ thấm của người hiền mẫu năm xưa làm cho Liên gạt lệ từ chối ái tình của Bạch, cách nay thấm thoát đã mười năm.

Rồi Bạch xuất dương du học.

Còn Liên đỗ Tú tài, học được khoa, hiện thời nghiêm nhiên là một được sĩ tài sắc đức hạnh vẹn toàn. Thiếu chi thanh niên hạng trung lưu, kỹ sư, bác sĩ, muốn được cùng nàng xe tơ kết tóc, song hình ảnh chàng Lê Thanh Bạch nằm mãi trong lòng nàng, muốn quên dễ gì quên được, muốn oán giận mà thù hận đành nhường bước trước ái tình.

Cách nay bốn năm, mẫu thân nàng vĩnh biệt cõi đời vì một cơn bạo bệnh.

Một hôm, Liên đến thăm cô ruột.

Nhân bàn đến việc thất gia, Liên tỏ bày tâm sự.

Bà cô buồn nói :

- Má cháu lắm, hóa ra lỡ dở duyên con. Cô là em ba cháu, anh cô chết, cô không xót tình máu mủ hay sao, nhưng hai ba bác sĩ khám nghiệm thi hài cha cháu, về nhà ngã chết sau khi dự tiệc nơi nhà ông thầu khoán Mạnh, thân phụ cậu họ Lê, không nhận thấy dấu vết gì chứng rằng cha cháu bị đầu độc, chỉ vì uống rượu mạnh quá nhiều nên ngộ gió mà chết đó thôi.

Mảnh than hồng bấy lâu vùi dưới đồng tro, tưởng sẽ nguội dần rồi tắt hẳn, nào ngờ một ngọn gió xuân mát mẻ quạt bay lớp tro tàn, làm cho than hồng đỏ rực, ngọn lửa tình bốc lên, cháy lên mãnh liệt.

Liên hy vọng lại : thế thì còn chi ngăn cản cuộc hôn nhân giữa Liên với người mà mười năm nay mình ấp ủ tình thương ?

Song le, nhiều vấn đề tâm lý tri kéo nhau, xâu xé nhau trong tâm tư nàng trinh nữ đã hăm bảy cái xuân xanh ! trong thời gian qua, Liên không liên lạc bằng thơ từ với Bạch, biết anh chàng còn nhớ tưởng đến mình chăng, hay là đã cùng ai khác vui nghĩa phu thê, trẻ thơ đã đùm đê, tay bông, tay đất ?

Trong hoàn cảnh ấy, mình sẽ có thái độ nào ?

- Còn làm sao nữa ? Chỉ có khóc mà thôi ! Chớ niều kéo bắt thường ai, vô lý !

Nhưng mà không. Mới đây, chị Hồng, không rõ chị bắt « tuy-dô » ở đâu mà hay tin còn một tuần nhứt nữa, ngày mười ba tháng sáu, ngày thứ sáu trong tuần, đúng mười giờ mai, chiếc Boeing 707

của Công ty Pháp quốc Hàng không sẽ đáp xuống phi trường Tân sơn nhứt trả cho đất nước Việt Nam một sinh viên ưu tú Lê Thanh Bạch và một điều quan trọng khác là *sinh viên Lê Thanh Bạch về một mình !*

Trên đôi môi tươi thắm của dược sĩ Liên, sung sướng nở một nụ cười ...

Nhưng, trong cuộc đời, biết bao nhiêu là việc éo le mà mấy ai đoán trước.

Trên chiếc phi cơ xuyên lục địa, bay êm như ru, không khí mát lạnh, đêm mười hai tháng sáu, đôi thanh niên nam nữ ngồi gần, hai mái đầu xanh kề sát vào nhau, tay cầm tay, thủ thỉ những lời âu yếm, ấy là nữ Bác sĩ Nguyễn Kiều Oanh và bác vật Lê Thanh Bạch.

Định mạng trời khiến cho cả hai người, sau khi chiếm bằng bác sĩ y khoa và tốt nghiệp đại học bách khoa (Polytechnique), lại cùng đáp một chuyến máy bay mà về Việt Nam, lại choán hai chiếc ghế kề bên nhau.

*Lạ chi thanh khí lễ hằng,
Một dây một buộc, ai dằng cho ra.*

Bác vật thanh niên và bác sĩ trẻ tuổi trong cảnh thanh vắng đêm trường, đã hứa hẹn cùng nhau kết thành giai ngẫu, chẳng thấy trở ngại điều chi, vì cả hai đều là son trẻ.

Phi cơ bay một vòng đáp xuống, thân nhân đến đón thật đông, giờ phút thiêng liêng vui vẻ.

Kìa, Lê Thanh Bạch xuống thang, từ phi cơ đi vào, hai tay hai xách, một thiếu nữ yêu kiều đi sát một bên, cả hai nói cười thân thiết.

Và khi Bạch giới thiệu cùng song thân bác sĩ Nguyễn Kiều Oanh, vị hôn thê của chàng, còn nữ bác sĩ thì trình vị hôn phu với thân nhơn, một thiếu nữ khác, duyên dáng chẳng kém Kiều Oanh, bỗng cảm thấy như trời nghiêng đất lở, cố gắng bước lại vách tường, dựa lưng vào vách, cầm chiếc khăn hồng, chiếc khăn của Bạch tặng nàng năm xưa, chặm đôi mắt phụng hoen nhòa lệ thắm ...

Và nếu cô bạn Hồng chẳng dìu nàng ra xe thì chẳng biết Liên còn đứng đó đến bao giờ !

Ôi, con số 13, ngày thứ sáu, may mắn cho ai kia mà cũng xui rủi cho ai đây !

28) Ông già điên

Vùng Đa kao, Tân Định, thỉnh thoảng người ta thấy một ông già sắc mặt thản nhiên, bạc phơ râu tóc, áo sơ mi trắng cũ xì, quần tây đen mốc thối, chống cây gậy trúc, chậm chậm nặng nề dạo chơi mấy con đường vắng vẻ, thừa bóng xe, người.

Đi chán lại vào chùa nhờ bữa cơm rau, cúng năm ba chục bạc.

Vài người quen gặp ông, chào, ông mỉm cười đáp lễ.

Họ thì thăm bảo nhau : « Ông ấy từng làm quận trưởng, giám đốc, nay đã về hưu, hết thời, thất vận ».

Phải, ông ấy, ông Bảy, đã bảy mươi tuổi đầu, toàn thân ông là một chữ « Hết » ; Hết địa vị, hết bạc tiền, sức lực yếu đuối ; thậm chí vài ba tập sách, ông nạo óc viết ra, trao cho nhà xuất bản, họ khen rằng « hay thì thật là hay »... Song, cho chúng nó chào đời thì, sự ấy còn lâu !

Ông Bảy viết chữ « Sầu » trên cát, lắc đầu xách gậy bước đi.

Lũ trẻ chạy theo, reo cười : « Ông già điên ! Ông già điên ! Ăn cắp chuối chiên, đem về cúng tổ ».

Ông già cây gậy lên, lũ tiểu yêu vỗ tay chế giễu. Vài đứa tinh nghịch lượm sỏi nhỏ, chọi ông, vào lưng, vào cẳng. Ông bước mau vô ngõ hẻm, quanh quẩn một hồi, mưa tuôn xối xả, ông đứng dưới mái hiên căn phố nọ mà đợi mưa.

Bỗng cửa sập mở, một bé gái ló đầu thoáng ngó ông rồi khép cửa lại. Kế một người đàn ông, tuổi khoảng ba mươi, mở rộng cửa bước ra, mời ông vô nhà.

Ông ngần ngại một giây rồi theo chơn chủ nhân đi vào, ngồi trên ghế gỗ.

Chủ khách trao đổi năm ba câu chuyện, được biết tình trạng của nhau :

- Ông Bảy là một cựu công chức hành chánh, một đời tận tụy cùng chức nghiệp, chẳng biết tham những là gì ; đôi ba năm, cao hứng viết một vài quyển sách, bản thân xuất bản, lấy chút đỉnh tiền lời nuôi con theo đuổi sách đèn. May thay, sắp trẻ cũng được thành danh, những tưởng tuổi đã về chiều, mình sẽ hưởng cảnh « an bần lạc đạo », nào dè, từ xã hội đến gia đình, chúng sanh điên cuồng đầy dục vọng, vì tham, sân, si mà luống gậy phiền não cho nhau.

« Lão lai tài tận », vả lại bản tánh không được cái tham lam, ông Bảy không còn làm ra tiền ; mà thời buổi vật giá leo thang này, không làm ra tiền là một cái tội bất khả tha thứ !

Và vợ con đổ trút lòng căm phẫn lên cái đầu bạc của ông. Họ so sánh ông cùng ông Nguyễn, cũng công chức hồi hưu mà nay đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Ngân hàng, lương bổng ngon lành mỗi tháng mười vạn bạc.

Nọ ông Mai, hữu tài đắc dụng. Chánh phủ giao cho trọng trách, quan yêu dân chuộng, sung sướng nhứt đời.

Vì sự so sánh thực tế song vô lý ấy mà vợ con ông xem ông như một kẻ nghịch thù, một cây đinh đóng mắt, khinh khi ra mặt, làm tình làm tội đủ điều, mỗi ngày thí cho một bữa cơm khô, lại cần răn, lại dằn lại ném, nhức óc bùng tai.

Thậm chí mấy đứa ở trong nhà, thấy bà chủ cô chủ có những thái độ hỗn xược đối với ông, mà nó cho là « không phải chủ nhà », chúng nó cũng bắt chước vô lễ, hỏi, chúng không buồn đáp, bảo làm chi, chúng tảng lờ làm việc khác. Chúng rầy nước lên đầu, lên lưng ông, chúng quét trên chơn ông, ông không dám rầy, vì nếu ông làm thế, chỉ rước lấy cái mắng nhiếc thậm tệ của bà chủ và mấy cô con mà thôi !

Chán nản, ông Bảy bỏ nhà ra đi.

Bây giờ, ông không có hy vọng gì khác hơn là chết trước cổng chùa, thể xác được vùi chôn An dưỡng địa, thần thức đêm đêm nghe tiếng chuông tiếng mõ nhà sư tụng niệm cầu siêu.

Đến phiên chủ gia thuật chuyện mình : chàng tên Ba, hàng xóm gọi là thầy Ba, xuất thân con nhà nghèo, cha mẹ mất sớm, nhờ chú dưỡng nuôi cho ăn đi học. Mười tám tuổi đỗ Tú tài, được hăng tư tuyển dụng làm thư ký. Hai mươi ba tuổi lập gia đình sống một năm tạm gọi là hạnh phúc.

Song rồi con ma nghèo nó bầu vịu vào thầy, con ma bệnh phụ họa theo, nó vày vò cái gia đình tiểu tư chức này, đầu tháng bóp phôi, cuối tháng phôi bóp.

Khổ nỗi, vợ Ba, hai bàn tay xinh đẹp chẳng biết làm gì, bán buôn, may vá, viết lách khả dĩ giúp đỡ bề tài chánh cho gia đình đã nghèo túng lại càng nghèo túng.

Khổ nỗi, thiếu phụ lại có chút nhan sắc dễ nhìn ; trước cái cảnh nợ chồng chất nợ, nàng nghe lời chị em bạn rủ ren, đêm đêm cùng nhau đi « bán ba, bán tía ».

Và cái nghề chiêu đãi viên hấp dẫn nó dắt dẫn dễ dàng đến cái cảnh nhân tình nhân nghĩa, kỹ nữ, gái bao.

Rồi một ngày kia, con chim mái lia tổ ấm, tung cánh bay theo tiếng gọi của nhục dục xa hoa, bỏ con chim trống bơ vơ, vào ra thúi thúi, kêu những tiếng thảm thương.

Ông Bảy gặp thầy Ba, cảnh ngộ tương đồng, cùng nhau tương đắc, một già một trẻ mến nhau vì đạo đức chân thành.

Những giờ thầy Ba trả nợ áo cơm, ông Bảy nơi nhà sắp đặt sách vở châu báu, viết văn, đôi khi đánh máy dùm văn kiện cho Ba và, buổi trời mát mẻ, ông cuốc đất trồng hoa.

Nhàn nhã, bác cháu cũng đánh một ván cờ.

Đổi lại, thỉnh thoảng Ba ghé tiệm mua mấy món đồ chay cho ông thưởng thức.

Hai bác cháu sống hạnh phúc êm đềm vài năm cho đến một ngày ông Bảy cảm thấy mệt mỏi, hồi hộp, trái tim đau nhói từng cơn.

Ông đoán biết Diêm vương đã gọi thiệp mời ông.

Ông ký phiếu ủy quyền cho Ba lãnh hết số tiền trong Trương mục tiết kiệm ông ra, căn dặn làm ma chay giản tiện, lại trao cho người bạn trẻ mấy chi phiếu của nhà xuất bản vừa thanh toán tác quyền cho ông.

Xong, ông mỉm cười, siết chặt tay Ba, linh hồn thoát khỏi tấm thân ô trược.

... Hay tin ông Bảy từ giã cuộc đời, vợ con ông theo Ba đến nhà, đem xác ông về lo việc ma chay trọng thể, nào chiếc quan tài huỳnh đăng mười tám người khiêng, nào mười hai vị đại đức luân phiên tụng niệm, nào nhà giăng hạng nhứt gồm có nhà giăng thầy, nhà giăng nhạc ... xây kim tỉnh, đám táng có nhạc Tây, nhạc Tàu, nhạc Việt, hò đưa linh cảm động !

Dĩ nhiên là mấy tổn phí to tác ấy được trang trải với số tiền hơn nửa triệu bạc, Ba lãnh trong ngân hàng ra giao hết cho người nhà ông Bảy...

Trước cái cảnh trên đây, nơi cõi vô hình, ông Bảy mỉm cười chua chát, ngao ngán cho thể thái nhân tình.

29) Ba ơi, Ba !

Hôm nay là ngày ba mươi dương lịch, ngày vui nhất của công nhân, ngày mỗi mắt trông chờ của con nợ và ... chủ nợ.

Từ năm giờ chiều, chị Lựu trông đứng trông ngồi, trông chồng là anh Lê đem lương về cho chị mua gạo, trang trải nợ nần và chạy thuốc cho bé Bưởi.

Thi sĩ Trần Tế Xương « thở ra » hai câu sau đây, thật thấu rõ gia đình chị Lựu :

*Van nợ lắm khi trào nước mắt,
Chạy ăn từng bữa toát mồ hôi !*

Tội nghiệp, thấy Cam không có một manh áo lành mà đi học, chị mua chịu đặng quán chú Thòn vài thước vải may cho con một bộ đồ đen, hẹn đến cuối tháng sẽ trả tiền.

Thế mà, chưa tới ngày hạn định, đã nhiều phen hết thím Thòn đến chú Thòn mang cái xác béo phệ đến nheo nhéo đòi nợ, mắng nhiếc đủ điều !

Lại còn nợ gạo ? Nước mắm ? Dầu lửa ?

Hôm ngày hai mươi, Cam nóng lạnh nằm vùi, uống của ông thầy Bảy ba thang thuốc, mà cũng chưa trả tiền.

Một gia đình năm miệng ăn, vợ chồng anh Lê, thằng Cam, con Quít, bé Bưởi, trông cậy vào hai cánh tay khỏe mạnh của anh Lê.

Kể trong hàng ngũ thợ thuyền, Lê cũng là một tay kiện tướng, và, nếu anh không có tật thì, dầu gia đình anh không dư giả chớ cũng được áo ấm no cơm.

Xin nói mau rằng anh Lê ghiền rượu, mà ghiền nặng !

Một thi sĩ trào phúng châm biếm mấy bọm Lưu linh :

*Một năm mười hai tháng,
Một tháng ba mươi ngày,
Hũ lớn hết, hũ nhỏ hết,
Say !*

Mà cái ghiền của anh Lê không có gì là trào phúng cả, trái lại rất tai hại cho vợ con anh !

Mỗi chiều, ra khỏi häng cửa máy là anh chun vô quán chú Xi, uống đến « say cúping bình thiéc », chín mười giờ đêm mới chịu về.

Có khi về đến nhà là anh ngã lãn ra ngủ, mà lắm lúc anh đánh vợ, chửi con, làm náo động cả xóm. Anh cũng nợ lút đầu đặng quán chú Xi.

Cho nên, sau khi tiền lương vào túi, anh trả nợ rượu về phần anh rồi thì không còn có bao nhiêu.

Sáu giờ rưỡi.

Bảy giờ.

Chị Lưu nóng lòng sai bé Cam :

- Con lại quán chú Xi kêu ba con về. Thằng Bưởi nóng quá, nó làm kinh.

Cam sợ sệt, bần đùng, vì đã nhiều lần lại quán kiếm cha, Cam lãnh nhiều cái tát tai nẩy lửa, song mẹ sai khiến, em mê man, Cam không dám cãi.

Đến quán rượu, Cam rụt rè đứng ngoài dòm vô.

Đã có năm, mười anh thợ ăn uống xong, lần lượt ra về.

Cam chậm chậm bước vô, ngó từ bàn, bỗng nó nghe tiếng lè nhè tận bên trong, mà tiếng ấy, quả là tiếng thợ Lê.

- Ba, mày ... mày phải biết nghe, hể là ... là tửu trung bất ngữ thì ... chơn quân tử ... còn ...

Nhưng thợ Hai ngắt lời :

- Thôi anh Lê, anh say rồi, anh về đi.

Tức thì Lê trợn mắt, khoa tay múa chơn, cãi lớn :

- Anh Hai, anh đừng có nói tôi say. Ai ... ai say nói bậy nói bạ, chớ thằng Lê này, nó say là ... say nghĩa say nhơn mà.

Lúc ấy, Cam làm gan bước đến bên cha, kêu :

- Ba ơi, ba về ba, má trông.

Thợ Lê day qua, nạt :

- Thằng Cam đó hả ? Ai biểu tao về ?

- Má, má biểu con kêu ba về, em Bưởi nóng quá, nó làm kinh.

Thợ Lê còn nóng hơn em Bưởi nữa, anh vỗ bàn cái rầm, ly tách giựt mình ngảy dựng lên, anh hét vang :

- Nóng ? Thì mua thuốc tán cho nó uống, không được sao ?

- Dạ, má không có tiền. Thiếu tiền ông thầy Bảy ổng không hót thuốc chịu cho nữa.

Cam nói rồi nắm tay cha, toan kéo cha đứng dậy. Tức thì em bị một đập lăn cù, va đầu vô chơn bàn u một cục to tướng.

Cam rán chỗi dậy, mếu máo khóc, nói rằng :

- Ba về nghe ba !

Thợ Hai ngó thợ Ba, hai người một lượt đứng dậy, ném mấy đồng bạc cho chú Xi và không để Lê nói lời gì, lôi anh ta ra khỏi tiệm.

Hai anh thợ lực lưỡng cặp hai bên dắt Lê đi tuốt về nhà.

Chị Lựu ngồi ôm con trông lom lom ra cửa.

Vừa bước vô, Lê đã quát mắng om sòm :

- Đau, đau thì mua thuốc cho nó uống, chớ kêu tao về rồi nó mạnh liền hay sao ?

Chị Lựu để con xuống văng bệu bạo nói :

- Bé Bưởi tắt hơi rồi, còn đâu ! Trước khi chết, nó kêu « Ba ơi, ba ! »

Cam òa lên khóc, hai anh thợ chắt lưỡi, thở dài. Thợ Lê bước lại văng bồng con lên, cặp mắt đỏ au nhìn con chòng chọc.

Anh đã tỉnh chưa ?

Và anh đã hồi hận ?

30) Ai làm nên tội !

- Dắt phạm nhơn vô !

Giọng Thẩm phán quan răn rỏi, nghiêm khắc, kẻ yếu bóng vía phải giựt mình.

Viên cảnh sát nhẹ xô cánh cửa bật văn phòng, đẩy một đứa bé vào, anh bước theo, đứng nghiêm, đưa tay lên trán chào.

Thẩm phán quát đôi mắt nẩy lửa nhìn phạm nhơn, một trẻ thơ mười bốn mười lăm tuổi, tóc trung, tóc dài mấy tháng rồi chưa hót, mặt xương, nước da xanh mét, áo sơ mi trắng cụt tay đã cũ, quần vải đen lai xù, chỉ có vàng trán rộng, đôi mắt thông minh.

- Tên gì ? Tuổi ?

Phạm nhơn khúm núm thưa :

- Dạ cháu mười lăm tuổi, tên Lê Nam Tử.

Vừa nghe cái tên Lê Nam Tử, thẩm phán thoáng giựt mình ; vẫn giữ thái độ cứng rắn, nghiêm nghị, ông quát :

- Từng ấy tuổi mà đã đâm người trọng thương ! Vài năm nữa, sao khỏi đốt nhà người, ném lựu đạn, giết mìn, giết người không gớm tay !

Nam Tử cúi đầu, không chịu nổi cái nhìn xuyên óc của viên quan.

Ngừng một giây, ông hỏi tiếp :

- Làm nghề gì ? Cha mẹ tên chi ? Ở đâu ?

Dường xúc cảm, Nam Tử thưa :

- Dạ cháu bán báo, đánh giày ... Cháu không có cha, mẹ cháu là Lê thị Kim Hoa, may mướn, ở xóm Vạn Chài.

Kim Hoa ! Kim Hoa nào, phải « người cũ » hay không ? Hay là Kim Hoa nào khác ?

Thẩm phán càng để ý. Không khí trong văn phòng ngột ngạt. Những người ngồi đợi trước văn phòng nói chuyện nho nhỏ.

Viên quan đại diện pháp luật hỏi tiếp :

- Má cháu là người Nam hay người Bắc ? Và cháu có nghe má cháu nói cha cháu là ai, tên gì không ?

Nam Tử dường do dự, sau rồi cũng thưa :

- Má cháu người Bắc xong vào Nam đã lâu nên nói giọng như đồng bào miền Nam. Chỉ có một lần cháu nghe má nhắc tới tên ba, căn dặn đừng nói cho ai biết.

- Cháu phải nói, ta là thẩm phán kia mà !

- Dạ, dạ, ba cháu là Đỗ Kỳ Nam.

Lại Đỗ Kỳ Nam ! Sao mà lạ thế ?

Đã Lê thị Kim Hoa, một cái tên rất là quen thuộc, thân mật vô cùng, bây giờ lại Đỗ Kỳ Nam ! Mà Đỗ Kỳ Nam là ai ? Chính là ông, Thẩm phán đang hỏi cung con ông, Lê Nam Tử đây mà !

Cảnh sát viên không khỏi ngạc nhiên, sẽ lên ngó ông rồi nhìn em Nam Tử, ngờ rằng thằng bé qui quyết, tạo cảnh trái ngang.

Thẩm phán có tiếng là nghiêm khắc nhưt Sài Gòn, buộc tội gắt gao, thở ra, hai tay bụm mặt ...

Đoạn phim dĩ vãng xảy ra cách đây mười lăm năm, từ từ diễn ra trước mắt người.

... Thuở ấy, người là một sinh viên đại học Luật khoa ở Hà thành. Ngày chúa nhật, người dạo chơi Phố Hàng Đào, để ý nơi cửa hàng tơ lụa Kim Hoa, một thiếu nữ điểm kiều, thùy mị.

Vốn đẹp trai, nói năng hoạt bát, chẳng mấy chốc, sinh viên Đỗ Kỳ Nam đã chinh phục tâm lòng trinh trắng của thiếu nữ Lê thị Kim Hoa.

Đôi thanh niên nam nữ yêu nhau vì nét, trọng nhau vì tài, từng phen viếng Đền Ngọc Sơn, dạo cảnh Tây Hồ, trước Chùa Một Cột, tôn thờ Đức Bồ tát Quan Âm, cả hai thành tâm cầu nguyện Đại sĩ từ bi ban cho đôi lứa hưởng phước lâu dài.

Và, sau khi đỗ Luật khoa cử nhân, trước khi đáp tàu về miền Nam đất Việt, Kỳ Nam hứa hẹn, sẽ viết cho nàng một bức thơ đầy đủ chi tiết, rước nàng tại bến tàu thủy Sài Gòn, thề thốt chẳng bỏ rơi mẹ con nàng, vì « đoá hoa vàng » có mang đà ba tháng.

... Nào ngờ, sự thật phũ phàng đang chờ đợi cậu Cử Kỳ Nam.

Sau khi chàng về đặng mấy hôm, song thân cử hành ngay cuộc lễ nghinh hôn : chàng phải cưới ái nữ nhà triệu phú Xuân Thu, Nghị viên Đô thành. Dầu chàng có nói gì đi nữa, ông bà không thể nào lấy lời hứa hôn cho chàng lại được !

Thấm thoát thời gian qua, Tạo hóa thần nhiên trước cái đau khổ của loài người, vì tình, vì danh, vì lợi mà tạo lấy cho mình.

Thấm thoát thẩm phán Đỗ Kỳ Nam đã cùng vợ đẹp con ngoan hưởng mười lăm cái Tết, hoạn lộ thên thang.

Song con người còn có lương tri nhắc nhở, nên thỉnh thoảng quan thẩm phán nhà ta cũng nhớ tưởng đến Kim Hoa, thiếu nữ yêu kiều, chẳng rõ ngày này, giờ này, mẹ con nàng thân phận ra sao, Kim mã ngọc đường hay là tấm thân vất vãng, bữa cháo bữa rau !

Rồi ngày hôm nay, định mạng khắt khe xô đẩy đưa con tội lỗi, đứa trẻ phạm tội gây trọng thương cho người, đối diện người cha bội bạc đường đường một viên thẩm phán có uy quyền tha bắt trong tay.

Ngước mắt lên nhìn Nam Tử giây lâu, ông hỏi, giọng hiền hòa :

- Má cháu là người Bắc, tại sao lưu lạc vào Nam, hiện đang làm nghề chi mà sanh sống ?

« Nhân tiện, má cháu có thuật vì sao mà cháu phải lấy họ mẹ hay không ?

Nam Tử xúc động rung rung nước mắt, thưa :

- Lúc trước, ở ngoài Hà Nội, má cháu ăn ở với ba cháu tên Đỗ Kỳ Nam, mang thay cháu đăng ba tháng thì ba cháu về Nam, rồi từ đó bất vô âm tín. Má cháu có gởi cho người mấy bức thơ, song thơ đi thì có mà thơ về thì không !

« Ông ngoại cháu nghiêm khắc đánh mắng má cháu làm điểm nhục gia phong, đuổi mẹ cháu ra khỏi nhà ... Tội nghiệp má cháu, bụng mang dạ chửa, đi đâu, làm gì mà độ nhứt.

Nam Tử thút thít khóc.

Thẩm phán nhìn qua cửa sổ mấy chiếc xe thân nhiên nối tiếp nhau chạy ngoài đường mà đôi giọt lệ từ từ lăn xuống, ông rút khăn lau mặt.

Cảnh sát viên nạt phạm nhơn :

- Mày nói gì ba-lăng-nhăng làm cho quan Tòa xúc động, có im đi không ?

Kỳ Nam khoát tay, lấy lại bình tĩnh, bảo Nam Tử thuật tiếp.

« May một bà di có từ tâm cho má cháu ở nhờ, dạy học qua ngày chờ sinh nở. Khi má cháu cứng cáp rồi, bỗng cháu đáp tàu vào Nam, quyết tìm cho đăng ba cháu, ai ngăn cản cũng không nghe.

« Má cháu đến cái địa chỉ ba cháu cho khi trước nói tên ba cháu, hỏi thăm ; không một ai biết mà trả lời. Họ an ủi một câu là có lẽ ba cháu vì chức vụ mà chuyển chuyển nơi khác rồi chẳng ...

« Thời cuộc 45 nổi lên, má cháu cũng như bao nhiêu đồng bào khác tản cư về chốn thôn quê, câu cá hái rau sống qua ngày.

« Tình hình êm êm, lại về Sài Gòn. Nơi thủ đô chắc dễ dò la tin tức về ba cháu. Nhưng nơi Tòa án và các Bộ, người ta trả lời vu vơ, má cháu chán nản, đêm đêm chỉ có khóc thầm mà thôi, khẩn Phật cầu Trời, nay đau mai mạnh, may thuê vá mướn hoặc làm bánh cháu bụng đi bán mấy nhà trường.

Thẩm phán thở dài hỏi :

- Cháu có đi học hay không ? Má cháu sao không tái giá, làm lại cuộc đời ?

- Dạ, nhiều thầy thông, thầy giáo đến hỏi má cháu làm vợ, cam kết sẽ xem cháu như là con, song mẹ cháu một mực chối từ, rằng đời người con gái chỉ có một lần mà thôi, ba cháu bội bạc thì phú có ông trời, má cháu thường dạy răn cháu, ở đời phải gìn chữ Tín, dầu đối với ai cũng phải chân thành, nhứt là đừng lừa gạt nữ nhi non lòng nhẹ dạ.

Mặt quan thẩm phán ửng hồng, đánh trống lảng hỏi sang chuyện khác.

- Còn cháu có đi học hay chẳng ? Vì sao cháu đâm người trọng thương ?

- Dạ, cháu học một bữa, nghỉ hai ba bữa, vì phải đi làm lật vật, bán báo, đánh giày, hoặc bán bánh má cháu khỏe thì làm.

« Sớm mai hôm qua, cháu xách hộp đồ nghề đi trốn một buổi không đánh được đôi giày nào, cháu đói quá thấy chú bán bánh mì thịt manh bánh đi ngang, cháu giựt đại một ổ, chạy, chú nắm cổ cháu la « cướp, cướp ! » om sòm. Rồi ai để con dao găm đó, cháu chụp lấy đâm tay chú cho chú buông cổ cháu ra, nào dè dao trượt trúng ngực chú ...

Một giây im lặng.

Thẩm phán đứng dậy đi qua đi lại, đến đặt tay lên vai Nam Tử, nói :

- Có khi vì hoàn cảnh mà người không giữ vẹn tình chung, chớ không phải vì nhan sắc, tiền tài mà phụ rẫy tình xưa ... Nhưng thôi, nếu nay tình cờ cháu gặp lại cha cháu, người sẽ tận tâm lo lắng cho mẹ con cháu ấm no, cháu đi học đàng hoàng, cháu sẽ bằng lòng chẳng, cháu có tha thứ cho cha không ?

Đứa trẻ nhút nhát vụt cau mày, đôi mắt sáng lên cười gay gắt :

- Trong trường hợp gặp lại ba tôi, tôi mừng lắm chớ sao không ? Tôi sẽ nói cho ông biết tất cả những sự tủi nhục, đau đớn ê chề của má tôi vì những điều tôi mới thuật quan Tòa nghe đây không bằng một phần mười nỗi khổ của má tôi.

« Tôi mong gặp ông lắm chớ, tôi sẽ hỏi ông, vì sao ông thọ hưởng cái xác thân của một người đẹp chho đến có con, rồi ông đành đoạn vứt bỏ người như một manh chiếu rách, như một cánh hoa thừa để chạy theo một bông hoa mới, hương sắc vẹn toàn, chạy theo nhà lầu, xe hơi, hũ vàng, túi bạc ... cũng vì ông mà ngày hôm nay tôi thất học, tôi sắp bị tù, má tôi rầu chết cũng không biết chừng. Trong hai người, tôi, một đứa trẻ vì quá đói quá nghèo nên làm bậy, với ông, một nhà trí thức phú hộ cao sang, bỏ vợ từ con, **ai làm nên tội** ?

Nam Tử thở hồn hển, ngồi phịch xuống nền gạch.

Giờ phút này, thay bậc đổi ngôi, không phải quan Thẩm phán cầm cân pháp luật, bảo vệ xã hội an ninh, lên án phạm nhơn vô tâm gây trọng thương cho người, nhưng trái lại chính phạm nhơn lia lên án quan Tòa đã, vô tâm hay cố ý, phạm trọng tội ái tình, luân lý, xã hội.

Quan Thẩm phán Đỗ Kỳ Nam mồ hôi đổ đầm ! Người sẽ xử sự sao đây ?

Chiều theo luật pháp mà gởi cậu con Lê Nam Tử vào nhà cải huấn làm cho người mẹ xấu số của nó sầu khổ chết luôn, hay là ông chẳng màng dư luận, can đảm nhìn người vợ, nhìn đứa con bất hợp pháp, làm tròn phận sự đối với luân lý, gia đình, cử chỉ ấy có thể phương hại đến địa vị và hạnh phúc gia đình hiện tại của ông ?

*Sài Gòn ngày rằm tháng bảy
Năm Quý Sửu
13/8/1973*